

STANISLAS-ANDRÉ STEEMAN

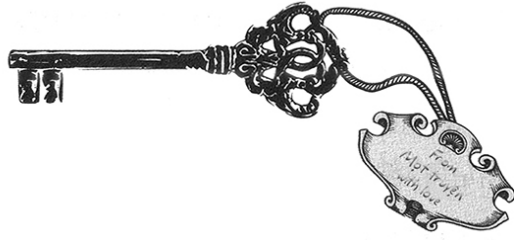
K
S Á T N H Â N
Ở S Ở N H A

VICTORIA 21

2

1





Lời nói đầu

Người qua đường yên lặng ngã xuống, mọi tiếng động bị màn sương mù hấp thụ trước khi thân thể chạm đất. Chiếc cặp da của anh ta đập cái “tôm” xuống vỉa hè.

Ngài Smith thở dài. Hắn nhủ thầm: “Thật dễ quá! Dễ hơn cả lần đầu tiên!”

Thật vậy, thậm chí hắn còn không cảm thấy mồ hôi ướt tay và cơn đau quặn dạ dày đã làm chùn bước chân tử thần của hắn vào hôm kia.

Các ngọn đèn đường đã bật từ sáng sớm, đánh dấu từng đoạn phố như những chiếc kén rục rở, và một vài chiếc xe hiếm hoi di chuyển chậm chạp. Chỉ thấy đôi găng và chiếc mũ bảo hiểm trắng của những nhân viên điều tiết giao thông, bên trên khuôn mặt nhợt nhạt của họ. “Thời tiết tuyệt vời cho kẻ giết người!” Đây cũng lời ngài Smith nói với bà Hobson khi ra khỏi nhà.

Hắn dùng chân lật xác lên, quỳ xuống, nắm cổ tay nạn nhân. Cuối cùng, đôi tay bọc găng cao su đen của hắn di chuyển trên thân xác nạn nhân như những con bọ cánh cứng ăn xác nhanh nhẹn.

Mười phút sau, trước ngôi nhà số 15 phố Rackham, bốn người đàn ông vây quanh một khối đen nằm trên vỉa hè.

Người đầu tiên là bác sĩ Graves, từ bệnh viện Princess Louise gần đó. Người thứ hai bận đồng phục cảnh sát. Người thứ ba là thanh tra Fuller của Scotland Yard^[1]. Người thứ tư, người cuối cùng, rõ ràng là đang phải chịu áp lực lớn, là một nhân viên phục vụ cũng đến từ bệnh viện Princess Louise. Chính cậu ta là người đã vấp phải thi thể và báo cảnh sát.

“Vỡ sọ.” Bác sĩ đứng dậy và nói. “Chết đột ngột, ít nhất trong khoảng mười lăm phút.”

Ông ta nói thêm, không biểu lộ chút cảm xúc nào.

“Đây là người thứ hai trong vòng ba ngày, nếu tôi không nhầm?”

Đến lượt viên thanh tra khám xét nạn nhân. Dứt khoát như một người chắc chắn về việc mình đang làm, anh ta sử dụng cả hai tay lục soát. Tay trái mò vào túi trong áo khoác và không tìm thấy gì. Tay phải lần xuống dưới thi thể nạn nhân và rút ra một tấm danh thiếp có tên viết tay.

“Tôi tự hỏi.” Ông cảnh sát nói.

“Ừ.” Fuller trả lời.

Chánh thanh tra Strickland được coi là người đàn ông điềm tĩnh nhất cả Scotland Yard. Ngay cả bà Strickland cũng từ bỏ việc làm ông mất bình tĩnh khi tặng ông cặp kính lần thứ ba.

“Rồi sao?” Ông ta nói khi thanh tra Fuller báo cáo về vụ án xảy ra trên đường Rackham.

Dù nghe bất cứ câu chuyện nào, cho dù là câu chuyện về một tên tội phạm tự cắt cổ sau khi sát hại toàn bộ gia đình của mình,

chánh thanh tra Strickland cũng luôn chỉ nói: “Rồi sao?” Chẳng kết cục nào làm ông ta hài lòng.

“Porter đã thú nhận, thưa ông. Gã đã đút ngọc trai cho bầy cá vàng của gã.”

“Rồi sao?”

“Người phụ nữ đã bị bắt, thưa ông. Thủ phạm là cô phục vụ ở quán Lyon’s.”

“Rồi sao?”

Thậm chí một nửa cảnh sát London luôn mơ được quất vào mặt ông ta. “Và rồi, con sói ngoạm hẳn luôn!”

Fuller, người đàn ông Fuller to béo và ưa hình thức, chính anh ta cũng muốn làm điều đó vào đêm hôm ấy. Nhưng anh ta biết không thể lộ ra chút cảm xúc nào.

“Và rồi, người đàn ông ở phố Rackham đã bị đánh bằng một túi cát, giống ông Burmann ở đường Tavistock hôm kia. Anh ta bị sát hại để cướp tài sản giống ông Burmann. Cuối cùng, tên sát nhân để lại cho chúng ta một tấm danh thiếp lần nữa.”

Khi nói điều này, thanh tra Fuller đặt tấm danh thiếp lên bàn của sếp mình, tờ giấy mà anh ấy đã tìm thấy dưới thân thi thể khoảng hai mươi phút trước đó.

“Ngài Smith!” Ông chánh thanh tra đọc to. “Người đàn ông của chúng ta cần gì phải để lại chữ ký vào tội ác của mình như thế này?”

“Tôi cũng tự hỏi điều đó.” Fuller nói. “Sẽ dễ hiểu hơn nếu đó là một kẻ điên. Nhưng ngài Smith không phải một tên điên. Hẳn chỉ

tuân theo động cơ tâm thường nhất: lợi ích.”

Strickland gật đầu: “Ai biết được? Có thể việc cướp tài sản chỉ nhằm đánh lạc hướng điều tra thôi. Vẫn chưa xác định được danh tính nạn nhân hả?”

“Chưa ạ, thưa ông. Nhưng tôi đã cử sáu người điều tra cư dân sống gần hiện trường vụ án.”

Fuller cảm thấy cần phải tự bào chữa: “Dù sao thì cũng đã có tiền lệ... Nạn nhân thứ hai cũng có thể bị tấn công ở khu của mình.”

Strickland hiểu ý và chỉ gật đầu. Ông nghĩ về kẻ tự xưng Smith. Đó có phải tên thật của hắn? Hắn không phải. Phải chăng hắn đang ẩn náu sau một biệt danh? Ở cả hai trường hợp, mục đích của hành vi phô bày bệnh hoạn này là gì?

Strickland lại nghĩ đến buổi tối bị phá hỏng, về món chân giò hầm kiểu Ý mà bà Strickland sẽ phải ăn một mình, và cơn giận tối tăm của Đại tá Hemphorne khi nghe tin vụ án mạng thứ hai này. Ông sẽ phải thức cho đến khi xác định hết hy vọng cuộc điều tra tiến triển thêm gì vào hôm đó.

“Nghe rõ này, Fuller!” Cuối cùng, ông lên tiếng. “Nếu danh tính của nạn nhân không được xác định vào đêm nay, hãy đăng một thông báo trên các báo sáng. Yêu cầu bác sĩ Hancock trình bày kết luận của ông ấy trong vòng mười hai giờ. Tăng cường tuần tra, cẩn thận xung quanh trường St. Charles và trạm Westbourne Park. Ra lệnh thẩm vấn và lục soát tất cả những đối tượng khả nghi... Tôi muốn báo cáo mỗi giờ.”

“Mỗi giờ!” Fuller ngẫm nhận ra ông chánh thanh tra vừa thể

hiện dấu hiệu cảm xúc duy nhất mà ông ấy có. Anh nói: “Vâng, thưa ông.” Và đi ra khỏi cửa.

Lúc sắp ra khỏi phòng, anh ta quay lại. Strickland cầm tờ bì cứng bằng ngón trỏ và ngón cái, thứ mà kẻ vô danh đã viết in hoa lên cái tên Smith, trầm ngâm nhìn nó.

Ánh mắt hai người đàn ông chạm nhau, và Fuller bỗng bạo dạn hơn.

“Tình hình xấu cho những người tên Smith, thưa ông.” Anh nói. “Nếu ông cho phép tôi đưa ra ý kiến.”

Thật vậy, vụ án mạng phố Rackham diễn ra chỉ trong bốn mươi tám tiếng sau vụ tương tự đã làm dấy lên những hiện tượng xã hội kỳ lạ, ngoại trừ những hậu quả khác.

Những người trước đây được tôn trọng, những người chỉ có lỗi duy nhất là mang tên Smith, bất chợt bị mọi người nghi ngờ và thù ghét. Ai nấy tránh xa họ khi họ đến gần, và họ bị người khác chỉ trỏ. Một thậm chí bị các nhà cung cấp dịch vụ từ chối. Có những người bị đuổi ra khỏi các hội đồng mà mới ngày hôm qua đây thôi, họ còn được tiếp đón một cách thân thiện nhất. “Tẩy chay những tên Smith!” Đó là tiếng nói của dân chúng. Ở khu phố East End^[2], cảnh sát đã phải bảo vệ một số cửa hàng trước đám đông bắt đầu cướp phá. Ngài Chipini, giữ chức vụ giám đốc của nhà hàng Savarin, không bao giờ quên cuộc chiến kịch liệt đã xảy ra một chiều thứ Bảy, khi người phục vụ có ý tưởng tồi tệ đi qua sảnh khách sạn (nơi có ít nhất ba “con cừu đen”) mang theo một bảng hiệu với dòng chữ: *Chúng tôi muốn ngài Smith nghe điện thoại.* Nếu không có ai chết, thì cũng không ai phải chịu trách nhiệm.

Một tờ tuần báo nổi tiếng hài hước còn thất bại khi đùa rằng đề nghị đổi tên cho khoảng năm ngàn (?) Smith ở London thành Jones. Những ký ức về Jack Đồ tể vẫn còn sống động, nên dân chúng chẳng còn chút khiếu hài hước nào trong cả lời nói lẫn hành động. Tất nhiên là ngài Smith chẳng để lại những vết thương tàn bạo trên thi thể nạn nhân như kẻ tiền nhiệm của hắn. Mặt khác, hắn cũng không có dấu hiệu tâm thần nào. Tội ác của hắn bắt nguồn từ lòng tham. Sau rốt, tất cả chỉ khiến nổi khùng hoảng trầm trọng hơn.

Ông Burmann đã bị sát hại ở đường Tavistock vào mười một giờ tối, ngày 10 tháng Mười một, và ông Soar - người đàn ông đã chết ở đường Rackham là một tay buôn đồ cổ tên là Benjamin Soar - bị giết vào năm giờ chiều ngày 12 tháng Mười một.

Vào ngày 19 của cùng tháng (ngài Smith vừa thực hiện vụ án thứ ba, nhắm vào một luật sư nổi tiếng, có tên Derwent), một người tên Jeroboah Smith đã nhảy xuống sông Thames từ cầu Tự sát^[3]. Người ta đã cứu anh ta, nhưng dòng nước lạnh đã khiến anh ta bị viêm phổi và qua đời sau hai mươi tư giờ. Trong những ngày tiếp theo, không còn đếm được bao nhiêu Smith thất nghiệp và những người đã chuyển nhà với hy vọng tìm thấy hàng xóm thân thiện hơn, nhưng vẫn không thể tìm được nơi ở. Nói tên Smith tương đương việc bị sa thải với một người hầu; bị tổng cổ ngay lập tức với một người tiếp thị; và bị cướp chỗ trú ngụ dưới chân cầu Tháp London với một kẻ vô gia cư...

Một số người tích cực đã cố gắng chứng minh trong những cuộc thảo luận sôi nổi rằng không lẽ nào cái tên Smith mà kẻ sát nhân

tự xưng đó lại là tên thật được. Họ bị đáp trả bằng những lời bất lịch sự và tự bản thân họ cũng bị nghi ngờ.

Thành phố London, dần chìm trong sợ hãi, và cười nhạo những giọng nói lý trí! Họ chỉ muốn tìm kẻ chịu trách nhiệm.

Tuy nhiên, Scotland Yard vẫn làm việc.

Mỗi ngày, những người lãnh đạo, mà dư luận thường gọi là Bộ Tứ, đều ra những biện pháp mới và tốt hơn.

Ví dụ, sau án mạng của ông Derwent tại phố Maple, họ đã khoanh vùng hoạt động của ngài Smith trên bản đồ, thành một khoảng chữ nhật rộng kéo dài từ bảo tàng Anh quốc đến Wormwood Scrubs và bao gồm phần tốt nhất của khu Paddington, Bayswater, Notting Hill,...

Do đó, một số quyết định được đưa ra:

1. Tất cả các cảnh sát và thanh tra thường phục tuần tra ở khu vực này của London sẽ được trang bị súng vào ban ngày và ban đêm;

2. Nếu có dấu hiệu sương mù, nhân lực sẽ tăng gấp đôi;

3. Họ sẽ phải đặt câu hỏi và, nếu cần, khám xét tất cả những người đi bộ độc bành;

4. Đội bay và đoàn xe máy giám sát trong khu vực này sẽ tăng (vẫn trong điều kiện thời tiết sương mù) năm mươi phần trăm;

5. Các chủ khách sạn, nhà trọ,... sẽ được yêu cầu hỗ trợ cảnh sát bằng cách cung cấp thông tin về bất kì người nào có hành vi đáng ngờ;

Những biện pháp này, kèm theo hai mươi biện pháp khác (thử

nghiệm các hệ thống chiếu sáng mới trong trời sương mù, điều tra trong các khu ổ chuột,...) đã tạo hiệu ứng. Trước nhất là dựng xây lòng tin mới trong nhân dân và thứ hai, cản được hoạt động phạm tội của ngài Smith. Hẳn ta đã thất nghiệp, nếu ai đó dám nói vậy, trong ba mươi tư ngày, một con số chính xác.

Mọi người đều biết tại London, ngày lễ Giáng sinh được tổ chức với niềm vui và cả tinh thần đoàn viên. Người dân ở đó có quyền hy vọng từ sâu trong tâm hồn riêng tư rằng ngài Smith, nếu hẳn là người Anh, sẽ nghỉ lễ.

Tuy nhiên, có lẽ ngài Smith không phải là người Anh, hoặc làn sương mù đậm đặc lưu huỳnh trên đường từ trưa ngày 24 tháng Mười hai, đã thành công khiến hẳn quên đi...

Dù sao đi nữa, khi bước vào đường Foxglove từ Western Circus vào buổi chiều, cảnh sát Alfred Burt nghe thấy tiếng vật gì rơi rất gần. Chỉ kịp dành thời gian bật đèn pin, sau đó anh ta lập tức chạy lại. Than ôi! Đó là một sai lầm! Anh ta nhận ra điều này khi thấy một người đàn ông cúi gập người chạy vụt đi, trong khi một bóng đen bất động đang nằm trên lề đường. Tuy nhiên, cảnh tượng này chỉ kích thích Burt. Hoàn cảnh cung cấp cho anh ta cơ hội độc đáo để tỏa sáng: Anh ta sẽ tận dụng cơ hội này!

Sải dài bước chân hết cỡ, anh ta đưa còi lên miệng, cuống cuống lấy hơi...

Nhưng số phận đã định sẵn rằng Alfred Burt sẽ không bao giờ trở thành trung sĩ. Tại nơi phố Foxglove gặp góc để nối với đường Hilary, anh ta đã đâm ngay phải định mệnh, dưới hình dạng một người qua đường vô hại đang cúi đầu. Khi anh đứng dậy, kẻ tẩu

thoát đã biến mất trong làn sương mù.

Hai mươi phút sau, cảnh sát Withers cũng phát hiện một thi thể còn ấm ở bên lề công viên Wormholt: Một cụ bà đội tóc giả màu hung. Căn cứ vào đôi tay co quắp, bà đã chết khi cố nắm lấy cái túi lưới trong tuyệt vọng. Nhưng giờ cái túi đã biến mất.

Có thể vì muốn trả thù nỗi sợ trong thời gian qua, hoặc vì vụ trước đó không được “trả công”, ngài Smith đã thực hiện một vụ án kép.

Đương nhiên, sau hành động xúc phạm đến vậy của hắn, Scotland Yard đã tổ chức một cuộc họp mới. Cuộc họp quy tụ không dưới mười vị tai to mặt lớn. Ngay sau đó, bốn trong số họ đã phải đến gặp thủ tướng, ngài Leward Hughes, họ hấp tấp vì bị kết tội.

Thật vậy, ngài Smith đã trở thành mối nguy hại quốc gia. Nếu không nhanh chóng khắc phục, hắn có thể sẽ khiến cả London rơi vào tình trạng hoảng loạn và nghiêm trọng hơn là khiến người ta nghi ngờ về năng lực của cảnh sát Anh.

Ngài Leward hỏi khi nào và bằng cách nào Scotland Yard dự định chấm dứt những chiến công của ông Smith. Ngài Christopher Hunt, Ủy viên Cảnh sát trưởng, đã trình bày ngắn gọn các biện pháp và ngài Leward cho rằng, không phải không có lý do, rằng điều đó là không đủ vì ngài Smith vẫn tiếp tục công việc đồ tể của mình.

Ngài Leward hỏi xem Scotland Yard đã tiến hành cuộc bắt giữ nào chưa. Đại tá Hemphorne trả lời rằng họ đã bắt mười hai người, nhưng không ai bị câu lưu cả. Ngài Leward lại hỏi Scotland

Yard có nhận đề nghị thú vị nào từ người dân không. Phó ủy viên Prior trả lời rằng họ đã nhận được một ngàn một trăm mười bảy đề nghị, tất cả đều đã được xem xét rất cẩn thận và có ba đề nghị được lưu ý. Ngài Leward lại hỏi ngài Christopher rằng liệu ông ta có nghĩ rằng Bộ đang thất thế không. Ngài Christopher đáp trả bằng việc xin từ chức. Ngài Leward nguyên rủa rằng ông ta không quan tâm tới điều đó.

Cuối cùng, tất cả thống nhất sẽ đăng lệnh truy nã với phần thưởng từ năm mươi đến hai ngàn bảng cho bất kì thông tin nào có thể giúp lần ra danh tính hoặc bắt giữ tên tội phạm. Ngoài ra, ngài Leward cũng sẽ bàn với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc có nên điều động quân đội để tăng lực lượng cảnh sát.

Sau buổi họp, đại tá Hemphorne lại gần ông Cecil Blain và nắm lấy cánh tay ông.

“Có chuyện quý gì thế, thưa quý ngài thân mến?” Ông ta hỏi, cộc cằn như mọi khi. “Suốt buổi chiều không thấy ông thốt ra câu nào.”

Ông Cecil cúi kính nhìn ông đại tá.

“Tôi đang muốn gặp ông đây!” Rốt cuộc ông ta cũng lên tiếng. “Ngày mai, con gái tôi sẽ cưới chồng, ở Saint-Pancras, với một thằng Smith!”

Ở chỗ khác, Sturgess, thư ký riêng của thủ tướng, đang cố gắng giúp lãnh đạo của anh tự tin vào tương lai:

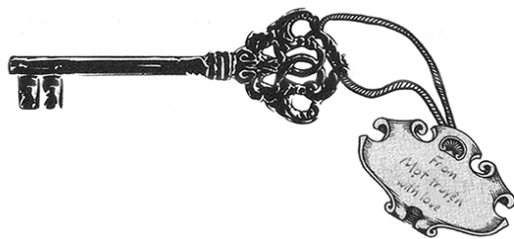
“Thưa ông, tôi tin là ngài Smith đang quá mạnh. Tính cách táo tợn này sẽ khiến hắn thất bại.”

Nhưng “ông lớn” lại nghĩ khác: “Ngược lại, Sturgess ạ! Tính cách

đó sẽ khiến hắn trở nên tuyệt vời. Hắn đã ngây ngất rồi. Từ giờ, không gì có thể cản hắn lại nữa!”

Các sự kiện đã chứng minh đầy bi thảm rằng ông thủ tướng đã đúng.

Vào thời khắc câu chuyện này bắt đầu, ngài Smith vừa sát hại nạn nhân thứ bảy của hắn, vẫn trong thời tiết mây mù và u ám, trong bối cảnh bất biến của một thành phố ma.



01. HENRY BEECHAM NỔI GIẬN

Ông cảnh sát Henry Beecham nổi danh khắp khu Shoreditch vì đức tính kiên nhẫn và tử tế. Do vậy, chín cậu con trai của bà O'Halloran, đôi khi có thêm cả mười một cô con gái nhà bà Mullin, có thể tụ tập đi theo ông ta và hát vang lên. Có một bà lão ở Brighton... Ông không phản ứng gì lớn ngoài việc xua tay hù dọa chúng nơi góc phố. Hơn thế, chính bà O'Halloran còn lẳng mạp ông thậm tệ mỗi khi bà bị tổng khử khỏi quán rượu nào đó trong khu phố. Vậy mà ông cũng chỉ nhẹ nhàng đưa bà về tận nhà.

Điều đó lý giải tại sao mọi người đều cảm thấy kinh ngạc với sự việc sắp xảy ra. Nếu là bất cứ ai ngoài Beecham, có lẽ câu chuyện sẽ ngăn lại hơn nữa...

Khi ấy là năm giờ sáng, ngày 28 tháng Một năm 193x, ông cảnh sát đang chậm rãi đi dọc con phố Quaker thì bỗng dừng lại, sững sờ. Cách ông ta chưa đầy 5m, một người đàn ông ngồi vắt vẻo trên cột đèn như thể ngồi trên cây dừa, đang dõi theo ông cảnh sát với vẻ đầy hứng thú.

“Chà!” Beecham nghĩ bụng, ngay khi khoảnh khắc ngạc nhiên ban đầu qua đi. “Thằng cha này xin quắc cần câu rồi!”

Và như thường lệ, suy nghĩ đó làm ông khoan dung hơn. “Này, anh kia!” Ông vừa gọi vừa rảo bước lại gần. “Anh làm gì ở đó?”

“Tôi đang chờ ông giám mục Andover!” Người kia cũng trả lời ngắn gọn.

Beecham không thích người khác nói xấu các giám mục lắm. Nhưng mà, sau tất cả, có lẽ gã kia cũng không hiểu mình đang nói gì.

“Kệ xác anh!” Beecham quyết định. “Xuống đây ngay!”

Và ông nói thêm với tâm lý muốn hòa giải: “Ông giám mục không lên tận đó gặp anh đâu.”

Nhưng người nọ bỏ ngoài tai.

“Ai hỏi lời khuyên của ông chưa?” Gã gào lên, vừa giẫm gót chân. Rồi một tiếng khạc lớn, một cục đờm bắn tung tóe xuống chân ông cảnh sát. “Đồ con lợn mũi nhọt!”

Beecham có thể mặc kệ “con lợn”. Đó là một so sánh mang tính xúc phạm nhưng đã yếu dần theo thời gian. Tuy nhiên, ông ta có một điểm yếu: ghét ai nhắc đến cái mũi của mình. Giọng ông ta trở nên sắc bén hẳn, như thể vừa nuốt một thanh kiếm.

“Anh vừa nói mũi nhọt hả?” Ông nhấn mạnh.

“Dĩ nhiên rồi!” Người nọ xác nhận. “Con lợn mũi nhọt!” Gã còn trơ trẽn nói thêm:

“Đến giờ ông còn chẳng biết ông là thằng ngu loại nào mà?”

“Lạy Chúa toàn năng!” Beecham nghĩ thầm. Không khí bắt đầu nóng lên rồi đấy. “Tôi chỉ biết một điều. Đó là mũi của anh chốc nữa sẽ thế nào nếu anh không ngậm mồm lại ngay đấy!”

“Ồ! Thế cơ à? Tôi lại chả đập ông văng cả răng giờ, lão cóm chết tiệt!”

Người đàn ông nói liền mạch chẳng cần lấy hơi, bằng thứ giọng chuẩn vùng phía Đông London! Beecham sửng sốt một hồi. Sau đó,

ông từ từ cởi phần trên áo choàng, rút cuốn sổ nhỏ bìa bọc vải và một cây bút chì, sau đó dùng lưỡi liếm ướt ngòi.

Ông đã tốn nhiều sức để giải quyết mọi chuyện êm thấm. Nhưng giờ ông không nghĩ thế nữa. Năm, sáu kẻ hiếu kỳ đứng lại xung quanh ngọn đèn đường, tiếng cười từ thấp đến cao.

Mặc dù vậy, Beecham vẫn quyết định cho người lạ đương vất vẻo trên cao một cơ hội.

“Anh vừa nói *lão cóm chết tiệt* phải không?” Ông hỏi lại với giọng ngờ vực, như một người sẵn sàng thừa nhận ông đang hiểu lầm nghiêm trọng.

“Đã điếc rồi sao không mù luôn đi lão cóm! Dĩ nhiên là tôi đã nói thế rồi!”

Khuôn mặt thật thà của Beecham chuyển từ hồng tự nhiên sang màu cà tím. Điếc còn mù... Chắc chắn là không thể tha thứ được!

Nhét lại quyển sổ và chiếc bút vào áo, ông cảnh sát bám lấy cây cột bằng hai tay, trông như thể thứ ông đang muốn leo lên là cây cột mỡ^[4] vậy.

Nhưng ông đã làm rất tốt. Ông nhanh chóng giơ tay, nắm lấy một chân người đàn ông và kéo. Người nọ bất ngờ trước cuộc tấn công chớp nhoáng, lúc đầu đã suýt ngã. Sau đó, gã tự lấy lại thăng bằng và dùng chân trái giẫm mạnh vào tay ông cảnh sát, làm ông ta phải buông ra.

Đồng thời, gã còn chửi ông dữ dội hơn:

“Cút đi, đồ chó đẻ!”

Beecham thở dài. Không còn lựa chọn nào khác. Ông cầm còi,

thổi như vị thần gió Aeolus^[5].

Người đàn ông phố Quaker bị áp giải về đồn. Tuy bị cảnh sát Beecham và Jarvis ghì chặt tay, gã vẫn suýt ngã chục lần. Nhưng ngay khi bước qua ngưỡng cửa của đồn cảnh sát, gã đã lấy lại thăng bằng như thể có phép lạ.

“Cảm ơn, các bạn tôi!” Gã tùy ý nói, trước cả khi ông trung sĩ Guifoil - người đang nhanh chóng ngồi xuống chiếc ghế đầu cao của mình - kịp thăm vấn về danh tính gã như thường lệ. “Các bạn sẽ giúp đỡ tôi rất nhiều nếu các bạn gọi Whitehall 1212 đấy.”

Whitehall 1212, số điện thoại của Scotland Yard! Ông trung sĩ và cấp dưới nhìn nhau ẩn ý.

“Lạy Chúa!” Jarvis thốt lên, ông bắt đầu cởi khuy áo choàng. “Chúng tôi có đủ hai người để dạy anh tôn trọng bộ đồng phục này!”

Người lạ vẫn không hề bối rối: “Đợi chút, Jarvis! Tôi tin là cảnh sát London nhớ mặt giỏi chứ nhỉ!”

Cùng lúc đó, Beecham kêu lên thất thanh một cách kinh ngạc: “Toby Marsh!”

“Chính là vậy.” Người nọ cúi đầu nói. “Hắn bộ ria mép đã khiến tôi khác đi chút. Các ông đồng ý gọi điện chưa?”

Nhưng Jarvis vẫn thấy đau vì những cú đá của gã vào ống chân phải từ phố Quaker đến đồn cảnh sát, ông không định từ bỏ dễ dàng việc trả thù mà ông đã tự hứa với mình.

“Vào đây, Marsh!” Vừa nói, ông vừa đẩy cửa buồng giam. “Việc kia để sau!”

Toby Marsh lắc đầu: “Tôi e rằng không có sau đó đâu, Jarvis!”

Và, mặc dù vẫn không di chuyển, một con dao găm dài chuôi đen lóe lên giữa những ngón tay mảnh khảnh của gã: “Chỉ cần một cử động bất ngờ từ phía ông, Daisy sẽ nhắm đến ông ngay. Tôi cũng nhắc luôn là trong tay áo trái của tôi có không dưới hai món đồ chơi cùng loại đâu.”

Các cảnh sát dừng lại, choáng váng... Toby Marsh nổi danh là kẻ ném dao điêu luyện nhất nước Anh.

“Thôi cất đi!” Cuối cùng, viên trung sĩ lầm bầm. “Anh muốn gì từ chúng tôi?”

Toby Marsh nhìn móng tay của mình: “Đơn giản thôi, tôi muốn cung cấp cho họ một địa chỉ tốt... Địa chỉ của ngài Smith!”

Mười lăm phút sau, hai người đàn ông trong áo mưa ướt đầm bước vào trụ sở cảnh sát. Một người là chánh thanh tra Strickland, người còn lại là một chàng trai cao nghều tóc đỏ, là thanh tra Mordaunt.

“Chào buổi tối, Marsh!” Strickland nói. “Nghe đồn anh đã xúc phạm các cảnh sát trong khi họ đang thi hành nhiệm vụ hả?”

“Đúng rồi!” Toby Marsh nói. “Tôi đã dùng tất cả mảnh khóc mà mình có.”

“Trong trường hợp như vậy, tôi phải cảnh báo với anh rằng...”

“Tôi biết! Tôi biết! Trung sĩ Guilfoil đã cảnh báo tôi nhiều hơn tất cả những cảnh báo mà tôi nhận được trong mười năm qua... Ông có nghĩ là tôi sẽ bị phạt không?”

Strickland nhún vai: “Anh biết mức tiền phạt mà. Với mớ tiền án

của anh, anh phải mừng vì tòa án không nhân đôi nó đấy.”

Lạ thay, tương lai đó không làm khó chịu gã tù nhân, mà ngược lại, gã dường như cảm thấy nhẹ nhõm.

“Vâng!” Gã nói và cọ xát hai bàn tay. “Tôi yên tâm rồi. Ngài Smith sẽ không khiến tôi ngồi tù.”

“VẬY...” Strickland bắt đầu. “Đó là lý do tại sao...”

“Phải rồi! Giả sử tôi mà dừng cảm đến Scotland Yard tìm ông. Ngày mai, tất cả mọi người sẽ biết ai là người tố giác ngài Smith ngay. Các tờ báo sẽ in tên của tôi. Tóm lại, tôi sẽ chẳng còn cách nào khác ngoài tù biệt thế giới này!”

Strickland nghiêng người về phía trước: “Vậy anh không chắc rằng thông tin của anh sẽ giúp chúng tôi bắt được ngài Smith ngay hôm nay ư?”

“Hẳn là được!” Toby Marsh lẩm bẩm.

Và gã đột nhiên lo lắng: “Ông không định mặc cả với tôi đấy chứ? Hai ngàn bảng tiền mặt, đó là giá của tôi!”

Thanh tra Mordaunt, được cử đến để tốc ký lời khai của tù nhân, đang bồn chồn mất kiên nhẫn. Trong khi đó, ông chánh thanh tra không tỏ ra hứng thú đặc biệt như thường lệ.

“Cảnh sát!” Ông ta nói, trích dẫn từng từ một trong bảng hiệu màu đỏ tươi treo trên tường khắp thành phố. “Sẽ là người duy nhất đánh giá về tính quan trọng của thông tin được cung cấp và phần thưởng xứng đáng. Bây giờ, anh Marsh, nếu anh muốn giữ im lặng, anh có quyền làm điều đó! Tuy nhiên, tôi phải nhắc anh rằng mọi công dân giấu giếm tin tức có khả năng giúp bắt giữ tội phạm

sẽ bị coi là tông phạm của phạm nhân đó.”

Toby Marsh cười tục tĩu: “Được thôi! Nếu tôi thực sự không nhận được hai ngàn bảng của tôi, ông có thể buộc tội tôi đã đánh cắp cây kim của Cleopatra^[6] bất cứ lúc nào.”

Rõ ràng gã đã bỏ qua những do dự cuối cùng của mình.

“Sẵn sàng chưa, Mordaunt?” Strickland hỏi.

“Sẵn sàng.” Mordaunt nói.

Toby Marsh đưa cọt nhìn họ, sau đó ngả người ra ghế, hai ngón tay nghịch lỗ tay áo gi lê.

“Tôi cho rằng chẳng cần nhắc ông là lần gần đây nhất ngài Smith phạm tội là vào hôm kia, tầm bảy giờ tối, trên phố Sutton đâu nhỉ? Phải! Tối đó, khi tôi đi qua quảng trường Soho, có hai người đàn ông đã lướt qua và giẫm vào chân tôi. Người trước kẻ sau, nhưng dường như người đi trước không hề biết mình đang bị theo đuôi. Hẳn ai cũng vậy thôi! Kẻ bám đuôi yên tĩnh như một hồn ma vậy.”

“Chờ chút!” Strickland ngắt lời. “Anh có thấy mặt kẻ đó không?”

Toby Marsh lắc đầu: “Không, thưa ông hoàng! Hẳn đang mặc một chiếc áo trùm dài, cổ áo được kéo lên che phần dưới khuôn mặt và sương mù che phủ phần còn lại.”

“Tốt lắm. Rồi chuyện gì xảy ra tiếp theo?”

“Ban đầu tôi đã đứng im một lúc, như một tên ngốc. Dù sao...” Tôi nghĩ. “Không có gì đặc biệt khi hai người đi cùng đường.” Và khi một trong số họ đi giày đế kép^[7]! “Tuy nhiên, tôi quyết định theo dõi họ. Nhưng đã quá muộn, thật không may! Chẳng bao lâu

sau khi tôi đi khoảng năm hay sáu bước, tôi nghe thấy tiếng thứ gì đổ xuống, tiếng động mà ông cảnh sát Alfred Burt đã miêu tả trong thời gian dài. Lập tức, tôi cảm thấy như mọc thêm đôi cánh! Tôi đi nhón chân dọc theo những căn nhà và may mắn bắt kịp người đàn ông đó trước lúc hắn biến mất trong màn sương. Nhân tiện, dù tôi có nghi ngờ về danh tính của hắn, xác chết nằm dài trên mặt đất đã làm tan đi mọi nghi ngờ đó...”

Toby Marsh dừng một chút để tận hưởng hiệu ứng câu chuyện mà ông tạo ra. Trung sĩ Guilfoil lẩm nhẩm chửi và thanh tra Mordaunt vội vã viết.

“Dĩ nhiên.” Strickland thì thầm: “Suy nghĩ đầu tiên của anh là kêu cứu đúng không?”

Toby Marsh liếc nhìn ông ta kỳ lạ. Gã chẳng thích khi ai đó muốn hiểu rõ về mình.

“Dĩ nhiên rồi!” Gã nói với giọng điệu còn chẳng đáng tin bằng ông chánh thanh tra. “Tôi cũng đã nghĩ đến việc tấn công hắn từ phía sau.” Gã nói tiếp, khẽ liếc xem phản ứng của chánh thanh tra. “Nhưng hắn có vũ khí còn tôi thì không! Vì vậy, tôi kết luận rằng điều tốt nhất là tiếp tục theo dõi mà không lộ diện. Nếu tôi kêu cứu, chắc chắn hắn sẽ biến mất trong sương mù, một lần nữa! Ngài Smith ban đầu đi dọc đường Charing Cross và phố Caroline. Hắn thường xuyên quay đầu lại, nhưng tôi đứng cách đó đủ xa để hình dáng của tôi chỉ hiện lên mờ nhạt trong sương mù, không khiến hắn hoài nghi. Khi đến quảng trường Bedford, hắn dường như do dự về hướng đi. Ban đầu, hắn đi về phía Viện bảo tàng Anh, sau đó nhanh chóng quay lại - tôi vội trốn vào góc cửa. Hắn đi

vòng quanh bảo tàng, từ phố Bloomsbury qua phố Great Russel và phố Southampton. Có lẽ hẳn không muốn đi thẳng về nhà mình? Cuối cùng, khi đến gần bệnh viện Alexandra, tôi bỗng nhiên mất dấu hẳn. Trong lúc vất chân lên cổ chạy, tôi chắc hẳn chỉ có thể queo vào quảng trường Russel thôi!”

“Rồi sao?” Strickland vội vàng hỏi.

“Rồi nó có đáng giá hai ngàn bảng không, thưa ông cảnh trưởng?” Tay kể chuyện đã thẳng thắn. “Tên sát nhân sống ở nhà số 21!” Mordaunt và trung sĩ Guilfoil cùng thốt ra câu rửa cảm thán. Nếu Toby Marsh không nhầm, họ đã tóm được ngài Smith!

Bản thân Strickland lại không nói gì. Không phải vì ông ngạc nhiên khi biết rằng cuối cùng đã có một nhân chứng cho một trong những tội ác của ngài Smith. Đó là chuyện sớm hay muộn thôi.

Chỉ là, cần phải biết thời điểm diễn ra sự việc! Là hai ngày trước, như lời của kẻ tù tội đã khai? Hay sớm hơn nữa, chẳng hạn như vào tối ngày 24 tháng Mười hai, khi những hồi còi của cảnh sát Burt đánh thức cả khu phố, khiến người qua đường ai cũng thành thám tử? Ông chánh thanh tra đủ hiểu Toby Marsh để sợ rằng gã ta đã cố gắng bán sự im lặng của mình cho ngài Smith, trước khi tiếp xúc cảnh sát. Nếu vậy, cách đây một tháng thông tin này là vô giá, còn giờ thì chẳng còn giá trị gì nữa.

“Khai thật đi, Marsh!” Cuối cùng, Strickland lên tiếng. “Tại sao anh không báo cảnh sát từ hôm kia?”

“Chẳng lẽ ông không bao giờ sợ ư?” Nhà phiêu lưu vừa đáp vừa rút điều thuốc từ cái gói nhàu nát. “Tôi thì có! Một khi vừa nắm giữ bí mật của ngài Smith, tôi chỉ nghĩ đến việc về nhà và ăn náu như

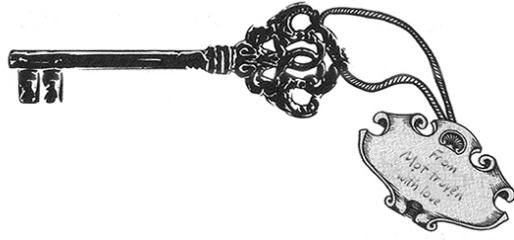
một con thỏ đế!” Gã rùng mình kết thúc câu chuyện: “Tôi nghĩ hẳn hôm nay mình vẫn sẽ trốn ở nhà nếu không bị hai ngàn bảng hấp dẫn!”

Strickland đứng lên: “Được rồi! Tôi mong rằng anh đã nói thật, Marsh, và chúng tôi sẽ tìm ra ngài Smith trong hang ổ... Mordaunt, gọi cho Trụ sở 5 và báo cho Milroy. Tôi muốn một đoàn cảnh sát bao vây quảng trường Russel trước một giờ!” Khoác áo mưa, hai thanh tra cảnh sát đi về phía cửa thì Toby Marsh khẽ ho nhẹ.

“Nhân tiện, thưa chánh thanh tra... Tôi e là mình đã quên báo ông một chi tiết...”

Mặc dù không muốn thừa nhận, nhưng Strickland cảm thấy một nỗi bất an tràn vào cơ thể. “Vậy ư?” Ông lầm bầm. “Gì thế?”

Toby Marsh mỉm cười: “Ông đoán xem! Nhà số 21, quảng trường Russel, là một nhà trọ!”



02. SỐ 21 QUẢNG TRƯỜNG RUSSEL

Bà Hobson (tên Valérie), trong chiếc váy tím bằng vải *taffera*, tiến gần cửa sổ và nhìn ra quảng trường Russel vẫn đang say giấc trong dáng vẻ yên ả của buổi sớm mai. Ánh sáng mờ ảo của đèn đường báo trước một ngày mới mù sương, do đó bác sĩ Hyde không thèm mở miệng, nhưng ông Andreyew sẽ làm ngập nhà với tiếng cười vang vọng..

Bà Hobson đã thay đồ xong, dọn giường và rời phòng trong chiếc váy lụa sột soạt. Bà luôn dậy từ sáu giờ sáng để mở khóa các tủ, bàn về thực đơn với cô đầu bếp và hối thúc cô hầu phòng.

Cầu thang tối tăm và yên lặng, nó có mùi lạnh lẽo như từ một cái giếng. Dù bà thích nhất là được coi như hình mẫu thanh tao yếu điệu nữ tính, nhưng bà Hobson không quan tâm đến bóng tối và không gian tĩnh lặng!

“Chào buổi sáng, Daphné.” Bà nói khi bước vào nhà bếp, tay cầm một chùm chìa khóa. “Mary đâu rồi?”

Nữ đầu bếp lão đảo thân hình một trăm ký của mình ra khỏi bếp lò, nơi bà ta đang nhóm lửa: “Chào buổi sáng, thưa bà. Cô ấy vẫn đang ngủ, thưa bà. Đám thanh niên này, ngay cả những người thổi kèn túi cũng chẳng đánh thức được chúng nó dậy!”

Nhưng lập luận này dường như không ảnh hưởng đến bà Hobson, bởi bà ngay lập tức đi về phía cánh cửa: “Tôi đi đây! À

này, Daphné, đêm qua bà có nghe thấy gì không?”

“Thưa bà, đêm qua ấy ạ?”

“Ai đó đã xuống tầng trệt, tầm hai giờ sáng, và khoảng một tiếng rưỡi sau mới trở lại phòng... Tôi muốn biết đó là ai!”

“Thưa bà, chắc chắn là bác sĩ Hyde, hoặc ông Collins. Ông ấy cầu nhàu suốt vì không thể ngủ được trước lúc bình minh.”

Bà Hobson chuẩn bị ra ngoài. Người đầu bếp hoảng loạn: “Thưa bà, hết cá trích rồi ạ, tôi không biết nên làm món gì cho bữa sáng nữa. Bà nghĩ sao về bánh thận?”

Nhưng bà Hobson đã nhắc váy và bước lên cầu thang. Bà đi rất nhanh, đặt chân vào giữa các bậc thang để không làm phiền người thuê nhà. Tuy nhiên, đến tầng hai, bà bước chậm lại khi qua cửa phòng ông Andreyew. Mùi hương thuốc lá từ phòng ông ta bay ra tận cầu thang.

“Hắn ông ấy đã hút thuốc từ nửa đêm.” Bà Hobson nghĩ. “Và ngủ với cửa sổ đóng kín.”

Những suy nghĩ sâu kín của bà dừng ở đây, nhưng chúng đưa bà đến một kết luận chẳng cần nói nên lời cũng đủ làm bà ấm lòng: “Ông ấy cần một người phụ nữ thấu hiểu!”

Bà bèn cúi xuống nhặt đôi giày để trước cửa phòng (bà Hobson luôn tự tay giặt đôi giày này) và lên phòng gác mái của Mary.

Cô hầu phòng bé nhỏ nằm quay mặt vào tường và lấy chăn che đến tận mắt, người ta chỉ có thể thấy mái tóc dày rối tung. Bà Hobson mở cửa sổ mái. Khi bà đưa tay về phía giường, một tấm ảnh ngự ở vị trí trang trọng trên bàn trang điểm, giữa một chiếc

lược mất răng và một hộp lưu niệm đính vỏ sò, thu hút sự chú ý của bà. Đó là một chàng trai trẻ ăn vận trang trọng kiêu hãnh đứng trước một khu vườn kiểu Pháp. Bà Hobson cầm bức ảnh lên và nhìn đằng sau nó. Chàng trai trẻ, nét chữ và bàn tay thể hiện lòng ngại ngùng, gửi lời yêu bằng hai câu chày bồng.

“Thưa bà, chào buổi sáng!” Lúc này, một giọng nói khàn nhỏ vang lên. “E rằng tôi đã không nghe thấy tiếng đồng hồ báo thức...”

Bà Hobson quay lại, má đào đỏ ửng. “Đây là cái gì thế?” Bà đáp bằng câu hỏi.

“Ồ! Cái đó ạ? Đó là vị hôn phu của tôi, thưa bà...”

“Từ bao giờ thế?”

“Mới bốn ngày thôi ạ. Tôi muốn báo với bà, nhưng...”

“Ừ, rồi cô quên bém đi mất!”

Giọng bà Hobson dịu đi: “Cậu ta nom dũng cảm đấy.”

“Thưa bà, dũng cảm và tuấn tú ạ, như bà có thể thấy! Đám con gái phát điên vì anh ấy!”

Bà Hobson đặt lại tấm ảnh lên bàn và nắm lấy đôi giày của ông Andreyew mà bà ấy đã để ở bên cạnh “quà lưu niệm từ Brighton”.

“Đủ rồi, Mary!” Bà nghiêm khắc nói. “Tôi cho cô mười phút để thức dậy và mặc quần áo.”

Khoảng bảy giờ, những khách trọ dậy sớm nhất bắt đầu thể hiện dấu hiệu của sự sống và, vào tám giờ, mùi hương của thịt xông khói được chiên thơm ngon lan tỏa khắp ngôi nhà.

Người đầu tiên xuống tầng là một cô gái, cô Pawter. Với chiếc

váy vải *tuytsi*, áo len cổ đứng, giày bệt và gương mặt cởi mở, cô là kiểu cô gái trẻ hiện đại coi công việc như một môn thể thao.

“Chào buổi sáng, bà Hobson!” Cô nàng vui vẻ nói. “Tốt hơn hết là bà nên lên lầu đi thôi. Có người đang cần bà lắm đấy.”

Bà Hobson không thích cô Pawter. Ngoài việc bà thấy cô ấy là người thiên về lý trí hơn tình cảm, bà cũng thấy cô là một đối thủ có thể làm lu mờ những đức tính quý hiếm của bà nhờ tuổi trẻ.

“Thật hả?” Bà bình thản đáp. “Ai cần tôi thế?”

“Bà Crabtree và thiếu tá Fairchild. Bà Crabtree ở trong phòng tắm và không muốn ra khỏi đó. Ông thiếu tá thì ở ngoài và muốn vào. Tôi nói thật với bà, ông ấy đang chửi như kẻ ngoại đạo luôn!”

Nhưng bà Hobson chẳng mấy may ấn tượng trước cảnh tượng tối tăm đó: “Tôi chẳng dại gì mà can thiệp! Bà Crabtree đủ mạnh để tự bảo vệ mình.”

Và bà quay lại câu hỏi mà bà vẫn thắc mắc từ lúc thức dậy: “Đêm qua tôi nghe tiếng ai đó thức dậy lúc nửa đêm. Có phải cô không?”

“Trời ơi, không đâu!” Cô Pawter nói. “Tôi không biết liều thuốc ngủ nào tốt hơn quyển *Thống kê về Lịch sử kinh tế hậu chiến* của J. K. Brown. Mà tối qua tôi đã đọc hẳn ba trang...”

Bà Hobson cau mày: “Tôi có nên hiểu là cô đã ngủ quên khi đèn còn đang bật không?”

“Phải. Nhưng bà yên tâm! Ý thức tiết kiệm bẩm sinh đã làm tôi bừng tỉnh và tắt đèn chỉ sau mười phút... A! Ông Crabtree đây rồi! Cuối cùng thì ai đã thắng lợi vậy?”

Ông Crabtree là một người đàn ông nhỏ thó, rụt rè “và xảo trá”, thiếu tá Fairchild khẳng định. Ông ta hoàn toàn bị bà vợ lấn át. Tuy trọc lóc và râu ria nhẵn nhụi, ông ta trông như một chú lùn bị bắt cóc khỏi quê hương.

“Chào bà Hobson! Chào cô Pawter!” Ông vừa nói vừa rón rén đến chỗ ngồi của mình.

“Sao rồi?” Cô Pawter hăng hái. “Ông vẫn chưa trả lời chúng tôi.”

“Ồ! Đúng vậy! Xin thứ lỗi... Ông thiếu tá đã phải rút quân rồi.”

“Tôi biết ngay mà!” Cô Pawter phấn khích. “Nhân tiện, bà Hobson này, bà thấy ý tưởng mới của tôi thế nào? Viết sao cho đúng. Viết bằng bút máy H. C. Cautley!”

Cô Pawter làm việc ở phòng quảng bá của công ty I.B.C. và mỗi ngày cô đều nghĩ ra khẩu hiệu mới để mọi người đánh giá.

Bà Hobson không có thời gian trả lời. Hai người đàn ông - bác sĩ Hyde và ông Collins - vừa bước vào phòng ăn. Bác sĩ Hyde cao lớn và khập khiễng. Từ cái nhìn đầu tiên, người ta đoán ông là người ít nói và chán ghét loài người. Người còn lại thấp hơn, có khuôn mặt rất tròn và nụ cười dường như luôn nở trên môi. Mọi người lại chào hỏi nhau và đề tài câu chuyện cũng thông thường hơn.

Nhưng hai người mới đến không tham gia nhiều lắm vào cuộc trò chuyện. Một người chỉ trả lời nhát gừng bằng những từ đơn âm tiết, còn một người thì mặc chứng nói lấp nạng.

“Tám giờ hai mươi rồi!” Cô Pawter bỗng nói. “Tôi phải đi đây!”

Ngay khi cánh cửa vừa đóng lại sau lưng cô, cầu thang bỗng lộn

xộn và ba nhân vật mới bước qua ngưỡng cửa phòng ăn. Bà Crabtree, nhanh nhẹn và mập mạp, dẫn đầu, bên cạnh bà là một người đàn ông cao gầy, vẻ ngoài dạn dĩ, mắt sáng và mái tóc đen bạc ở thái dương. Thiếu tá Fairchild, mặt đỏ bừng và sưng húp, đi cuối cùng.

“Ôi! Ông Andreyew...”

Bà Hobson đã đứng dậy: “Ông muốn ăn yến mạch khai vị hay là...?”

Ông Andreyew nắm lấy tay bà chủ nhà như một món đồ trang sức quý giá và đưa nó lên môi: “Bà Hobson à, tôi không ăn yến mạch đâu. Nhưng tôi xin bà hãy ngồi xuống! Tôi sẽ tự nói với Mary.”

Ông Andreyew không khoe khoang mình có họ hàng thân thích dù xa hay gần với Sa hoàng của toàn cõi Nga. Ông cũng chẳng bao giờ yêu cầu người ta chuẩn bị súp *borsch*^[8] cho ông. Và nếu ông có ngâm nga một giai điệu nhỏ, thì cũng chẳng phải bài *Đôi mắt huyền*^[9], mà chỉ đơn giản là bài *Lazy Bones*^[10]. Bất chấp tất cả, ông vẫn là một người Slav chính hiệu từ đầu đến chân.

Ông vào sảnh, vỗ tay rồi vừa vuốt cằm vừa nói đôi lời với Mary, sau đó quay lại ngồi bên phải bà chủ nhà. Mọi hành động của ông toát lên vẻ duyên dáng khiến người phụ nữ hài lòng.

“Hình như hôm nay có khách thuê mới nhỉ?” Bà Crabtree hỏi. Bà Hobson gật đầu: “Tôi đang chờ ông ta đây.”

“Bà bảo ông ta là người Pháp đúng không? Tôi mê người Pháp lắm đấy!”

Bác sĩ Hyde lên tiếng, thoát khỏi im lặng: “Tôi ngờ là bà sẽ

chẳng mê ông ta đâu! Ông ta quá tuổi ngũ tuần rồi, và theo lời đồn, ông ta dự định thực hiện nghiên cứu tại Viện bảo tàng Anh. Chẳng đáng hứng khởi lắm.”

Bà Crabtree bồn chồn trên ghế: “Bác sĩ Hyde, tôi chẳng dám hiểu điều ông muốn nói! Ông hãy nhớ là ông đang nói chuyện với một người phụ nữ đứng đắn!”

Chao ôi! Câu nói này vượt quá sức chịu đựng của thiếu tá Fairchild. “Tôi biết một số người phụ nữ đứng đắn!” Ông dằn mạnh cốc xuống bàn, tuyên bố. “Chẳng có ai dành cả tiếng đồng hồ trong nhà tắm cả!”

Ban đầu, bà Crabtree thấy nghẹn thở, nhưng bà nhanh chóng lấy lại bình tĩnh. “Để biết điều đó, tôi chắc hẳn ông đã phải rình mò họ...” Bà Crabtree ranh mãnh đáp trả. “Như ông đã nhìn trộm tôi sáng nay?”

“Nhìn trộm!” Ông sĩ quan già nổi đóa. “Bà cứ nói thẳng là tôi đã nhòm qua lỗ khóa cho rồi!”

“Trời ơi, tôi không thể là ông đã bỏ lỡ cơ hội đâu!”

Viên thiếu tá bật khỏi ghế và Chúa mới biết điều gì sẽ xảy ra nếu ông Andreyew không hòa giải: “Tôi rất muốn hỏi ông một câu, thiếu tá Fairchild! Ông có thể kể lại cho chúng tôi về thời gian ông đóng quân ở Nagpur không?”

Ai nấy thở phào nhẹ nhõm và mọi người chỉ còn nghe giọng nói hùng hồn của viên thiếu tá cùng tiếng dao cốc va chạm.

Khách trọ nữ thứ ba của bà Hobson - cô Holland - tận dụng cơ hội này và lảng lạng vào chỗ ngồi bên bàn ăn của mình. Đó là một phụ nữ độc thân đã trải qua cuộc đời không may mắn. Cô tìm

niềm an ủi bằng cách viết các câu chuyện cổ tích cho các tạp chí thiếu nhi và nhận nuôi những con mèo bị lạc, và bọn chúng đều rời bỏ cô một cách vô ơn.

“Giờ tôi có thể biết ai là người đã dậy vào giữa đêm qua và hút thuốc trong phòng khách nhỏ một tiếng rưỡi được không?” Bà Hobson nói khi viên thiếu tá tạm ngừng câu chuyện với hổ Bengal và rần đọc vì đói.

Ánh nhìn nghiêm khắc của bà quét quanh bàn. Tất cả mọi người đều đang ở đây, ngoại trừ cô Pawter đã bị hỏi, và thầy Lalla-Poor hiếm khi dậy trước mười giờ.

Ông Collins cười lấy đà: “Tô... tôi... nhận... tội! Tôi... tôi hy vọng không đánh thức ai!”

“Hóa ra là ông à?” Bà Hobson lạnh lùng. “Ông có thể tự hào vì đã làm tôi sợ đấy! Tôi đã định đi xuống, nhưng...”

Bà đỏ bừng mặt: “tôi còn đang mặc đồ ngủ và tôi nghĩ ông có thể lên bất cứ lúc nào. Có con ruồi nào đốt ông vậy?”

“Bệnh khó thở... làm tôi không ngủ được. Nên...”

“Tôi đã đưa cách chữa cho ông rồi mà! Ông chỉ cần đắp bột biển lạnh lên vùng thượng vị trước khi đi ngủ và ngủ sập là được.”

“Nằm... nằm sập khiến tôi mơ thấy... ác mộng!”

Nhưng bà Hobson vẫn cố chấp: “Vì ông ăn nhiều quá đấy!”

“Bà nói thế là bất công rồi!” Ông Andreyew can thiệp. “Bà Hobson, nếu bà nấu bớt ngon chút thì chúng tôi sẽ ăn ít đi ngay!”

Ông ta vừa dứt lời thì tiếng chuông cửa vang lên.

“Ồ! Ông Jekyll đã đến!” Bác sĩ Hyde nói, ngăn chặn câu lừa ngay

thơ ủng hộ nhà trọ Victoria.

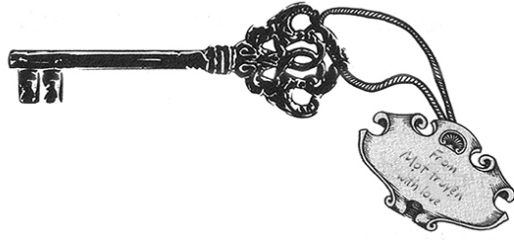
“Tôi nghĩ đó là ông Julie!” Bà Hobson nói. Bà ta đứng dậy và mọi người nghe bà ta tiếp đón một vị khách nói tiếng Anh ngắc ngứ trong sảnh.

Người mới xuất hiện lúc nào cũng thu hút sự quan tâm, dù ở bất cứ đâu. Vì vậy, mọi người đều đặt mắt vào cánh cửa khi bà Hobson quay trở lại cùng với ông Julie.

“Hãy để tôi giới thiệu các khách trọ của tôi cho ông.” Bà nói. “Đây là bà Crabtree, cô Holland, thiếu tá Fairchild, ông Andreyew, bác sĩ Hyde, ông Collins, ông Crabtree...”

Ông Julie không ngừng chào hỏi, có vẻ như ông đang buồn bã về một điều gì đó chỉ mình ông biết. Bộ râu mép muối tiêu, mái tóc thưa thưa, đôi mắt lồi, bộ quần áo xộc xệch, mọi thứ về ông đều u sầu. “Còn cô Pawter và thầy Lalla-Poor nữa.” Bà Hobson kết thúc. “Ông sẽ gặp họ vào bữa trưa.”

Thế là, ông Julie nghĩ rằng ông nên mỉm cười, và điều đó khiến ông ấy trông thật tuyệt vọng. “Khuôn mặt ông ấy hiện rõ kết cục của chính mình!” Bà Crabtree đã phải tuyên bố điều đó vào tối cùng ngày, trước xác chết của ông ta.



03. NGÔI NHÀ BỊ BAO VÂY

Gần như cùng thời điểm đó, trong một văn phòng trang nghiêm hướng ra đê Victoria, ông cảnh sát trưởng Christopher Hunt, bên phải là phó cảnh sát trưởng Prior, đang sốt ruột lắng nghe chánh thanh tra Strickland báo cáo cuộc trao đổi giữa ông ta và Toby Marsh. “Tóm tắt lại, Strickland!” Ông đột ngột nói. “Cuối cùng thì ông biết được điều gì từ tên này?”

“Gã khẳng định mình đã ở phố Sutton vào tối hôm kia và đã theo dõi ngài Smith.” Strickland tiếp tục, không chút bối rối.

“Đến đâu?”

“Đến phạm vi quảng trường Russel. Ở đó, ngài Smith đột nhiên biến mất... Tuy nhiên, Toby Marsh khẳng định gã đã kịp thời nhìn thấy hấn ta vào nhà số 21.”

Ngài Christopher gắng giữ mình bình tĩnh: “Tốt lắm! Ông đã làm gì rồi?”

“Tôi đã yêu cầu thanh tra Mordaunt, người đi cùng tôi, gọi điện cho chánh thanh tra Milroy, để ông ấy tập hợp ngay một lực lượng cảnh sát đủ để cô lập quảng trường Russel.”

“Vậy là hiện giờ, nhà số 21 đang trong tình trạng nội bắt xuất, ngoại bắt nhập hả?”

“Ngược lại, thưa ông Christopher. Ông sẽ không thấy bất kì cảnh sát nào trong bán kính 200m.”

Cảnh sát trưởng giật mình.

“Tôi không hiểu!” Ông ta cầu nhàu, và dù cố hết sức, giọng ông ta vẫn chứa vẻ đe dọa tăm tối.

“Ngay sau khi thanh tra Mordaunt gọi điện, Toby Marsh mới nói cho tôi một thông tin cực kì quan trọng.” Strickland giải thích. “Nhà số 21 quảng trường Russel, theo lời anh ta, là một nhà trọ.”

“Chết tiệt!”

“Trong trường hợp này, tôi quyết định thay đổi kế hoạch và đưa ra quyết định ngược lại cho Milroy.”

“Đợi chút!” Ngài Christopher ngắt lời. “Ngôi nhà đó bị giám sát, đúng hay không?”

“Nó đã bị giám sát, thưa ông. Nhưng do các thanh tra thường xuyên, không phải cảnh sát.”

“Và ông đã yêu cầu họ để cho những người ở trong nhà tự do ra vào?” Strickland thừa nhận điều này.

“Nhưng thế thì điên quá!” Ngài Christopher bực tức. “Ngài Smith có thể vượt khỏi tay họ bất cứ lúc nào!”

Không hề cảm xúc, ông chánh thanh tra với tay vào túi và lấy ra danh sách, đặt trước mặt cảnh sát trưởng. “Đây là tên những thanh tra chịu trách nhiệm giám sát.” Ông nhẹ nhàng nói. “Nếu ông muốn, ông có thể xem qua. Ông sẽ thấy có thể tin tưởng họ.”

Ngài Christopher giận dữ đẩy danh sách ra xa: “Tôi không quan tâm! Trời ạ! Ông có một cơ hội quý báu để biết được nơi mà ngài Smith đang lẩn trốn, và ý tưởng duy nhất ông nghĩ ra là theo dõi nó một cách tinh vi? Tinh vi! Nhưng ông cũng nên hiểu rằng ông

cần ở đó, kiểm tra toàn bộ lý lịch ba đời nhà chúng!”

Strickland giả vờ đứng dậy: “Đó là ý tưởng của ông à, thưa ông?”

Ông ta thản nhiên và tự tin đến nỗi ngài Christopher đột nhiên bình tĩnh lại: “Nào, Strickland, giải thích đi! Tôi đủ hiểu ông để biết rằng ông sẽ không làm vậy nếu không có lý do chính đáng.”

“Cảm ơn ông. Lúc đầu tôi cũng nghĩ như ông vậy, đến nhà số 21 quảng trường Russel và thẩm vấn kỹ lưỡng tất cả những người ở đó. Đối với tôi, tên sát nhân - dù tên Smith chỉ là bút danh - chẳng thể nào lừa được chúng ta lâu. Nhưng rồi tôi tự nhủ, chẳng khách trọ nào trong mười nghi phạm có thể cung cấp đủ bằng chứng ngoại phạm được. Ông nghĩ mà xem! Vụ án đầu tiên diễn ra vào ngày 10 tháng Mười một năm ngoái, và vụ gần đây nhất diễn ra sau đó đúng bảy mươi bảy ngày. Ông có thể trả lời tôi nếu tôi hỏi thẳng, ông đã làm gì vào chín giờ tối, ngày 18 tháng Mười một không?”

“Chắc chắn là không rồi.” Cảnh sát trưởng thừa nhận. “Nhưng trong trường hợp này, vì đây là một chuỗi tội ác do cùng một cá nhân thực hiện, một bằng chứng ngoại phạm duy nhất có thể được coi là chứng cứ vô tội chính thức.”

“Giả sử chúng ta loại được khoảng một nửa khách trọ, mà cũng chẳng có gì chắc chắn được điều này, làm thế nào để bắt được đối tượng của chúng ta giữa những người khác?”

“Có hung khí mà. Ngài Smith phải cất nó ở trong người hoặc trong phòng hắn.”

“Hắn chẳng phạm phải lỗi đó đâu, thưa ông. Tôi lại nghĩ là hắn

sẽ giấu nó ở nơi mà khách trọ nào cũng đến được.”

“Tên Toby Marsh kia có nói giờ cụ thể gã thấy ngài Smith về nhà không?”

“Có chứ. Gã khẳng định lúc đó là khoảng bảy giờ hai mươi phút.”

Ngài Christopher găm gừ và Strickland nói tiếp: “Tôi hiểu ông đang nghĩ gì, thưa ông. Ông đang tự hỏi liệu có thể hỏi cụ thể giờ các thành viên nhà số 21 trở về vào tối hôm kia không. Nhưng, trong một nhà trọ gia đình, tất cả, hoặc hầu hết mọi người đều trở về vào giờ ăn tối.”

“Tất nhiên, ông chắc chắn ngài Smith sống ở nhà số 21, chứ không phải hẳn đến đó thăm bạn chứ.” Đến lượt phó cảnh sát trưởng hỏi.

“Có thể khẳng định hẳn sống ở đó, thưa ông. Toby Marsh đã thấy hẳn mở cửa bằng chìa khóa.”

Khi hai cấp trên của ông yên lặng, Strickland kết luận: “Đây là điểm trừ của phương pháp trực tiếp. Nếu chúng ta không thành công ngay lập tức, kế hoạch sẽ biến thành còi báo động cho tên tội phạm và khiến hẳn im lặng.”

“Đó cũng là một kết quả rồi!” Phó cảnh sát trưởng nói.

“Phải. Nhưng đó cũng chỉ là thứ yếu.” Ngài Christopher găm lên. “Cái chúng ta cần, là tên tội phạm kia!”

Strickland đồng ý: “Nếu giờ chúng ta để hẳn thoát, hẳn sẽ rời khỏi nhà trọ Victoria vào một ngày nào đó và lại bắt đầu tội ác của hẳn ở chỗ khác. Chúng ta nên...”

Chánh thanh tra im lặng, chính ông cũng giật mình vì những lời sắp thốt ra. Nhưng những người nói chuyện cùng ông đã hiểu - ánh mắt nghiêm khắc của họ nói với ông điều đó - và không ai phản đối.

“Trình bày kế hoạch của ông đi!” Ngài Christopher nói.

Strickland thở dài: “Tiếc là tôi chẳng có kế hoạch nào để trình bày. Các ông có nghĩ là, nếu nhờ phép thần kỳ nào đó, chúng ta tìm ra được ai là ngài Smith, chúng ta cũng chẳng thể bắt hắn vì thiếu chứng cứ không?”

Chánh thanh tra hạ giọng: “Tôi nghĩ nên đợi.”

Ngài Christopher ghét từ này. “Đợi!” Ông ta gào lên. “Đợi cái gì?”

“Ngài Smith cũng có thể mắc sai lầm giống như bất kì ai khác.” Strickland đáp lời với giọng xấu hổ như cũ. “Nhưng điều quan trọng hơn hết là hắn ta không biết rằng mình đang bị theo dõi!”

Ngài Christopher đột ngột phá vỡ không khí im lặng lần nữa: “Không thể nào! Hoàn toàn không thể! Chẳng lẽ chỉ một người đàn ông lại có thể khiến Scotland Yard thất bại ư! Nếu ông không có đề xuất gì khác, tốt hơn hết là nên dùng biện pháp trực tiếp! Ông nghĩ sao, ông Prior?”

Phó cảnh sát trưởng bồn chồn ngồi trên ghế: “Thế thì... phải có một người giám sát trong nhà.”

Ngài Christopher đấm hai tay xuống tay vịn ghế: “Chúa ơi! Ông vừa gãi trúng chỗ ngứa đó! Ông đã nghĩ đến điều đó chưa, Strickland?”

Chánh thanh tra cười gượng gạo: “Vâng, thưa ông. Nghe hấp dẫn đấy, nhưng, tôi e là không thể thực hiện được.”

“Tại sao thế?”

“Vì chúng ta sẽ khơi dậy nghi ngờ của ngài Smith!”

“Làm gì đến nỗi.”

“Tôi e là có đó, thưa ông. Ông chớ quên rằng ngôi nhà đã bị bao vây và thuộc hạ của tôi có nhiệm vụ không bao giờ để mất dấu của bất kì người đàn ông nào trong nhà, dù ở đâu. Họ là những người chuyên theo dõi xuất sắc, tôi hiểu điều đó. Tuy nhiên, ngài Smith sẽ nhanh chóng nhận ra việc bị giám sát. Nếu hấn nghi ngờ - và tôi sẽ sắp xếp để giảm nghi ngờ của hấn bằng cách thay đổi thanh tra xung quanh ngôi nhà mỗi ngày - một người khách thuê trọ mới đến sẽ khiến hấn tỉnh ngộ.”

Ngài Christopher nổi xung: “Đúng thật! Prior, ông có cách nào không?”

“Thế thì, tôi nghĩ thay vì một vị khách mới, chúng ta có thể nhờ một người vốn đang sống ở đó rồi!”

“Ai?”

“Chúng ta sẽ chọn!”

Ngài Christopher đưa mắt hỏi Strickland.

“Ý tưởng hay đấy.” Chánh thanh tra thừa nhận. “Nhưng ông có nghĩ là một người phụ nữ sẽ đồng ý đảm nhận công việc nguy hiểm này chứ?”

“Chúng ta đâu nhất thiết phải dùng phụ nữ. Giữa những người đàn ông, ít nhất phải có một người không thể là ngài Smith, bằng

cách này hay cách khác. Chỉ việc tìm ra và đoán được ai là người đó thôi.”

“Ngẫu nhiên quá, thưa ông! Đầu tiên, bất kể người đàn ông nào sống tại ngôi nhà số 21 đều có thể là ngài Smith, bất kể ngoại hình ra sao.”

Ngài Christopher ngắt lời: “Strickland, việc đầu tiên phải làm là lập danh sách những người cư ngụ tại nhà trọ đó và...”

“Đây thưa ông. Sáng nay, tôi đã lệnh một cảnh sát đến hỏi bà Hobson, bà chủ nhà, lấy cớ là điều tra dân số.”

“Hoan hô!” Ngài Christopher reo hò, khuôn mặt ông rạng rỡ hẳn.

Ông đặt danh sách lên khăn trải bàn, rồi vẫy gọi cấp phó và chánh thanh tra kéo ghế lại gần. “Bà Hobson này là kiểu người thế nào?”

“Một người phụ nữ tự chủ, thưa ông, theo lời Watkins. Cao lớn, khá mạnh mẽ, tràn đầy năng lượng, ông hiểu ý tôi chứ?”

Ngài Christopher nhăn mặt. Ông ta hiểu rõ lắm vì phu nhân Hunt cũng là người như thế.

“Bà Crabtree và ông Crabtree...” Ông ta đọc tên đầu tiên trong danh sách. “Nhân tiện, ai trong các ông từng nghĩ ngài Smith là người đã có vợ chưa?”

Không, cả phó cảnh sát trưởng và chánh thanh tra đều không nghĩ đến khả năng này.

“Ông Andreyew...” Ngài Christopher tiếp tục. “Một gã người Nga, tất nhiên rồi?”

“Vâng... và chắc hẳn ông cũng nhớ rằng sau hai vụ án mạng xảy ra vào đêm Giáng sinh, đã có người cho rằng ngài Smith không thể là người Anh được.”

“Nói cách khác, chúng ta đã có nghi phạm số một! Ông ta cao và mạnh mẽ chứ?”

“Tôi nghĩ vậy, thưa ông.”

Ngài Christopher quay lại danh sách: “Bác sĩ Hyde... Một nghi phạm nữa nhỉ, tôi cá đấy?”

“Thưa ông, vâng. Bác sĩ Hyde không hành nghề từ nhiều năm nay rồi và có vẻ tất cả mọi người đều không rõ xuất thân của ông ta.”

“Thiếu tá Fairchild... một cựu sĩ quan quân đội Ấn Độ hả?” Ngài Christopher bắt đầu đùa giỡn:

“Tôi nghi ông ấy chính là người của chúng ta! Chỉ còn ông Collins và thầy Lalla-Poor thôi. Ông ta là thầy gì vậy?”

“Một dạng ảo thuật gia Ấn Độ giáo. Mấy tuần trước, tên ông ta vừa xuất hiện trên tấm áp phích của nhà hát Coliseum. Còn ông Collins, ông ta chuyên lắp đặt thiết bị phát thanh.”

Ngài Christopher gạch chân hai cái tên này giống như ông đã gạch chân tên ông Crabtree, ông Andreyew và bác sĩ Hyde.

“Quả thực, tôi chỉ thấy mỗi các bà các cô và thiếu tá Fairchild là...” Ông nói.

“Thứ lỗi cho tôi, thưa ông.” Strickland ngắt lời. “Danh sách này cần thêm một cái tên nữa, vì sáng nay, bà Hobson tiếp đón một khách trọ mới.”

“Ai thế?”

“Một người Pháp tên Julie.”

Ngài Christopher và cấp phó trao nhau ánh mắt thâm thúy. “Chẳng cần tìm đâu xa nữa!” Ông cảnh trưởng quyết định. “Strickland, hãy đề xuất ông Julie đi. Đó là người chúng ta cần.”

“Ông nghĩ thế sao? Thưa ông, ông ta là giáo sư Ai Cập học ở Viện Collège de France^[11].”

“Chính thế!”

Chánh thanh tra sắp ra cửa. Ngài Christopher gọi ông ta trở lại. “Ông đúng đó, Strickland!” Ông thừa nhận một cách trung thực. “Phương pháp gián tiếp là tốt nhất. Nhưng hãy khuyên cho đám thuộc hạ của ông càng ít lộ diện càng tốt.”

“Ông hãy tin ở tôi.” Strickland nói.

Trong nhà trọ Victoria, một người đàn ông đang đứng trong phòng đọc. Hắn đứng sát cửa sổ, dùng hai ngón tay hé rèm và nhìn ra ngoài trong tư thế bất động nghiêm ngặt.

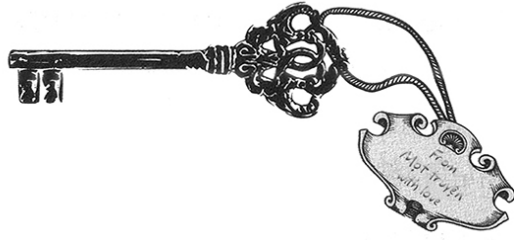
Đến rồi! Hắn nghĩ thầm.

Hai tiếng trước, một tên কর্ম đến viện cơ lộ bịch để hỏi dò bà Hobson.

Có những người đàn ông dạo bước trong quảng trường vờ như xa lạ.

Và cuối cùng, trực giác của hắn không bao giờ sai.

Ngôi nhà đã bị giám sát.



04. NHỮNG VỊ VUA THÀNH THEBES

Bạn sẽ khó mà tìm thấy hai người nhìn vào một quốc gia hoặc một thành phố dưới góc độ giống nhau. Ví dụ, với London... Đối với một số người, nó đồng nghĩa với giao lộ Piccadilly^[12] và một dãy biển hiệu sáng đèn; với những người khác, nó là một ngôi nhà thân thiện ở Bloomsbury hoặc Belgravia; và đối với những người khác nữa, nó có nghĩa là con đường Rotten Row^[13] và những người phụ nữ cưỡi ngựa, Chelsea và những bến cảng lộng gió.

Đối với ông Julie, London là Viện bảo tàng Anh quốc. Thật lòng mà nói, khi ông ta quyết định băng qua eo biển Manche^[14], thủ đô Anh quốc kém hấp dẫn ông ta hơn Ai Cập cổ đại.

Vì vậy, sau khi ăn xong miếng *pudding* cuối cùng, ông hỏi bà Hobson xem nên rẽ phải hay rẽ trái để đến phố Great Russell^[15], sau đó ông tắt tả ra cửa như một người lo sợ bị lỡ chuyến tàu. Ông đã viết thư từ Paris đến người quản lý bảo tàng để được phép tham khảo những tài liệu ông quan tâm ngay trong ngày ông tới.

Ngay khi bước vào bảo tàng, ông đã bị những bộ sưu tập thu hút ánh nhìn. Nhưng tốt hơn hết là nên tập trung vào nghiên cứu của J. K. Stark-Harding trước! Chạy vào thư viện, ông ta điền một tấm phiếu và ngồi vào giữa một ông già đang ngủ trưa, một cặp đôi trẻ được kéo lại gần nhau nhờ các tác phẩm của Shelley^[16].

Ông ta quá mê mải nên không hề chú ý đến một người đàn ông chỉ vào sau ông ta một lúc. Người này chẳng hề ngần ngại rút một quyển tiểu thuyết trinh thám ra khỏi túi, mặc kệ hơn hai triệu tác phẩm ở xung quanh.

Phòng đọc đóng cửa lúc sáu giờ. Vào sáu giờ kém một phút, ông Julie tiếc nuối chia tay cuốn *Vua Meiamoun và dân tộc Hitti* rồi rời khỏi bảo tàng, theo sau là một đoàn kỵ sĩ hoàng gia mặc thánh giá đeo ngực và đội mũ *mitra*.

Ông còn chưa đi được mười bước thì một bàn tay của người đàn ông xem tiểu thuyết trinh thám, đặt lên tay ông: “Ông Julie phải không? Tôi là thanh tra Beard, của Sở cảnh sát London.”

Dừng một chút, thanh tra nói tiếp: “Tôi yêu cầu ông đi theo tôi.”

Lúc này, ông Julie tưởng mình bị hiểu lầm nghiêm trọng. Ông lấp bắp: “Theo ông? Đi đâu? Làm gì?”

Thanh tra gọi lại một chiếc *taxi* và mở cửa. “Lệnh của cảnh sát trưởng.” Ông trả lời ngắn gọn.

Và khi “khách hàng” của ông ấy rụt rè phản đối: “Ông là ông Julie, giáo sư ở Viện Collège de France, đúng chứ?”

“Vâng, nhưng...”

“Thế thì lên xe đi.”

Ông giáo sư đầu hàng. “Mời ông lên trước!” Ông ta máy móc nói.

“Không, mời ông!”

Cả chặng đường thật im lặng. Thanh tra dường như đắm chìm trong suy nghĩ - thực ra, ông ta không nghĩ về điều gì cả - còn ông

Julie thì không dám hỏi.

Tuy nhiên, khi chiếc xe dừng lại, ông Julie bỗng cảm thấy bồn chồn: “Các người muốn gì ở tôi? Nếu là về vấn đề giấy tờ...” Ông thanh tra ra hiệu phủ nhận, thanh toán tiền xe và, thậm chí không kiểm tra xem mình có bị theo dõi hay không, ông ta lao vào tòa nhà tối tăm của Sở cảnh sát London.

Ông Julie vội vã theo sau ông ta. Giờ ông đã chạy trời không khỏi nắng rồi, ông sẽ theo sát gót thanh tra bằng mọi giá.

Ông thanh tra lên tầng một, rẽ trái, rồi rẽ phải, rồi lại rẽ trái, cuối cùng dừng lại đột ngột đến nỗi ông Julie đâm sầm vào tấm lưng lực lưỡng của ông ta.

Ngay sau khi thanh tra gõ cửa và một giọng nói cộc cằn hét mời vào, ông giáo sư đứng trước một người đàn ông cao lớn gầy gò, gương mặt góc cạnh. Người này cúi đầu lễ phép khi nhìn thấy ông: “Ngài giáo sư Julie ạ? Mời ông ngồi. Tôi là Prior, phó cảnh sát trưởng.”

Ông Julie ngồi xuống mép ghế. “Tôi xin lỗi về cách thức khiếm nhã khi mời ông đến văn phòng này. Nhưng thời gian đang gấp rút và tôi không có lựa chọn nào khác!”

Ông Prior đan tay, bắt chéo chân và nhìn chăm chăm vào giáo sư với vẻ quan tâm, rồi ngay lập tức trực tiếp hỏi:

“Ông có biết ngài Smith là ai không?”

Ông Julie tròn xoe mắt. “Ông đang nói đến Smith nào thế? Tôi đã nghe nói rằng có hàng nghìn người tên Smith ở London...”

Robert Prior - người thân quen thường gọi là Robin, cúi về phía

trước. “Tôi muốn nói đến Smith đã giết người cướp của trong khoảng mười một tuần nay.”

“Ra thế!” Ông Julie nói.

Ông húng hắng ho. “Tôi có đọc một chút về chuyện đó trong mấy ngày gần đây.”

“Đừng nghi ngờ điều đó! Báo chí đang đầy những phân tích về vụ án của hắn, những tội ác mà cho đến nay chúng tôi vẫn đang cố hết sức để ngăn chặn trong tuyệt vọng.”

“Như Jack Đồ tể ấy hả?” Ông Julia gợi ý.

Thái độ của ông thể hiện rõ cảm xúc: ông ta đồng cảm.

“Nếu ông muốn! Ngoại trừ khác biệt rằng ngài Smith dường như hoàn toàn cân đối... Giờ hãy cho phép tôi hỏi thẳng ông điều này. Giả sử ông đối mặt trực tiếp với ngài Smith trên đường phố, ông sẽ làm gì?”

“Trời, tôi... Tôi nghĩ khó mà gặp được lắm. Tôi tưởng tượng xem.”

“Ông sẽ kêu cứu chứ?”

Ông Julie hoàn toàn không nghĩ đến giải pháp này. Tuy nhiên, ông vẫn chấp nhận cơ hội trước mắt. “Tất nhiên rồi, vâng! Tôi sẽ kêu cứu!”

“Ông thật dũng cảm!” Phó cảnh sát trưởng nhấn mạnh. “Và nếu ông ở chung nhà với ngài Smith thì sao?”

“Nếu tôi...? Chuyện này còn khó xảy ra hơn nữa, không phải ư?”

“Tôi sẽ nói rõ hơn. Giả sử ông sống chung nhà trọ với ông ta?”

“Nếu thế thì tôi sẽ chuyển nhà đi thôi!” Đây không hẳn là đáp án Robin hy vọng. Tuy nhiên, ông ta cố gắng không thể hiện điều đó.

“Nhưng ý ông không phải...” Giáo sư cảm thấy lo âu.

“Đúng vậy!”

Một lúc im lặng.

“Không còn nghi ngờ gì nữa. Ngài Smith sống ở cùng chỗ với ông, nhà số 21, quảng trường Russel. Một nhân chứng đã nhìn thấy hắn đi vào đó, sau khi thực hiện án mạng gần nhất.”

Ông Julie lấy một cái khăn tay kẻ caro ra khỏi túi và lau mồ hôi trên trán. “Thật đáng sợ! London có cả hàng nghìn nhà trọ khác nhau và tôi đã chọn chính nơi đó!”

Phó cảnh sát trưởng mỉm cười. “Ông tin vào ý trời không? Tôi tin. Bởi vì ông là người duy nhất có khả năng giúp đỡ chúng tôi.”

“Giúp các ông!”

“Như thế này. Chúng tôi biết rằng ngài Smith đã chọn số 21, quảng trường Russell làm nơi cư trú. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn chưa biết được danh tính thực sự của hắn ta. Chúng tôi cũng thiếu chứng cứ để bắt giữ hắn. Chúng tôi hy vọng ông có thể cung cấp chúng cho chúng tôi.”

“Tôi ư?”

Phó cảnh sát trưởng gật đầu.

“Chúng tôi e rằng nếu gửi bất kì ai đến nhà số 21 đều sẽ khiến tên tội phạm cảnh giác. Ông thì không! Ông đến từ Pháp, không ai có thể nghi ngờ ông có mối liên hệ gì với Scotland Yard. Như ngài

Christopher Hunt đã nói, ông chính là người chúng tôi cần!”

Trong số nhiều cảm xúc đang hoảng loạn từ ông Julie, phần nộ chiếm ưu thế hơn cả.

“Người nào việc này! Tôi rời khỏi Paris là để hoàn thành một tác phẩm sẽ ghi dấu trong lịch sử Ai Cập học: *Những vị vua thành Thebes...* Chứ không phải để săn lùng tên giết người!”

“Chúng tôi không yêu cầu ông phải làm gì đó bất thường hoặc nguy hiểm. Ông chỉ cần quan sát những người ở cùng nhà trọ với ông và cung cấp cho chúng tôi một báo cáo hàng ngày. Ông hiểu ý tôi chứ: giờ đi, giờ về của từng người, các chủ đề trò chuyện chính trong suốt bữa ăn,...”

“Nói cách khác, ông muốn tôi thành người chỉ điểm cho các ông sao?”

Phó cảnh trưởng có vẻ bị sốc. “Tôi sẽ không nói thế. Nhìn chung, các vụ án của ngài Smith gây ra hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Vậy nên chúng tôi không thể để ông đứng ngoài cuộc được.”

Ông Julie lấy hết can đảm từ nỗi sợ để ra vẻ cương quyết. Ông đứng dậy. “Các ông nhầm rồi. Một vụ án như vậy hoàn toàn là việc của cảnh sát.”

Robin đành phải rút lá bài tẩy.

“Hãy xem xét, thưa giáo sư... Tôi có cần nêu lên mối quan hệ thân thiết giữa hai quốc gia của chúng ta, và mối tương hỗ vững chắc trong ba mươi năm qua không? Tôi có cần nhấn mạnh rằng...” Ông phó cảnh trưởng cân nhắc từng từ. “Nếu ông giúp đỡ cảnh sát Anh, chính phủ sẽ trao tặng cho ông thứ gì đó xứng đáng,

ngoài khoản tiền thưởng to lớn?”

Ông Julie có vẻ ấn tượng với lập luận cuối cùng này. Ông hình dung mình sẽ gặp lại đồng nghiệp, khuy áo được điểm thêm dải ruy băng mới. Nhưng suy nghĩ đó không tồn tại lâu. “Tôi... tôi sẽ cân nhắc!” Ông nói. “Tôi không giới thiệu Anh và...”

“Ông chỉ cần nói và nghe đủ để bắt được cụm từ nào đó có thể gây rắc rối cho người nói hoặc chỉ dẫn phương hướng điều tra cho chúng tôi là được. Hãy nhớ là nhà số 21 đang bị cảnh sát bao vây. Ông chỉ cần nói một lời, làm một hành động nhỏ, nếu ông thấy ông đang ở trong tình huống... khốn khó, chúng tôi sẽ đến cứu ông.”

Ông Julie lặng lẽ tiến lại gần cửa.

“Tôi sẽ cân nhắc!” Ông ta nhắc lại. “Nghiên cứu về J. K. Stark-Harding và Cellie sẽ mất tầm tám ngày, sau đó tôi sẽ đi tham quan các bộ sưu tập trong tầm bốn, năm ngày nữa. Tuy nhiên, kỳ nghỉ của tôi...”

Ông phó cảnh sát trưởng cũng đứng dậy, từ tốn đi vòng qua bàn làm việc, e sợ người nói chuyện với ông chạy trốn. “Xin thứ lỗi vì phải nhấn mạnh. Tôi cần câu trả lời ngay lập tức. Tên sát nhân - nếu không được giám sát - có thể vượt khỏi tay chúng tôi bất cứ lúc nào, và tiếp tục giết người.”

“Tôi sẽ cân nhắc!” Ông Julie nói.

Ông ta lên *taxi*, suy đi nghĩ lại về lời ông phó cảnh trưởng. Càng về gần quảng trường Russel, ông càng thấy thật khó bị thuyết phục.

Trong hành lang nhà số 21, ông tình cờ gặp bà Hobson. Bà đang

đi về phía nhà bếp. Ông đã ngăn bà lại. “Tôi rất lấy làm tiếc, thưa bà Hobson, nhưng vì nhiều lý do ngoài ý muốn nên tôi buộc phải rời khỏi đây.”

“Thế à! Bao giờ vậy?”

“Tôi... chỉ ngay tối nay thôi.”

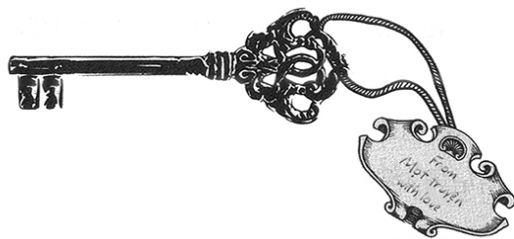
Bà Hobson không thể tin vào tai mình. “Ông không hài lòng về điều gì à?” Bà vội vã hỏi.

“Không, không...”

“Hay về ai, chẳng hạn?”

“Không, không!” Ông Julie nói tiế

Và ông ta chạy đi thu dọn hành lý... cho chuyến đi cuối cùng của mình.



05. MƯỜI MỘT NGƯỜI BÊN BÀN

Khi nàng Công chúa Váy bông xuất hiện, mọi người đều thốt lên. Nàng ta gợi nhớ đến một thứ gì đó trong trắng: một bông tuyết, một con thiên nga, một đám mây nhỏ. Chỉ có người vú già là kiểm được chuyện để chê. *Quá nhiều ren, công chúa!* - bà ta nói với ánh mắt cay nghiệt. Và con vẹt Johann nhanh chóng lặp lại bằng tiếng Đức: *Zuviel Spitzen, Princessin! Zuviel Spitzen!*"

Cô Holland gập lại quyển vở học sinh mà cô đã viết cả ngày và ngược đôi mắt cận thị dịu dàng lên. Thông thường, cô ấy luôn hỏi ý kiến của bà Hobson. Nhưng tối nay, cô ấy buộc phải tìm đến thiếu tá Fairchild.

Khi ông ta lâu quá mà không đưa ra ý kiến, cô ấy nói trước: "Ông không thích à?"

Viên thiếu tá vuốt ria mép: "Nhìn chung thì được! Tôi không bao giờ tấn công quân đội của Đại tướng Kip từ cánh phải, nhưng đó là vấn đề cảm nhận. Chỗ không hợp lý nhất ở đây là cách kết thúc truyện. Tôi chưa bao giờ nghe về một con vẹt đa ngôn ngữ!"

Cô Holland lưỡng lự nhìn thiếu tá. "Một câu chuyện cổ tích luôn có chút bất hợp lý." Cô giải thích. "Và Johann không phải là một con vẹt bình thường."

"Cô nên nói điều đó trước! Nhưng nếu vậy, cô có thể kể bất kì điều gì cô muốn. Tại sao nó không nhảy dây luôn?" Ông Fairchild

nói.

Cô Holland nhẹ nhàng lắc đầu: “Điều đó sẽ làm hỏng câu chuyện khác của tôi.”

“Thật sao?” Thiếu tá Fairchild nói.

Ông ta bắt đầu bực mình: “Chả có lý do nào hết! Nếu nó giả vờ là người phiên dịch, nó cũng có thể nhảy dây được. Ít ra thì nó hài hước.”

Cô Holland không phải là người thích tranh cãi vì chuyện nhỏ nhặt cho lắm: “Ông nghĩ vậy à?”

“Tôi nghĩ vậy! Chờ chúng ta hỏi ý kiến của một người thứ ba xem.” Thiếu tá Fairchild nặng nề quay đầu, tìm kiếm một người ủng hộ mình. Nhưng ông ta chỉ thấy bác sĩ Hyde đang đắm chìm trong cuốn từ điển y học của Quain như thường lệ.

Nhưng ông ta không muốn rút lui. “Tôi có câu hỏi, bác sĩ Hyde! Nếu tôi kể cho ông nghe câu chuyện về con vẹt nhảy dây. Ông có cười không?”

Bác sĩ Hyde nhướng mày: “Còn tùy! Tôi có nên hiểu rằng đó là kỷ niệm cá nhân của ông từ Nagpur hay không?”

Thiếu tá Fairchild đưa tay lên cổ áo và trong một khoảnh khắc, mọi người thấy lo lắng cho sức khỏe của ông ta.

“Đùa đủ rồi, bác sĩ Hyde! Con vẹt này là một trong những sáng tạo của cô Holland và tôi... tôi...”

Tiếng chuông báo giờ ăn tối vang lên lần thứ hai và lần cuối, may mắn thay, nó đã vang lên kịp lúc để giúp ông.

“Con Johann của cô nên xuống địa ngục!” Thiếu tá Fairchild

lạnh lùng nhìn cô Holland tội nghiệp. “Để nó nói tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tùy cô!”

Những người ở trọ - một số từ tầng trên xuống, một số còn đang tê cứng trong khí lạnh ngoài trời - đang tới từ mọi hướng. Chẳng mấy chốc, chỉ còn thiếu mỗi ông Julie và thầy Lalla-Poor.

“Tôi không biết có nên chờ ông Julie không.” Bà Hobson lên tiếng. Nhưng lời bà bị gián đoạn: hai người đến trễ vào phòng cùng lúc.

Để nói rõ hơn thì, thầy Lalla-Poor như nhảy ra từ dưới sàn và chào hỏi mọi người. Ông ta cao và mảnh dẻ, ăn mặc tươm tất, nước da nâu, đầu đội khăn xếp màu vàng. Và mọi người thấy nhà Ai Cập học ốm nhách đi theo sau ông ta.

“Vòng khăn ăn của tôi!” Lúc này, cô Pawter thốt lên. “Không ai được rời đi hết! Ai đó đã lấy vòng khăn ăn của tôi!”

Tất cả mọi ánh nhìn tụ về một người.

“Hãy lịch sự nào!” Collins nói. “Trả lại cho cô ấy đi!”

Ở nhà trọ Victoria, cũng như mọi người có thói quen luôn nói về “người bạn Jekyll” với bác sĩ Hyde, thì họ cũng quen việc đòi thầy Lalla-Poor, ông hoàng ảo thuật, những món đồ biến mất.

“Tất nhiên là tôi không có nó rồi!” Người đàn ông Hindu với tông giọng trầm trọng và bị thương. “Tất nhiên, nếu tôi có nó, nó đã trở thành một con chim bồ câu rồi!”

“Hoặc một con chuột lang!” Viên thiếu tá cầu nhàu. Cách cư xử nhẹ nhàng của nhà ảo thuật khiến ông bực bội.

“Hoặc một con chuột lang!” Người đàn ông Hindu thân thiện

nói.

Mary bước vào, bưng một chiếc đĩa khổng lồ nghi ngút khói. Ai nấy bàn tán về những người hàng xóm gần nhà. Nổi tò mò về khách trọ mới cũng đã giảm đi đáng kể. Mọi người đã dùng món tráng miệng mà không cần nghe ông Julie khoe khoang về vẻ đẹp của Paris thân mến. Ông ta mừng vì điều đó. Những lời của phó cảnh trưởng vẫn lờn vờn bên tai ông, việc ngồi cùng bàn với một tên tội phạm làm ông ăn mất ngon. Hay ông nên bỏ bữa này nhỉ? Không, hiện xung quanh ông còn người khác, ông sẽ chẳng bị nguy hiểm...

Tuy nhiên, bà Hobson không hề dời mắt khỏi ông.

“Điều gì đột nhiên khiến ông ta phiền lòng?” Bà ta tự hỏi không ngừng. “Mình đã cho ông ta một trong những phòng tốt nhất. Ông ta cũng thấy vui vì chỉ cách bảo tàng có hai bước chân. Ông ta cũng không nói gì về tiền thuê...”

Tâm tư của bà ấy không thể thoát khỏi sự chú ý của ông Andreyew: “Bà Hobson, bà buồn phiền gì ư?”

“Không, không!” Bà cứng nhắc trả lời.

Một con quỷ ác độc thôi thúc bà. Bà ta cao giọng: “À, thực ra là có! Tôi có tin buồn cho các vị ở đây. Ông Julie sẽ rời khỏi nơi này, ngay khi vừa mới đến. Chốc nữa là ông ấy đi.”

Một loạt các câu cảm thán và thắc mắc ít nhiều gay gắt hòa vào nhau. Tại sao ông ta đột ngột bỏ đi? Gia đình ông ta gọi về ư? Hay là ông ta không thích London?

Bà Hobson thậm hài lòng khi thấy người đàn ông gầy gò đỏ mặt tía tai và bối rối. “Theo tôi, ông Julie sợ chúng ta!” Bà ta đột

nhiên nói mà không suy nghĩ.

“Sao lại thế!” Bà Crabtree thốt lên, cười với vẻ quấy rầy nhất mà bà có. “Chúng ta đáng sợ đến vậy sao!”

“Mọi người muốn nghe ý kiến của tôi không?” Ông Andreyew xen vào.

Đôi tay thon dài của ông như bay lên: “Ông Julie không sợ chúng ta... mà sợ ngài Smith!”

Bàn ăn rơi vào im lặng đột ngột. Tội ác của ngài Smith là chủ đề cấm kỵ ở nhà trọ Victoria kể từ khi nó gây ra một cuộc tranh luận đáng tiếc giữa bác sĩ Hyde và thiếu tá Fairchild. Chỉ có ông Andreyew dám đề cập đến nó.

Ông Julie đặt dao nĩa xuống. “Ý ông là sao?” Ông ta ngập ngừng, mặt tái mét.

“Thưa quý ông!”

Người đàn ông người Nga bật cười: “Ông định giả vờ không biết ngài Smith là ai à?”

Ông Julie cố giữ bình tĩnh: “Đó là một tay tội phạm khôn khéo, đúng chứ?”

“Nói đi: kẻ khôn khéo nhất Scotland Yard từng chiến đấu. Hắn đã giết bảy nạn nhân trong hai tháng rưỡi.”

Ông Julie thận trọng nghĩ nên tỏ ra tò mò một chút. Dường như ông không biết quá nhiều thông tin về ngài Smith.

“Thế... thế hắn hành động như nào?” Ông hỏi với giọng đều đều.

Và ánh mắt lo sợ của ông lướt từ khuôn mặt này sang khuôn mặt khác. Ai là kẻ sát nhân?

“Hắn dạo bước trong sương mù.” Ông Andreyew tự mãn giải thích. “Hắn nhẹ nhàng theo sau người đi đường, và khi đến nơi vắng vẻ, hắn giơ tay...”

“Tôi chỉ không hiểu.” Cô Pawter khéo léo cắt ngang. “Làm sao tay chiến binh của ông xác định được ai là kẻ qua đường giàu có và ai là kẻ không xu dính túi.”

“Tôi đoán chắc hắn phân biệt qua vẻ ngoài!”

“Thế hắn phải nhầm lẫn nhiều lắm.”

“Nên hắn bù lại bằng số lượng.”

“Tội ác hàng loạt!” Ông Collins gợi ý.

“Chính xác!”

Ông Andreyew châm thuốc lá: “Có thể kết luận điều đó bằng cách so sánh số tiền cướp được. Ví dụ như ông Burmann, bị sát hại vào ngày 10 tháng Mười một, khi ông ấy vừa rút năm trăm bảng Anh từ ngân hàng. Ngược lại, ông Derwent, chỉ có mười hai *shilling* và sáu xu. Thế là bù trừ cho nhau!”

“Ông biết nhiều phết nhỉ!” Thiếu tá cầu nhàu.

“Có thể do mọi người biết quá ít.”

“Ông coi ngài Smith là bạn hả?”

Người đàn ông Nga dựa vào ghế, cười phá lên. “Điều cười của một tên Kozak thực thụ!” Viên thiếu tá nghĩ.

“Còn hơn thế cơ! Tôi chính là ngài Smith!”

“Ôi Chúa ơi!”

Bà Hobson tái mét, đặt tay lên ngực: “Tôi xin lỗi phải nhắc lại cho ông, ông Andreyew! Nhưng có một số chủ đề không thể đùa

giữn được!”

Người đàn ông Nga không bỏ lỡ cơ hội để hôn lên tay bà chủ nhà. “Thứ lỗi cho tôi.” Ông ta nói với vẻ hối lỗi chân thành nhất. “Thật không may, tôi chỉ thích đùa về những chủ đề như vậy thôi.”

Ông Julie không thể nghe thêm nữa, ông phi thẳng ra cửa. Đến ngưỡng cửa, ông quay đầu lại. “Xin lỗi, nhưng đã đến lúc tôi phải đi rồi.” Ông lắp bắp. “Bà đã chuẩn bị hóa đơn cho tôi chưa, bà Hobson?”

“Mary sẽ đem ra cho ông ngay.

Mọi người đứng dậy rời bàn và đa số những người khách trọ đi vào phòng khách, xếp thành một vòng tròn quanh ngọn đèn. Ông Andreyew lấy từ ngăn kéo ra một bức tranh thêu kỳ lạ trên vải mà ngày nào ông cũng thêu khoảng một tiếng. “Không gì giúp các người thanh lọc tâm hồn tốt hơn đâu!” Ông đáp trả những kẻ châm chọc. Thiếu tá Fairchild chiếm các tờ báo buổi tối và bà Crabtree bắt đầu chơi xếp bài, một trò cần đến ba bộ bài mà thường bà hiếm hoàn thành. Ông Crabtree được phép xem.

Sau khoảng mười lăm phút, cô Pawter đứng dậy.

“Tôi mệt rồi!” Cô nói. “Chào mọi người! Ngủ ngon nhé!”

Ngay khi ra khỏi phòng, cô lại hé cửa và ló đầu vào: “Hãy ngủ trên đệm Swanson-Harris!”

Không lâu sau, cô Holland cũng lên phòng. Cô đi qua bếp, để lấy một ít sữa cho thú cưng cuối cùng của cô - một con mèo trắng rơi từ trên trời xuống vào một buổi tối. Sau đó, cô về phòng và khúc ca mà ai cũng chờ đợi cất lên lời nỉ non:

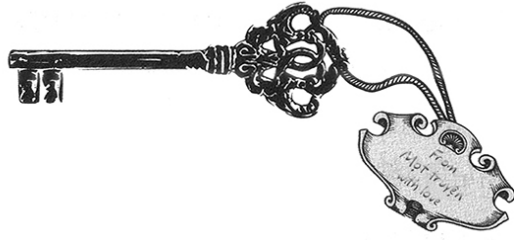
Stop! You are breaking my heart...

Như người khác mua bể cá vì họ nuôi cá vàng, cô Holland đã mua một máy hát đĩa để chơi đi chơi lại đĩa nhạc duy nhất này.

Khoảng chín giờ kém mười lăm, bà Hobson ngạc nhiên vì ông Julie chưa rời khỏi nhà, nên đã vào phòng ông ấy.

Bà thấy ông ấy đang ngồi, tay duỗi lên một chiếc bàn nhỏ, và đầu ông gối lên tay.

Một con dao cắm trên lưng ông.



06. "S-M-I-T-H, SMITH!"

"Alô!"

"Ờ Evening Post phải không? Xin hãy chuyển máy cho phòng biên tập!"

"Ai vậy?"

"Ông Miller."

"Chờ chút!"

"Alô!"

"Phòng biên tập tờ *Evening Post* đúng không?"

"Vâng. Ai thế?"

"Ngài Smith đây. S-M-I-T-H, Smith! Mau gửi một ký giả đến nhà trọ Victoria, số 21, quảng trường Russel. Tôi sống ở đây và tôi vừa giết một nhà bác học lập dị."

"Gì thế? Alô! Alô! Chúa ơi, Johnny, có một thằng cha nào đó tự xưng là ngài Smith, sống ở quảng trường Russel, số nhà 21, hình như thế, và gã bảo vừa mới gây án!"

"Kệ đi. Thằng đó giỡn thôi."

"*Nhật san Telegraph...*"

"Một trong những độc giả của các ông đây. Tôi muốn nói

chuyện với phòng biên tập.”

“Về gì thế?”

“Việc cá nhân.”

“Xin ông đợi chút!”

“Phòng biên tập *Nhật san Telegraph* đây...”

“Hãy gửi một ký giả đến nhà trọ Victoria, số 21, quảng trường Russel. Ngài Smith sống ở đó và vừa sát hại nạn nhân thứ tám.”

“Ai đó ạ?”

“Chính ngài Smith đây.”

“Ôi! Ngài Smith đó à? Còn tôi là Bộ trưởng Bộ Tài chính đây! Khỏe không, ông bạn già? Alô! Alô!”

“Ờ *Night and Day* xin nghe.”

“Chuyển máy cho thư ký phòng biên tập... Ông Miller đây.”

“Xin ông đợi chút.”

“Alô!”

“Thư ký phòng biên tập đây hả?”

“Đây này... Gọi cậu đó, Percy!”

“Mẹ kiếp... Alô! Ai đó ạ?”

“Ngài Smith! S-M-I-T-H, Smith! Tôi muốn báo cho ông tôi vừa gây án, nạn nhân thứ tám của tôi, ở nhà trọ Victoria, số 21, quảng trường Russel.”

“Đừng cúp máy vội! Ông vừa nói: nhà trọ Victoria, số 21, quảng trường Russel à?”

“Ừ. Nhân tiện, tôi sống ở đó.”

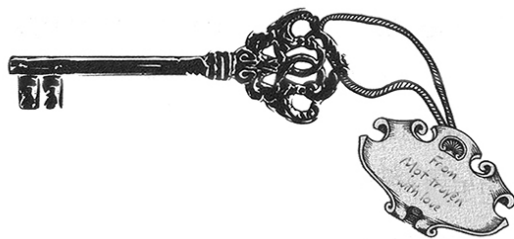
“Ông... gì cơ?”

“Tôi sống ở đó. Nốt câu này thôi. Hãy để tôi lên trang nhất tờ báo của ông và ngày nào đó, tôi sẽ gửi ông hồi ký của tôi.”

“Tôi sẽ để... Alô! Alô! Paul, gọi ngay cho Lawson. Ngài Smith vừa báo tôi là hắn vừa gây án mạng lần nữa.”

“Cậu đùa hả?”

“Mẹ kiếp... Gọi ngay! Lúc này, Ginger hắn đang ở nhà cô Standish, đang đọc thơ Swinburne cho cô ấy trong căn phòng trang trí màu kem và bạc rồi.”



07. BUỔI TỐI TUYỆT VỜI

Thầy Lallo-Poor tựa cổ vào lưng ghế bành, ánh sáng từ ngọn đèn rọi xuống đôi mắt khép nhẹ của ông ta. Ông cứ giữ nguyên tư thế bất động như một pho tượng. Ngược lại, ông Collins ngồi trên mép ghế đầu, dường như sẵn sàng nhảy lên khi có tín hiệu cảnh báo nhỏ nhất. Bác sĩ Hyde cúi mặt xuống quyển từ điển y học. Bà Hobson nhấn khăn mùi xoa thấm nước hoa lên môi và dù không muốn, ánh mắt bà chất vấn từng người đang có mặt. Thiếu tá Fairchild sải bước đi qua đi lại, chấp hai tay sau lưng. Ông Andreyew bỏ dở thêu thùa để xem tờ Times. Còn bà Crabtree vừa máy móc xáo bài, vừa tức giận nhìn ông chồng, người mà bà luôn đổ phần nào trách nhiệm vì những tội ác do cánh đàn ông bắt lương gây ra.

Không âm thanh nào thoát ra từ môi họ. Thay vào đó, họ lắng tai nghe mọi tiếng động phát ra từ tầng trên.

Cảnh sát đã kéo đến khoảng hai mươi phút rồi và những bước chân nặng nề rung chuyển sàn phòng người chết.

“Phòng người chết!” Bà Hobson không thể chịu đựng được nữa: “Tôi không hiểu được! Ông ấy vẫn còn sống nhăn, vẫn thật vô hại trong bữa tối... Ông Julie tội nghiệp!”

“Bà đã nói câu này rồi!” Viên thiếu tá càu nhàu.

Phản ứng bất cẩn khiến bà Crabtree phẫn nộ: “Lúc nào tôi cũng thấy ông là kẻ vô tâm, thiếu tá Fairchild! Chuyện lần này đã chứng minh là tôi không hề sai!”

“Tôi có tâm như bất kì ai ở đây thôi, và chắc chắn là hơn cả bà!” Thiếu tá đáp trả, dừng hành trình vòng quanh cái bàn. “Tuy nhiên, tôi đánh giá mọi thứ, kể cả mạng người, theo đúng giá trị của chúng. Đừng quên là tôi đã ở Ấn Độ hai mươi hai năm và...”

“Chúng tôi quên thế nào được? Ông nhắc đi nhắc lại cả trăm lần mỗi ngày!”

Ông Andreyew đặt tờ báo xuống: “Xin hãy ngừng cãi nhau! Chúng ta nên bắt đầu tự hỏi ai là hung thủ đi.”

“Đấy chẳng phải là việc của cảnh sát sao?” Ông Collins hỏi.

“Dĩ nhiên... Nhưng cũng là việc của chúng ta!”

“Tại sao thế?”

“Theo lời khai từ bà chủ nhà thân thiện của chúng ta, không người lạ nào có thể xâm nhập vào đây trong tối nay... Các ông bà tự suy đi!”

“Ý ông không phải là...?” Bà Hobson lên tiếng.

Bác sĩ Hyde xen vào lời bà bằng giọng lạnh lùng và chua cay: “Andreyew nói đúng đó. Tên sát nhân chắc chắn là một trong số chúng ta!”

“Bác sĩ Hyde.”

“Ông đang xúc phạm chúng tôi đấy!” Viên thiếu tá gào lên.

Bác sĩ cười khẩy và mọi người nghe tiếng bước chân đông đảo từ cầu thang xuống. “Trong trường hợp này, ông nên sẵn sàng bị xúc phạm bởi đám cớm đang lục lọi trên kia đi! Giờ họ đang ra kết luận y chang đấy.”

Bác sĩ vừa nói xong thì một thanh tra bước vào nói: “Chánh

thanh tra Strickland không cho phép bất kì ai rời khỏi phòng này trước khi được ông ấy thẩm vấn.”

Anh ta nhường chỗ để cho cô Holland và cô Pawter đi vào, những người đã đi ngủ, nhưng rõ ràng họ đã phải vội vã mặc lại đồ: “Còn tôi, tôi được giao nhiệm vụ hỏi về hoạt động của mỗi người sau bữa tối.”

“Rồi sao?” Strickland hỏi.

Bác sĩ Hancock vuốt mắt người chết sau khi ông kiểm tra kết mạc, ông tháo kính và dùng miếng da sơn dương trong túi quần lau mắt kính. “Ông muốn biết gì?”

“Trước tiên là thời điểm diễn ra án mạng.

“Hãy hỏi những người trong nhà này để xác định thời gian. Theo tôi, án mạng diễn ra vào khoảng giữa tám, chín giờ, chắc tầm tám giờ rưỡi.”

“Chết tức thì hả?”

“Tôi có đủ bằng chứng để nghĩ vậy.”

Strickland chỉ vào hung khí mà chuyên gia vân tay đang cẩn thận cầm: “Ông phải biết thứ đó chứ nhỉ?”

Bác sĩ Hancock lại đeo kính: “Tất nhiên. Đó là một trong những con dao sắc bén được sử dụng để phẫu thuật, tên là dao *catlin*.”

“Khó mua lắm nhỉ?”

“Đúng vậy, nếu không phải người của Viện.” Strickland bỏ qua bác sĩ.

“Vân tay sao rồi, Harris?”

“Sạch trơn, thưa ông. Thủ phạm chắc chắn đã lau sạch hung

khí và chỉ chạm vào nó khi đeo găng tay.”

“Để tôi...” Bác sĩ Hancock lầm bầm. Ông ta lại gần bồn rửa tay, nơi con dao phẫu thuật được đặt và cúi xuống để nhìn kỹ hơn.

“Loại vũ khí này gợi cho tôi suy nghĩ, hung thủ sử dụng găng tay cao su y tế mỏng.” Ông ta đứng dậy. “Hãy lục soát căn nhà nếu cần, Strickland, nhưng hãy tìm ra chúng! Chúng có thể dẫn ra được kẻ thủ ác.”

“Như thế nào?”

“Các tuyến mồ hôi của một người trong trạng thái cảm xúc mãnh liệt - ví dụ như phẫn nộ, sợ hãi, ham muốn, giết người - sẽ hoạt động mạnh hơn và các lỗ chân lông ở đầu ngón tay sẽ tiết ra mồ hôi axit. Những chất dịch này có thể để lại dấu vết trong găng tay.”

“Được thôi, bác sĩ!”

Strickland gọi người chụp hiện trường đang thu dọn thiết bị: “Xong chưa, John?”

“Rồi ạ, thưa ông.”

“Bao nhiêu tấm?”

“Tám ạ.”

Hiện giờ, người chết ngồi ngã sang bên. Strickland cúi xuống và lục túi nạn nhân. Ông ta tìm thấy một chiếc khăn tay kẻ caro, một cuốn lịch ghi chú bằng tiếng Pháp, một cây bút chì kém chất lượng đi kèm với nắp bảo vệ, một chùm chìa khóa, một con dao nhỏ, mớ tiền xu Anh và tiền xu Pháp, một hộp viên ngậm ho.

Khi ông ta tiếp tục tìm kiếm với hy vọng tìm ra ví nạn nhân,

một tấm danh thiếp rơi xuống thảm.

“Tốt!” Ông ta nghĩ khi nhanh chóng nhặt nó và liếc nhìn qua.
“Tội ác đã được ký tên!”

Đến đây, một tâm trí bình tĩnh có thể tự hỏi nếu như, do một sự trùng hợp đáng chú ý, nhà số 21 quảng trường Russel chứa chấp cùng lúc hai gã tội phạm không quen biết nhau. Tấm danh thiếp của ngài Smith và chiếc ví mất tích đã loại bỏ giả thiết này.

“Chúng ta sẽ bắt đầu lục soát từ phòng nào?” Thanh tra Fuller hỏi.

Ánh mắt của Strickland rơi xuống con *catlin* đẫm máu: “Phòng bên cạnh đi. Phòng của bác sĩ Hyde.”

Thanh tra Mordaunt đã ngồi trong phòng đọc hướng ra đường. Sau khi ghi lại câu trả lời của bà Hobson, cô Holland và cô Pawter, anh ta gọi thiếu tá Fairchild vào.

Viên sĩ quan già vào phòng bằng những bước chân vững chãi, những sợi ria mép đe dọa kẻ thù.

“Xin thứ lỗi cho những câu hỏi hoàn toàn mang tính công việc của tôi, thiếu tá Fairchild.” Mordaunt thân thiện nói. “Ông đã làm gì sau bữa tối?”

Viên thiếu tá nghiêng răng cười thê: “Chẳng gì cả! Ba lần không có gì! Trừ khi cậu coi việc đọc *Times* là một công việc nghiêm túc!”

“Tôi có thể hiểu là ông không hề rời khỏi phòng khách?”

“Cả phòng khách lẫn ghế bành của tôi! Ngay cả khi tôi làm điều đó, những danh hiệu của tôi cũng sẽ bảo vệ tôi khỏi những hoài nghi của cậu!”

“Rất xin lỗi, thiếu tá Fairchild! Ông sẽ là người cuối cùng tránh cho tôi vì tuân thủ mệnh lệnh từ cấp trên của mình.”

Viên thiếu tá dụi đi: “Xem cậu nói gì kìa, chàng trai trẻ! Tôi có thể giúp đỡ cậu, hãy nhớ điều đó!”

“Vâng thưa ông! Ông có thể tình cờ chú ý điều gì mà mọi người khác đã bỏ qua không?”

“Nếu không muốn chú ý, chỉ có thể che mắt bịt tai lại thôi! Lúc dùng món tráng miệng, ông Andreyew đã khoác lác mình là ngài Smith và mới cách đây chưa đến mười lăm phút, bác sĩ Hyde đã nói kể giết ông Julie đang ẩn giữa chúng tôi!”

“Thú vị đó! Những khách trọ khác - trừ cô Holland và cô Pawter - có ai rời khỏi phòng khách trong tối nay không?”

Viên thiếu tá bắt đầu xoắn rìa mép mình: “Đợi chút! Ông Collins có lên phòng, nếu tin được lời ông ta, để tìm gói thuốc lá... Andreyew cũng rời đi một lúc, tôi chẳng biết để làm gì. Bà Crabtree đã bảo ông chồng đi lấy ba bộ bài cho bà ta chơi cái trò ngu ngốc gì đó. Cuối cùng, cái ông hề với ông bác sĩ cũng ra ra vào vào. Tại sao ấy hả! Chắc họ chỉ đơn giản bị cuồng chân thôi?”

“Ông bảo *ông hề* là ai thế?”

“Thầy Lalla-Poor ấy. Tên thật của ông ấy là Brown hay Miller gì đấy và nếu ai đó bảo tôi ông ta sinh ra ở quận Putney thì tôi cũng chẳng ngạc nhiên đâu! Tôi đã nói chuyện với ông ta bằng tiếng Hindu, tiếng Gujarati và tiếng Punjab^[17] ... Ông ta không hiểu một từ nào cả!”

Thanh tra Mordaunt cảm ơn nồng nhiệt và ông Andreyew là

người kế tiếp.

“Chúng ta đã gặp nhau chưa nhỉ?” Mordaunt hỏi.

“Tôi nghi lắm.”

“Giọng của ông nghe khá quen thuộc với tôi.”

Ông Andreyew đưa hộp thuốc đang mở cho thanh tra: “Có thể ông đã nghe thấy giọng tôi ở rạp Capitol, Empire hay bất kì rạp nào khác. Tôi giữ giọng của tổ tiên để lồng tiếng cho diễn viên Nga trong phiên bản tiếng Anh của các bộ phim nước ngoài. Hẳn cậu nhớ phim *Chú chim én*? Tôi lồng tiếng cho nhân vật hoàng tử.”

“Chính nó!” Mordaunt reo lên. “Và ông lồng tiếng cho Pierre Avila trong phim *Vương Miện Biến Mất*! Xin hãy để tôi bày tỏ lòng ngưỡng mộ.”

“Cảm ơn nhiều. Cậu thích *Vương Miện Biến Mất* hả? Tôi thì không. Nó cứ giả tạo, từ đầu đến cuối.”

“Ngoại trừ, có thể là, cảnh kết phim...”

“Quá lạc quan. Những tình yêu mùa hè chết cùng mùa hè.”

Mordaunt buồn rầu nhớ lại nhiệm vụ của mình. “Rạp chiếu phim có thể đã giúp ông làm quen với phong cách của chúng tôi.” Anh vui vẻ nói. “Vậy nên, xin đừng trách tôi khi tôi hỏi ông có rời khỏi phòng trong buổi tối không.”

“Tôi có ra khỏi đó trong vài phút.”

“Để làm gì?”

“Tôi cũng không rõ nữa! Ngồi yên một chỗ khó chịu lắm. Thật lòng thì mấy khách trọ khác ở đó cũng làm tôi thấy vậy. Nhưng tôi cũng không muốn ra khỏi đó. Nên tôi lên phòng với mong muốn

tìm thứ gì khác để làm. Tôi đã xử lý hết thư từ rồi, máy sưởi cũng hoạt động kém. Chỉ một lúc sau là tôi đi xuống.”

“Trong lúc ở tầng trên, ông không nghe thấy gì à?”

“Hình như không... Không, chẳng gì hết...”

“Thế ông không gặp ai ở cầu thang à?”

“Không... Ý tôi là có! Ông Collins vào nhà tắm ở gác xép lúc tôi xuống”

“Lúc đó là mấy giờ?”

“Sao tôi biết được! Chúng tôi rời bàn ăn tám giờ kém mười lăm. Cô Pawter và cô Holland lên phòng ngủ lúc gần tám giờ. Thiếu tá Fairchild rời phòng khách...”

Mordaunt giật mình: “Ông chắc chắn chứ?”

“Chắc chắn. Ông ấy chối à?”

“Không, không!” Thanh tra cứng nhắc nói. “Rồi sau đó?”

“Người đàn ông Nga thở dài: “Cậu muốn tôi nhớ thế nào đây? Ông Collins bảo là cần hoa cúc, rồi... Tôi nhớ rồi! Bà Crabtree luôn thích nhắc chúng tôi số giờ trên đồng hồ của bà ta, mỗi khi đồng hồ trên tường reo... Tôi có nghe bà ấy nói: *Thân mến, tôi đảm bảo giờ là ba mươi lăm phút!* Khi tôi rời khỏi phòng khách.”

“Ý kiến hay đó, ông Andreyew. Lúc đó có những ai ở trong phòng?”

“Ờm... Bà Hobson, bà Crabtree, ông Crabtree, thiếu tá Fairchild...”

“Ông thiếu tá trở lại rồi à?”

“Vâng, ông ta chỉ đi đâu tầm bảy, tám phút là cùng. Còn cả ông

thầy tu của chúng tôi, bác sĩ Hyde... Không, không có bác sĩ Hyde! Tôi thề là tôi không biết gì nữa!”

“Không sao, ông Andreyew! Ông đã cung cấp đủ thông tin cho chúng tôi rồi. Bây giờ tôi muốn hỏi ông một điểm nhạy cảm hơn. Ông đã tự nhận mình là ngài Smith với mọi người trong bữa tối. Ông thừa nhận điều đó không?”

“Có chứ.”

“Tại sao ông lại làm thế?”

Ông Andreyew cười kiêu của người Kozak^[18]: “Cậu cứ trọ ở đây khoảng ba ngày đi, cậu trai, rồi chúng ta sẽ thấy cậu muốn nói gì với họ!”

Mordaunt chăm chú nhìn người đối diện. “Tôi hiểu rồi!” Anh ta đáp lại. “Ông có thể gọi thầy Lalla-Poor vào không?”

“Sẵn lòng. Nhân tiện, tôi đoán cậu đang đeo nhẫn cưới thì phải?”

“Vợ tôi cứ khăng khăng bảo vậy.” Mordaunt nói.

“Thế thì giấu nó trong tất đi! Lalla-Poor đã tráo nhẫn của tôi với cái bọc trà!”

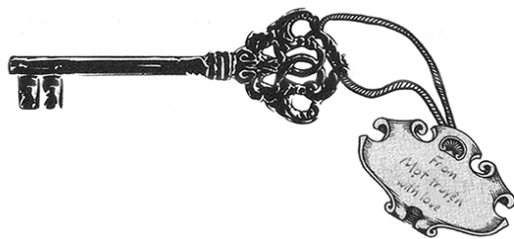
“Túi dụng cụ đây.” Fuller nói.

Strickland vươn tay ra: “Đưa đây.”

Ông ta mở nó ra và chuyển sang cho bác sĩ Hancock: “Bác sĩ, theo ông, thứ gì đã bị lấy đi?”

Một khoảng trống nằm giữa hàng dao phẫu thuật sáng loáng.

“Một con dao *catlin!*” Hancock nói.



08. GIỮA TÁM VÀ CHÍN

Bác sĩ Hyde nhẹ nhàng bước vào, kẹp quyển từ điển y học dưới cánh tay: “Chào buổi tối, các ông!”

Ông ta chăm biếm liếc nhìn những chiếc tủ mở toang, giường chiếu lộn xộn, và các ngăn kéo đang mở: “Mấy ông thấy bộ đồ ngủ của tôi thế nào? Tôi thích xanh hạnh nhân.”

Strickland, chặn ngay chiếc bàn bằng vẻ ngoài vạm vỡ của mình, cầm lên một vật bọc trong một tấm vải.

“Chào buổi tối, bác sĩ Hyde!” Ông nói với giọng trang trọng nhất. “Tôi phải thông báo với ông rằng, những câu trả lời của ông sẽ là bằng chứng chống lại ông. Ông có nhận ra cái này không?”

Nếu ông chánh thanh tra muốn khiến người đối diện bối rối, vậy thì ông ta phải thất vọng rồi. “Không gì giống dao phẫu thuật hơn một con dao phẫu thuật khác... Tuy nhiên, vẻ trịnh trọng của ông khiến tôi nghĩ nó là của tôi.”

“Vụ án được phát hiện khoảng chín giờ mười phút. Chúng tôi đến đây vào chín rưỡi. Ông dám nói ông đã không tò mò nhìn thi thể trong khoảng thời gian đó không?”

“Tôi thấy cả thi thể... lẫn hung khí! Nhưng tình trạng của bà Hobson cần được chú ý khẩn cấp hơn và người sống thu hút tôi hơn người chết. Tôi nghĩ rằng nếu con dao phẫu thuật này đến từ

túi của tôi, ông vẫn sẽ tìm thấy nó sớm thôi!”

“Tức là, ông phủ nhận việc ông là thủ phạm vụ án à?”

“Hãy coi đó như một trò chơi! Nếu chúng ta tin theo lẽ thường, người đầu tiên bị tình nghi đa phần ít khi phạm tội.”

Strickland nhíu mày. Tính cợt nhả của bác sĩ Hyde đang phức tạp hóa việc này. “Trong nhà này, có ai biết nơi ông cất túi dụng cụ không?”

“Tôi đoán là ai cũng biết! Tôi có giấu nó đâu.”

“Ông có găng tay y khoa bằng cao su chứ?”

“Có. Một đôi, thực ra cũng khá cũ rồi. Nó biến mất hả? Tôi để nó cạnh túi dụng cụ trong ngăn kéo tủ gương.”

Strickland bỏ qua câu hỏi: “Ông đã làm gì sau bữa tối?”

“Tôi đã nhét bông vào tai để khỏi nghe những lời tầm phào của bà Crabtree, rồi tôi làm mới ký ức của mình bằng sự phát triển của chúng phù mặt.”

“Nếu ông không thích hòa nhập với khách trọ khác, sao ông không tránh đi?”

“Tôi cũng tự hỏi điều đó đây! Thực ra tôi sợ cô đơn.”

“Ông có rời khỏi phòng khách trong khoảng từ tám giờ đến chín giờ không?”

“Có. Tầm mười phút.”

“Để đi đâu?”

“Vào phòng ông Julie.”

Bác sĩ Hancock bật thốt lên, nhưng Strickland chỉ bình tĩnh đặt câu hỏi:

“Mấy giờ?”

“Tôi không rõ.”

“Chắc hẳn khi đó nạn nhân còn sống đúng không?”

Bác sĩ Hyde nhún vai:

“Đương nhiên! Ông ta thậm chí còn sống gấp đôi người khác nếu chúng ta chấp nhận đau khổ là yếu tố tất yếu trong cuộc đời của mỗi con người! Tôi đang lên phòng để lấy quyển vở ghi chép quan sát lâm sàng của cá nhân tôi thì ông Julie ra khỏi phòng ông ấy. Ông ta trắng bệch và tựa vào khung cửa. Tôi hỏi thăm ông ấy có cảm thấy khó chịu không và ông Julie ra hiệu tôi lại gần. Ông ấy bảo tôi là ông ấy suy tim và cuộc trò chuyện trong bữa tối làm ông ấy khó chịu đến mức muốn xỉu. Tôi đo huyết áp cho ông ấy. Không đến nỗi sẽ ngất. Tuy nhiên, tôi chẩn đoán ông ấy bị trụy tim. Tôi đề nghị ông ấy nằm xuống và đi lấy một liều thuốc mà tôi khuyên ông ấy phải dùng ngay lập tức.”

“Thuốc gì thế?”

“Một viên nén gốc *amin* bậc cao... Loại thuốc duy nhất tôi còn.”

“Liệu đó có phải là lựa chọn tốt trong tình huống như vậy không?” Bác sĩ Hancock xen lời.

“Đúng và không đúng. Tôi đã muốn đưa cho ông ấy một cái gì đó hiệu quả hơn. Nhưng nguồn cung cấp thuốc của tôi đang cạn kiệt.”

“Phiền ông hãy đưa cho bác sĩ Hancock tuýp hoặc hộp thuốc ông đã dùng.” Strickland nói.

Bác sĩ Hyde đến gần bệ lò sưởi và lấy một chiếc hộp tròn nhỏ:

“Đây. Tuy nhiên, tôi cần báo với ông rằng sản phẩm thường được cung cấp trong một hộp khác, nhỏ hơn nhiều.”

“Ông đã làm gì nó rồi?”

“Tôi ném nó đi sau khi dùng hết ba phần tư, tôi chỉ cần chép lại thành phần thuốc lên nắp chiếc hộp này thôi.”

“Chỉ thành phần thôi à?”

“Trời, đúng là vậy! Mấy thứ thuốc khác lạ này có tên gọi man rợ tới mức, tốt hơn hết là nên nhanh chóng quên chúng đi.”

“Thật không may! Loại thuốc không rõ này... có phải thuốc ngủ không?”

“Nó là thuốc kích thích.”

“Nhưng ông Julie có thể ngủ khi ngấm thuốc chứ?” Bác sĩ Hyde tỏ vẻ không rõ.

“Ông có khuyến nạn nhân hòa tan thuốc trong chất lỏng hay gì không?”

“Không. Tôi đặt nó trước mặt ông ta, trên bàn, rồi tôi đi.”

“Thế tôi có thể giả định rằng ông ấy uống nó với nước không?”

“Các ông cứ giả định thoải mái! Tôi không có năng lực tiên tri như thầy Lalla-Poor đâu!”

Strickland viết vội một vài từ lên một miếng giấy và gấp đôi, rồi chuyển nó đến bác sĩ Hancock. Ông Hancock đọc và gật đầu đồng ý. Tờ giấy được viết như sau: *Tìm kiếm dấu vết thuốc khi khám nghiệm tử thi.*

“Thật lòng mà nói, tôi không rõ lý do nào đã thúc đẩy ông quan tâm đến số phận của ông Julie.” Strickland tiếp tục. “Ông đã ngừng

hành nghề y rồi, đúng chứ? Tôi muốn nói là: ông đã mất quyền hợp pháp để hành nghề y?”

“Ông biết thông tin đó từ đâu?”

“Tôi đã đọc trong báo cáo chiều nay. Ngoài ra tôi còn biết ông bị kết án phạt khổ sai.”

“Thế là ông bắt đầu điều tra trước cả vụ án mạng cơ à?”

Strickland cắn môi. Chưa đến lúc để lật bài và công khai đổ tội cho ngài Smith. London sẽ gào thét - không thiếu lý do - về sự bất lực của cảnh sát.

“Trả lời câu hỏi của tôi! Ông không phải người dễ mủi lòng. Vậy thì sao?”

Bác sĩ Hyde thẳng lưng: “Ông nhầm! Vì mủi lòng thương một người phụ nữ mà cuộc đời tôi bị hủy hoại.”

Lúc này, thanh tra Beard gõ cửa và đi vào: “Tôi đã tìm thấy ví của nạn nhân, thưa ông. Nhưng nó trống rỗng.”

“Ở đâu?”

“Trong góc sân.”

“Hắn hẳn ta đã ném nó qua cửa sổ. Harris sẽ phải làm việc. Ít nhất là tôi hy vọng thế!”

Beard chuẩn bị ra ngoài. Strickland gọi anh ta lại: “Lục soát lại phòng ông Julie lần nữa. Tôi muốn cậu tìm ra một viên thuốc nén to bằng đồng xu *penny*. Tôi cũng muốn biết nạn nhân có dùng cốc không.”

Beard gật đầu và đi ngược lại phòng của ông Julie, va vào đồng nghiệp Storey vừa sải bước từ cầu thang lên.

“Tôi vừa ở dưới hầm.” Storey nói. “Bà đầu bếp Daphné đã ngửi thấy mùi cao su cháy từ bếp lò vào khoảng tám giờ năm mươi phút.”

Đôi găng tay! Đó là suy nghĩ đột ngột xuất hiện trong tâm trí của Strickland.

“Có bao nhiêu khách trọ đã đến gần bếp?”

“Ba, thưa ông, theo tôi được biết.”

“Những ai?”

“Đầu tiên là cô Holland đến xin bà Daphné đĩa sữa cho mèo vào tầm tám giờ. Sau đó là thầy Lalla-Poor. Ông ta được bà Hobson ưu ái đặc biệt cho phép nuôi một gia đình thỏ trắng trên gác mái và hôm nào ông ta cũng lên cho chúng ăn xà lách vào hai buổi sáng tối. Cuối cùng là ông Collins. Mary tình cờ gặp ông ta, vào khoảng tám giờ ba mươi lăm phút, khi ông ta đang đi xuống cầu thang. Ông ấy có vẻ bối rối - cô ấy nói với tôi thế - và xin lỗi một cách khó hiểu.”

“Tốt quá! Mau nhất ông ta vào phòng xảy ra tội ác rồi đưa tôi đệm cũng như đồ đạc của ông ta đi.”

Bác sĩ Hyde ngồi lên tay vịn ghế bành, nhìn trần nhà.

“Về Collins...” Ông ta lo lắng nói. “Ông ấy muốn xem túi dụng cụ của tôi sau bữa trưa.”

Không hề biết gì về diễn biến ở tầng trên, thanh tra Mordaunt kết thúc thăm vấn thầy Lalla-Poor: “Thầy không nhất thiết phải trả lời câu hỏi này. Tôi muốn biết quê ông ở vùng nào của Ấn Độ nhỉ?”

Nhà ảo thuật trả lời không chút do dự: “Đương nhiên là ở Sirsa.”

“Sirsa... thuộc Bengal à?”

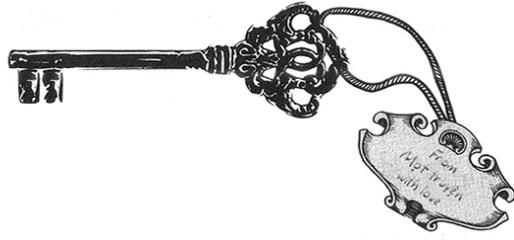
“Thuộc Punjab^[19] .”

“Lạ nhỉ! Thiếu tá Fairchild nói rằng ông ấy đã nói chuyện với ông bằng tiếng Punjab và ông đã không trả lời như ông ấy mong đợi.”

Lần đầu tiên, một nụ cười nở trên làn môi mỏng của người đàn ông Ấn Độ: “Tôi chắc chắn không thể làm được, thanh tra.”

“Tại sao?”

“Phúc đức cho người đàn ông bị ảo tưởng. Ông thiếu tá thân mến nghĩ mình biết nói tiếng Punjab!”



09. "IL B..."

"Anh gọi chúng tôi đến hả, thanh tra?"

"Không hẳn!" Mordaunt nói khi đẩy ghế của mình ra sau. "Tôi muốn hỏi riêng từng người một."

Bà Crabtree vẫn tiếp tục mạnh mẽ tiến lên: "Thật sao, thanh tra? Chồng tôi chẳng có bí mật nào với tôi cả! Anh hãy thẳng thắn hết khả năng, Ernest."

"Chắc chắn rồi, em yêu."

Mordaunt kiên nhẫn nói: "Tôi e rằng hai người đang hiểu nhầm. Tôi..."

"Chúng tôi hiểu rõ lắm! Anh muốn biết chúng tôi làm gì vào buổi tối! Chẳng có gì bất thường cả! Nhưng anh sẽ mất cả tiếng để Ernest trả lời! Đã mười tám năm kể từ khi tôi bắt đầu chăm sóc anh ấy. Từ đó anh ấy có thói quen dựa dẫm vào tôi trong mọi chuyện. Đàn ông là những đứa trẻ to xác. Và cũng cực kì ích kỷ! Dĩ nhiên tôi không nói anh, thanh tra! Anh trông thật quyết đoán, thật mạnh mẽ! Còn Ernest, tôi đã quen biết anh ấy tại một cửa hàng lớn, ở khu chuyên kinh doanh áo ngực. Anh ấy đến đó để mua một ống xà phòng cạo râu. Tôi đã nắm lấy tay anh ấy và tôi có thể nói rằng từ đó tôi chưa bao giờ buông tay!"

Mordaunt thả mình xuống ghế, mệt mỏi: "Ông Crabtree, ông có

rời khỏi phòng khách sau bữa tối không?”

“Không...” Ông Crabtree ngập ngừng. “Tôi muốn nói là có!”

Rồi ông ta im lặng.

Bà Crabtree nghĩ mình phải cổ vũ ông ta: “Bình tĩnh, Ernest. Thanh tra không ăn thịt anh đâu. Nếu cần thì anh hãy dành thời gian ngẫm nghĩ. Nhưng, vì tình yêu của Chúa, xin đừng nói lấp!”

“Đương nhiên, em yêu.”

Một khoảng im lặng ngượng ngùng nảy sinh. Mặt người đàn ông nhỏ bé hết đỏ rồi lại tái. Còn bà Crabtree trở thành hiện thân của chiến thắng.

“Chúng ta kết thúc nào!” Bà ta bỗng đứng nói. “Tôi thích chơi xếp bài, đặc biệt là trò chơi Nam Mỹ tên là *cataracte*. Thật ra, tôi đã cố hoàn thành nó từ ba tuần nay rồi. Tối nào cũng thế, tám giờ, Ernest sẽ lên phòng chúng tôi và mang ba bộ bài tây xuống. Rồi ông ấy ngồi cạnh tôi và chẳng đi đâu nữa. Ông ấy nhìn tôi hàng tiếng chẳng chán... Một bằng chứng ngoại phạm kếp hoàn hảo, đúng không?”

“Chồng bà ở trên tầng trong bao lâu?”

“Ồ! Nhiều nhất là tám chục phút thôi! Anh ấy giải thích với tôi là cô hầu phòng đổi vị trí bộ bài nên anh ấy không tìm thấy chúng ở đâu.”

Bà Crabtree lo lắng: “Anh nghi ngờ anh ấy à? Ernest tội nghiệp! Anh hãy nhớ xem anh ấy định mua xà phòng cạo râu ở đâu đi.”

“Tôi không nhanh quên đến vậy đâu!” Mordaunt nói.

Trong căn phòng diễn ra tội ác mà thi thể vừa được đưa đi, Strickland tựa lưng vào lò sưởi, hỏi ông Collins: “Ông đã làm gì sau bữa tối?”

“Tôi... ở trong phòng khách... cùng với những khách trọ khác.”

“Không ra khỏi đó chút nào à?”

“Tại... sao ông hỏi vậy?”

“Để biết.” Strickland lạnh lùng đáp.

Rồi, ông ta nghĩ nên bổ sung thêm: “Đừng sợ. Nói cho rành rọt vào.”

Ông Collins càng bối rối hơn: “Tôi cũng... muốn lắm! Nhưng tôi... nói lắp... bầm sinh.”

Strickland có chút xấu hổ. Rồi ông ta tiếp tục hỏi: “Ông làm gì lúc tám giờ ba mươi lăm, trong cầu thang dẫn xuống tầng hầm?”

“Tôi không muốn... trả lời ông.”

“Ông nhầm rồi, Collins!” Bác sĩ Hyde thân mật nói. “Ai chẳng biết tối nào ông cũng xoáy một, hai quả cam dưới mũi bà Daphné.”

“Đó... không phải sự thật!”

“Chúng tôi sẽ giữ bí mật. Hãy thú nhận khi ông còn có cơ hội.”

Strickland tỏ ra tức giận: “Can thiệp vào cuộc thẩm vấn như vậy không hay chút nào, bác sĩ Hyde! Ông hãy tự hạn chế đừng trả lời mấy câu hỏi của tôi... Về phần ông, Collins, tốt nhất là thú nhận chuyện ăn cắp vặt đó còn hơn là dính tội nặng.”

“Tôi e là tôi... không hiểu.”

“Tốt thôi. Để tôi giải thích. Chúng tôi rất chắc chắn rằng kẻ giết ông Julie đã đeo găng tay cao su và đốt chúng trong bếp lò. Nếu

ông từ chối đưa ra lý do xuất hiện ở trong bếp, chúng tôi sẽ nghiêm túc điều tra tội lỗi của ông.”

“Nhưng tôi...”

“Ông đã rời khỏi phòng khách và quay lại đó vào lúc nào?”

“Tôi... không nhớ.”

“Cố lên! Đó là lợi ích của ông cả thôi.”

“Kệ đi! Hỏi người khác... nếu ông muốn!”

“Họ đã khai hết rồi.”

“Họ... nói gì?”

“Lời khai của họ khớp nhau. Theo họ, ông đã rời khỏi phòng khách từ tám giờ hai mươi lăm đến tám giờ bốn mươi.”

“Thế... thì tin họ đi!”

“Ông làm gì trong mười lăm phút đó?”

“Chẳng có gì quan trọng cả! Tôi lên phòng, rồi vào.. vào bếp.”

“Tôi muốn ông kể chi tiết.”

“Điều này thật. thật ngớ ngẩn! Tôi không biết có án mạng sắp xảy ra! Tôi không cảm... đồng hồ đếm thời gian cho mọi lần ra vào được.”

“Nhưng ông lên phòng mình với mục đích cụ thể nào chứ?”

“Đúng và không! Tôi không nhớ... nhớ những vị khách hàng ngày mai tôi phải gặp. Tôi muốn... xem lại lịch trình.”

“Ông có vẻ dễ bị mất trí nhớ một cách kỳ lạ. Và tôi không hiểu tại sao ông lại đột nhiên muốn xem lại?”

“Để sắp... sắp xếp lại hành trình.. trong đầu...”

“Nhưng! Liếc mắt xem lịch trình làm gì mà đến mười lăm phút.”

“Không. Tôi... tôi đi hút thuốc... thuốc trong khi đang nghĩ về công việc, rồi tôi... xuống bếp...”

“Để làm gì?”

Ông Collins mặt đỏ bừng như cà chua:

“Ông đang... đang giễu cợt tôi làm vui à! Bác sĩ Hyde đã nói cho ông biết tại... tại sao!”

Strickland lườm ông bác sĩ.

“Thế ông đã áp ú ý đồ trộm hoa quả hả?”

“Không thể... gọi việc đó là.. trộm! Bà Hobson khá cảnh... cảnh giác và chế... chế độ ăn uống của tôi yêu cầu tôi... uống một ly nước cam mỗi sáng trước... bữa sáng.”

“Ông không bao giờ nghĩ đến việc mua những gì ông cần à?”

Tiếng nói sắc bén của bác sĩ Hyde lại lần nữa trở nên rõ ràng: “*Non possumus!* Nếu bà Hobson là người cảnh giác vì cần thiết, thì Collins lại cảnh giác vì bản tính của mình!”

“Đủ rồi, bác sĩ Hyde! Ông đã lấy bao nhiêu quả, Collins? Những quả nào?”

“Một... thôi!”

Lời chân thật miễn cưỡng thoát ra từ môi người đàn ông bé nhỏ: “Một quả... quả cam...”

“Beard!” Strickland ra lệnh. “Hỏi Storey xem cậu ta có thấy quả cam nào trong phòng ông Collins không.”

Viên thanh tra - người vẫn đang lục lọi với hy vọng mong manh tìm thấy viên thuốc nén được kê cho ông Julie - không có thời gian

để làm theo lệnh.

“Vô dụng thôi! Tôi ăn... ăn rồi.”

“Ăn rồi! Tôi tưởng ông ăn cắp trái cây trong bếp để dùng khi thức dậy?”

“Mọi... mọi quy tắc đều có... ngoại lệ!”

“Tốt thôi. Ông không thể ăn vỏ, giờ nó ở đâu?”

Ông Collins ngơ ngác nhìn quanh: “Tôi... vớt rồi.”

“Ở đâu?”

“Tôi không biết nữa!”

“Một vài bài tập luyện trí nhớ chắc chẳng hại gì đâu! Ông ăn cam ở đâu?”

“Ở... ở trong bếp luôn! Rồi tôi... tôi đốt hết chỗ còn lại trong... bếp lò!”

“Để tiêu hủy mọi dấu vết ăn trộm của ông?”

“Ừ... Không... Chỉ là động tác... máy móc thôi!”

“Chẳng ai mở và đóng cửa lò một cách máy móc cả, ông Collins!”

“Tôi không mở... mở nó! Chiếc... cái cửa đó không đóng chặt.”

“Lúc đó, Daphné đang ở đâu?”

“Ở... tầng trệt. Cùng... với bà Hobson.”

“Cứ cho rằng ông đang nói thật. Ông có gặp ai khác ngoài Mary khi đi lang thang quanh nhà không?”

“Chẳng ai cả.”

“Bếp lò có mùi cao su cháy không?”

“Tôi... tôi không biết. Tôi bị... cảm cúm.”

Strickland im lặng một lúc. Khuôn mặt ông không biểu lộ điều gì. Mặt khác, ánh mắt xám xịt của ông ta dường như muốn nhìn thấu những suy nghĩ thầm kín nhất của người đối diện.

“Tôi nghe nói ông làm nghề lắp đặt thiết bị phát thanh nhỉ?”

“Đúng... vậy.”

“Nhưng ông quan tâm tới phần thuật?”

“Không... không quan tâm lắm.”

“Vậy, tại sao ông lại yêu cầu bác sĩ Hyde cho xem túi dụng cụ của ông ấy sau bữa trưa?”

Ông Collins có vẻ sửng sốt: “Tôi... tôi không làm thế!”

Ông ta giật mạnh cúc áo khoác: “Tôi... tôi ở trong phòng từ đầu... đầu giờ chiều.”

“Chúa ơi!”

Bác sĩ Hyde nhanh chóng rời khỏi cửa sổ nơi ông lặng ngấm ánh sáng của quảng trường Russel: “Ông chối việc vào phòng tôi lúc hai giờ chiều hả?”

“Chắc... chắc chắn!”

“Thằng dối trá chết tiệt! Tôi không biết điều gì đang ngăn cản tôi...”

Strickland mạnh tay kéo bác sĩ ra: “Không cần phải phẫn nộ, bác sĩ Hyde! Có ai trong hai người có bằng chứng về những gì mình đang nói không?”

“Không...!” Ông Collins nói. “Tôi đã chớp mắt một chút và...”

Bác sĩ Hyde thấp giọng chửi: “Ông không thể tin lời tôi sao? Tôi

bịa chuyện vì mục đích gì cơ chứ?”

“Hung khí giết người là của ông. Trong trường hợp này, ông có thể biện minh cho bản thân bằng cách vu oan cho người khác.”

“Nực cười! Không có gì ngăn tôi thò con dao *catlin* trước khi ông đến.”

“Ông cũng đâu giải thích được tại sao nó biến mất khỏi túi dụng cụ của ông. Và tại sao nó lại ở trong vết thương!”

“Chẳng ai giết người bằng thứ vũ khí sẽ dễ dàng buộc tội người ta hết!”

“Liều lĩnh đấy, nhưng cũng khôn khéo nữa.”

Bác sĩ Hyde trả lời bằng tiếng gào: “Tôi có nhân chứng! Andreyew cũng vào phòng khi Collins đến phòng tôi. Chúng tôi còn chào hỏi nhau nữa.”

“Được...”

Strickland nhìn Collins. Người đàn ông nhỏ bé dường như đang chiến đấu hết mình với chính bản thân.

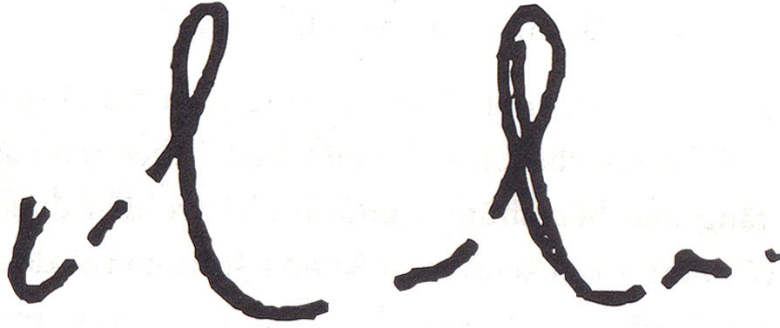
“Tôi... tôi thú nhận!” Cuối cùng, ông ta lên tiếng, đôi mắt sáng lên. “Mấy câu... câu hỏi của ông làm tôi loạn... loạn trí... Tôi tự thấy mình đã... đã bị bắt... Tôi... tôi không biết Andreyew đang ở cầu thang.”

Ông ta lên giọng: “Nhưng tôi... tôi không hứng thú với bộ dụng cụ! Tôi chỉ... muốn trò... chuyện một lúc. Cuộc đối... đối thoại chuyển hướng sang... phẫu thuật... Một... chút, chỉ... chỉ thế thôi!”

Strickland định nói chuyện. Bác sĩ Hyde, đang cúi xuống bàn nơi mà phần trên của cơ thể ông Julie nằm ở đó, đã lên tiếng trước:

“Ông có thấy cái này chưa, thanh tra?”

Strickland lại gần. Một tấm thảm hẹp với nút dây dịch chuyển khi cơ thể bị đưa đi và trên bề mặt gỗ mịn có những vết xước mới tạo thành ký hiệu như sau:



“Kỳ lạ!” Strickland lẩm bẩm. “Nhưng trông giống như chữ cái...”

“Phải... Nếu Julie chưa chết ngay, có thể đây là của ông ấy.”

Bác sĩ Hyde cúi xuống và đứng dậy, nhẹ nhàng cầm một cây bút chì vót nhọn: “Thật sự, ông ấy đã sử dụng thứ này làm dùi!”

Strickland không e ngại nữa: “Cẩn thận dấu vân tay! Beard, gọi bà Hobson và cô hầu phòng lên đây.”

Khi họ vào phòng: “Vết xước này có từ trước rồi hay mới đây thôi?”

“Đây là lần đầu tiên tôi thấy chúng.” Bà Hobson nói.

Mary khẳng định chắc nịch: “Tôi đã đánh bóng bàn sáng nay. Nó ở trong tình trạng hoàn hảo.”

Mọi con mắt đổ dồn vào bác sĩ Hancock và Strickland hỏi câu hỏi mong đợi: “Ông Julie có thể còn vài giây hành động trước khi chết không?”

“Cá nhân tôi, tôi cá là không!”

Strickland kiểm tra những vết xước một cách cẩn thận hơn: “Ồ,

nếu như ông đánh cược như vậy, ông đã thua rồi.”

“Căn cứ vào đâu mà ông chắc chắn vậy?”

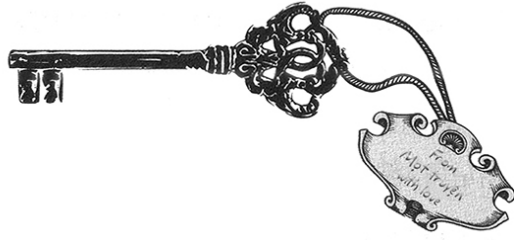
“Đó không phải một từ vựng tiếng Anh mà là từ tiếng Pháp... Vì không thể chỉ ra kẻ giết người theo tên của hắn - nhớ rằng hầu hết những người ở nhà trọ đều được giới thiệu vội vàng và theo nhóm, nên ông Julie có thể đã muốn ghi chú một đặc trưng - một đặc điểm ngoại hình, tôi đoán là vậy - để xác định hắn... Ông ấy đã nắm lấy vật nhọn đầu tiên trong tầm tay - cây bút này - và đã bắt đầu một câu bị cái chết gián đoạn: IL B...”

“Theo ông, nó nghĩa là gì?”

Strickland không trả lời.

Tuy nhiên, trong tâm trí ông, cáo buộc này đã rõ ràng. Nó giới hạn trong hai từ: IL Bégaie (Anh ta Cà lăm).

“Chào buổi tối, cảnh sát!” Ginger Lawson nói khi mạnh mẽ bước vào. “Ông có nhớ tôi không? Ginger Lawson, ký giả tờ *Night and Day*. Người đã tìm ra Phu nhân Trevor-Mere ở chỗ Đội quân Cứu thế và lật mặt con Hổ vùng Lambeth đây mà... Ra khỏi đây đi, ông bạn già! Ngài Smith đang đợi tôi!”



10. NGÀI SMITH = COLLINS

Thanh tra Beard kéo tay áo cấp trên. “Sao?” Strickland nói khi quay đầu lại.

“Tôi xin lỗi, thưa ông. Bên dưới có một... một.”

Beard nói thẳng: “... một ký giả muốn gặp.”

Strickland có cảm giác thảm họa đang xảy ra. “Tôi xuống đây!” Ông nói ngắn gọn. “Ông Julie có dùng cốc không?”

“Tôi nghĩ là không.”

“Còn viên thuốc, cậu đã tìm thấy chưa?”

“Không. Chắc hẳn nạn nhân đã uống nó mà không cần nước.” Strickland đã ra khỏi phòng. Quỷ quái, tin tức đã bị rò rỉ như thế nào? Ông ấy đi đến lâu khi một giọng vui vẻ phát ra từ sảnh: “Chào ông chánh thanh tra! Tôi mang cho ông ánh sáng của tôi đây!” Strickland tiếp tục đi xuống mà không vội vàng, đôi mắt nghiêm nghị. Ông sẽ phải giữ bí mật...

“Chào buổi tối, Ginger. Tôi e rằng bây giờ tôi không thể cho cậu biết nhiều được. Cuộc điều tra của chúng tôi chỉ mới bắt đầu...”

Lawson đẩy nhẹ mũ từ dưới gáy lên bằng cú hích nhẹ: “Đừng nói vậy, ông bạn già!”

“Ai báo cậu tới vậy?”

“Chính thủ phạm chứ ai! Ngài Smith Tuyệt vời! “Tôi sống ở nhà

số 21, tôi sẽ gửi cậu hồi ký của tôi... Ông có thể nghe thấy từ đây!”

“Tệ thật!” Strickland nghĩ. Ông ta đã hy vọng có thể giấu giếm mọi thứ khỏi công chúng trong vài ngày nữa, rồi tiến hành cuộc điều tra như mọi cuộc điều tra thông thường, nhưng ngài Smith đã phá vỡ kế hoạch của ông!

“Cậu nhận được điện thoại lúc nào vậy?”

“Tầm chín giờ rưỡi. Percy chưa từng kinh ngạc như vậy từ vụ thảm họa đắm tàu Queen Mary!”

Strickland cân nhắc từng từ: “Tôi nói thật lòng, Ginger! Cậu có thể giữ bí mật nếu tôi yêu cầu chứ?”

Người kia lắc đầu: “Lần này thì không, bạn ạ! Malone đang theo sát tôi. Chưa đầy năm phút nữa, anh ta sẽ đến đây, và kéo theo toàn thể phố Fleet^[20] nữa!”

“Tôi hiểu rồi...” Strickland u ám nói. “Hallows!” Đó là tên người cảnh sát gác ở cửa ra vào.

“Vâng thưa ông!”

“Nếu cậu còn mở cửa cho bất kì tay ký giả nào nữa, tôi sẽ bẻ cậu làm đôi!”

“Còn tôi thì sao?” Lawson hỏi.

“Cậu đã ở trong. Cậu ở lại đây!”

“Bà Hobson!”

Do ảnh hưởng của dòng khí bất ngờ, cánh cửa liên tục đập mạnh: “Bà biết ai đã gọi cho Scotland Yard không?”

“Không. Vẻ nhậy cảm nữ tính không chịu đựng được một số trường hợp. Tôi đã mất ý thức và...”

Bác sĩ Hyde đồng ý cung cấp thông tin cần thiết cho Strickland:
“Thiếu tá muốn làm việc này. Andreyew đã gọi trước.”

“Ai trong số các ông ở cạnh ông ta khi ông ta gọi điện không?”

“Có tôi!” Mary rụt rè nói.

“Ông ấy làm gì sau khi cúp máy?”

“Nhưng... ông ấy không làm gì cả!”

“Ông ấy không yêu cầu gọi riêng à?”

“Không ạ, ông ấy lên lầu.”

“Điện thoại ở đâu?”

“Trong phòng tôi...” Bà Hobson nói.

Rồi bà nhắc lại, đỏ mặt: “Trong phòng làm việc cá nhân của tôi, ở cuối hành lang.”

“Điều đó có nghĩa là bất kì ai cũng có thể, trong sự hỗn loạn chung, tiếp cận và sử dụng thiết bị à?”

“Tất nhiên! Nhưng...”

Strickland không nghe nữa: “Collins, đến đây! Ông ở đâu lúc chín giờ rưỡi?”

Người đàn ông nhỏ bé bật lên một cử chỉ tuyệt vọng hài hước, một cử chỉ mang ý nghĩa: “Ôi, nó lại bắt đầu nữa!”

“Tôi... Tôi không biết!” Ông ta lắp bắp.

“Lên trên, với những người khác? Hay xuống dưới?”

“Lên... Tôi đoán vậy!”

“Trong trường hợp này, ông sẽ không gặp khó khăn để đưa ra một nhân chứng có thể chứng minh lời ông nói phải không?”

“Nếu... Tôi... Tôi e rằng... Chúng tôi đã quá hoảng sợ để chú ý... đến hành động và cử chỉ của nhau... Ngay cả tôi còn không dám chắc liệu ai ở bên tôi trong thời gian đó...”

Strickland cầu nhàu. Ông ta cảm thấy mình đang bước vào một mê cung, nơi những chướng ngại vật giống nhau xuất hiện ở mỗi góc rẽ.

May mắn thay, các nhà báo can thiệp cho phép ông ta thay đổi chiến thuật. Giờ ông không chỉ hỏi người đàn ông về các sự kiện trong buổi tối, mà là về những gì đã xảy ra trong những tháng qua.

Ông ta lấy ra một quyển sổ từ túi áo, lật qua: “Ngày 10 tháng Mười một năm ngoái, vào lúc mười một giờ tối, ông đang làm gì?”

“Làm sao mà tôi có thể nhớ điều đó?”

“Ông có dành buổi tối ở nhà bạn bè không? Ông có nghỉ trên giường của ông không? Hay ông ở xa khỏi London?”

“Tôi... Tôi không biết! Tại sao ông hỏi thế?”

“Và vào ngày 12 cùng tháng, khoảng năm giờ chiều?”

“Tôi... Tôi không biết!”

Strickland bắt đầu thấy hy vọng. Mỗi câu trả lời “Tôi không biết” là một lời động viên để tiếp tục.

“Và vào ngày 18, khoảng chín giờ rưỡi tối?”

“Tôi... Tôi không biết!”

Gần như vào thời điểm đó, thanh tra Fuller - người đã được Strickland giao nhiệm vụ tìm lại số tiền bị đánh cắp của nạn nhân - nảy ra một ý tưởng có thể quyết định sự nghiệp của anh ta. “Kể

sát nhân.” Anh nghĩ. “Không thể giấu số tiền của mình trong phòng, mà phải ở một khu vực vô chủ, mà tất cả khách trọ trong nhà đều có thể tiếp cận...” Anh đi ngang qua phòng tắm. Anh ấy bước vào đó.

Bất chấp hoàn cảnh sạch sẽ và gọn gàng, có ngay cái cảm giác rằng ai đó vừa mới sử dụng bồn rửa mặt. Thanh tra lục soát xung quanh, nâng tấm thảm xếp gập ra một vết vàng trên lớp gạch đen trắng, kiểm tra đồ đạc trên một giá treo nhỏ sơn mài. Anh ta có một hành động cố hữu nữa - gỡ nắp cống của bồn - và anh ấy không khỏi cảm thấy hài lòng. Một sợi dây buộc miếng chắn nhỏ nhằm ngăn không cho bất kì vật thể rắn nào vào đường ống thoát nước.

Bằng cách sử dụng một cái nhíp, tìm thấy trên giá, Fuller kéo dây về phía anh ấy. Anh ấy gặp một chút khó khăn khi cố gắng rút vật thể được câu lên từ lỗ thông thoát này. Nhưng chỉ việc nhìn thấy nó đã đủ đền đáp lại công sức của anh ấy. Đó là một cuộn vải bọc sáp mỏng nhẹ.

Strickland đếm số tiền - có ba tờ mười bảng và hai tờ năm bảng - rồi ném chúng lên bàn: “Tổng số tiền vẫn còn nguyên vẹn. Điều quan trọng bây giờ là xác định ai đã vào phòng tắm trong buổi tối.”

Thanh tra Mordaunt, người đã có mặt trong buổi thẩm vấn được một lúc, kích động: “Ông Andreyew có thể giúp ông điều đó. Ông ấy đã ở trong cầu thang giữa tám, chín giờ và...”

“Dẫn ông ấy đến đây.”

Ông Collins ngày càng giống một con thú bị săn đuổi. Nghe tới

tên Andreyew, ông ta dường như sắp sập xuống.

Strickland, không đưa mắt nhìn ông ta, mà tiến tới đón người đàn ông Nga: “Ông Andreyew? Sau bữa tối, ông đã rời khỏi phòng khách phải không?”

“Phải.”

“Ông đi bao lâu?”

“Khoảng bảy hoặc tám phút là cùng.”

“Ông đã lên phòng của mình?”

“Đúng.”

“Ông thấy ai đó vào hoặc ra khỏi phòng tắm không?”

“Có... có.”

“Đó là ai?”

Người đàn ông Nga có vẻ khó chịu. Ông ấy quay về phía Collins: “*Mea culpa*^[21]. Tôi sợ tôi nói quá nhiều, bạn thân mến!”

“Lúc đó là mấy giờ?” Strickland tiếp tục.

“Thanh tra Mordaunt đã hỏi tôi rồi... Tôi nghĩ là tám giờ bốn mươi, hoặc bốn mươi lăm.”

“Cảm ơn ông! Ông định vào phòng tắm làm gì, Collins?”

“Tôi... Tôi đi rửa tay.”

“Hãy cho tôi thấy chúng!”

Ông Collins, khi nghe yêu cầu mới này, có một cử chỉ trẻ con, gần như khiến người khác xúc động: ông ta giấu hai bàn tay sau lưng, giống như một đứa trẻ sợ bị phạt. Sau đó, như bị một ý chí mạnh mẽ hơn trấn áp, ông ta từ từ duỗi tay ra trước mặt thanh

tra.

Viên chánh thanh tra xem xét từng bàn tay một. Sau đó: “Theo lời khai của chính ông, ông đã ở trong phòng mình một thời gian dài. Tại sao ông không rửa tay ở đó?”

“Tôi không nghĩ đến... đến điều đó!”

“Nói đầy đủ sự thật đi, Collins! Điều đó sẽ tốt hơn.”

“Sự... sự thật gì?”

“Ông biết rồi đấy! Thứ nhất: xà phòng của người khác không tốn tiền. Thứ hai: mẹ ông là người thuộc gia tộc Mac Tavish^[22]!”

Ông Andreyew và Mordaunt mỉm cười. Strickland thì không. Ông ta rời khỏi phòng, làm cho mọi người bất ngờ, và chưa đến một phút sau đã quay lại: “Ông dùng loại mực gì, Collins?”

“Nhưng tôi... Loại mực bình thường.”

“Màu gì?”

Người đàn ông nhỏ bé do dự.

“Xanh hay đen?”

“X... anh.”

Strickland gật đầu, hài lòng: “Lời nói dối cuối cùng này khiến ông thất bại, Collins! Ông đã dùng mực tím. Tấm lót bàn trên bàn làm việc của ông đã bị vấy... và một trong số các tờ tiền mặt cấp của ông Julie cũng thế!”

Khi mọi người ngạc nhiên, cảnh sát Hallows bước vào, rõ ràng là trong tình trạng hoảng loạn: “Xin lỗi, ông! Nhưng các ký giả đang định xâm nhập vào cửa. Bây giờ đã có gần hai mươi người...”

“Rất tốt. Cho họ vào!”

Hallows ban đầu tưởng mình nghe nhầm. Sau đó, anh ta đi xuống, đành lòng chấp nhận tình hình tồi tệ. Những cú đánh làm rung chuyển cửa. Anh ta bỏ dây an toàn, mở cửa. Ngay lập tức, một đám quỷ dữ đẩy anh ta vào tường, lao vào cầu thang, Ginger Lawson và Teddy Malone dẫn đầu, xông vào hiện trường vụ án.

Strickland đứng ở cửa sổ: “Các cậu muốn gặp ngài Smith? Đây là ông ấy!”

Kẹp giữa Beard và Fuller, bàn tay che kín, ông Collins chưa từng trông thấp bé hơn thế.

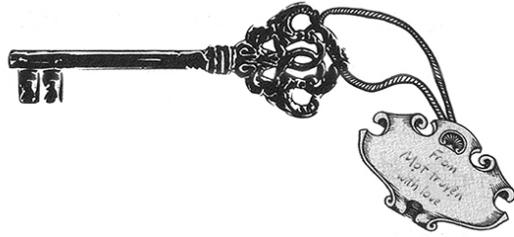
“Đó... Đó là một sự nhầm lẫn thảm hại!” Ông ta lắp bắp. “Tôi... tên Collins và tôi là một kỹ sư lắp máy thu thanh!”

Ginger Lawson thay mặt các đồng nghiệp của mình: “Nói cho tôi nghe, bạn ơi! Vào lần đầu tiên giết người, cảm xúc nào trong bạn thôi thúc nhất?”

Kết thúc cơn ác mộng

Những tờ báo của tòa *Night and Day*, “tờ báo không bao giờ tự mâu thuẫn”, đã in ngay trong đêm đó:

Đúng ba giờ sau khi gọi điện thoại thách thức chúng tôi. “ngài Smith” đã rơi vào tay Scotland Yard.



11. KHÚC “ÉLÉGIE” CỦA MASSENET

Bất chấp những cảm xúc của đêm qua, những vị khách trọ tại nhà bà Hobson thức dậy sớm hơn thường lệ, vào thứ Bảy ngày 29 tháng Một năm 193x. Ngay sau khi người bán sữa rời quảng trường Bedford, thiếu tá Fairchild nhảy ra khỏi giường và bắt đầu thực hiện mười hai động tác hít thở theo phương pháp Huntley, trước cửa sổ mở. Tiếng ồn này làm cho cô Holland bật dậy khỏi giường và khóc. Cô ta đang mơ rằng tượng Nelson, rời khỏi cột, đuổi theo cô quanh Quảng trường Trafalgar. Cô Pawter, như thường lệ, gõ vào bức tường và chào buổi sáng. Mặc dù chưa đến bảy giờ mười lăm phút, cô đã thay đồ xong, một chiếc váy hoa mua giảm giá cách đây hai ngày ở cửa hàng Roberts and Roberts. Váy ngắn hơn hai ngón tay, nhưng thật đáng yêu.

“Chào buổi sáng!” Cô Holland trả lời. “Cô đã ngủ ngon chứ?”

“Cực kì tệ! Nhưng ngược lại, tôi đã tìm ra khẩu hiệu mà nhà sản xuất dụng cụ bếp điện đã yêu cầu. Nâng niu tay nấu nướng. Dễ thương quá phải không?”

Lúc bảy rưỡi, ông Andreyew, trong áo choàng tắm màu xanh pha trắng, và thiếu tá Fairchild, trong áo choàng tắm màu cam và xanh lá cây, cả hai đều cầm theo một cái khăn tay, cùng rời khỏi phòng của họ.

“Chào ông bạn!” Người đàn ông Nga thân mật nói. “Ông thức dậy sớm vậy?”

“Như ông thấy!” Ông kia càu nhàu. “Ông định đi đâu?”

“Nhưng... đi đến phòng tắm.”

“Thật sao? Tôi cũng vậy!”

“Trong trường hợp này, làm ơn để tôi đi trước.”

Ông sĩ quan già dịu xuống, nghĩ rằng mình nên kéo dài cuộc trò chuyện: “Về việc ngài Smith ấy...”

Ông sửa lại: “Ý tôi là: Collins. Ông cứ tin tôi nếu muốn. Tôi không cảm thấy ngạc nhiên chút nào khi biết tên tội phạm thật sự đáng buồn thế nào.”

“Có thực không? Ông ấy chưa thú nhận gì hết.”

“Ông ấy sẽ thú nhận thôi! Những người tại Scotland Yard có thể hơi kém kỹ năng sống, nhưng họ biết mình phải làm gì. Lúc này, họ đang áp dụng những câu hỏi soạn trước lên Collins.”

“Hừm! Tôi tưởng mình thấy họ ngồi trong một văn phòng mù mịt khói, tổ chức một cuộc *pow-wow* không hồi kết.”

“*Pow-wow* là gì thế?” Thiếu tá nghi ngờ hỏi. “Đó có phải là tiếng Nga không?”

“Không phải. Từ này xuất phát bởi từ vựng của người Mỹ bản địa. Nó có nghĩa là cuộc họp, cuộc thảo luận.”

“Ông đã từng đến khu của người da đỏ à?”

“Đúng vậy. Tôi thậm chí đã có một mối quan hệ thân mật với con gái của một thủ lĩnh bộ lạc Mây Trắng.”

Một dòng máu xộc lên má viên thiếu tá: “Kết hôn với một phụ nữ da đỏ nghe thật kỳ lạ! Cô ấy sẽ không theo người Anh!”

“Tôi thừa nhận.” Ông Andreyew nói. “Tôi là một người kỳ cục.”

“Sao rồi?” Phó cảnh trưởng Prior hỏi. “Ông có thể cho tôi biết,

tên đó đã thú nhận chưa?”

Strickland nặng nề ngồi xuống. Buổi thẩm vấn đã kéo dài suốt cả đêm và không có dấu hiệu nào cho thấy nó sắp kết thúc. “Ngược lại! Hẳn ta tự vệ mạnh mẽ như quý.”

“Liệu hẳn có thành công thuyết phục ông không?”

“Có và không. Lời nói của hẳn đầy cảm xúc. Nhưng ngược lại, hẳn đã chứng minh mình không thể cung cấp được bất kì chứng cứ ngoại phạm nào.”

“Nếu vậy, có thể ông ấy vô tội?”

“Có thể không. Hẳn ta nào cá vàng lắm.”

“Hỏi các khách trọ khác.”

“Tôi đã làm rồi. Họ đi ra ngoài, mỗi người một ngã trong ngày và buổi tối không có chuyện gì đáng chú ý. Tôi không thể tìm thấy ký ức cụ thể nào từ bất kì ai.”

“Collins bao nhiêu tuổi?”

“Ba mươi ba tuổi.”

“Ông ấy đã làm gì trước khi lắp đặt thiết bị phát thanh?”

“Ông ấy làm nghề chế tác dụng cụ ăn uống hợp kim. Cha ông ấy là một giáo sĩ ở Northumberland và muốn ông ấy học thần học. Nhưng khả năng của Collins không cho phép ông ta thuyết giảng trôi chảy được, điều đó thúc đẩy ông ấy nổi dậy. Ông ấy đã bỏ trốn khỏi ngôi nhà của cha và kinh qua đâu đó cỡ hai mươi nghề khác nhau rồi.”

“Cha mẹ ông ấy còn sống không?”

“Rất tiếc. Cả hai đã qua đời vào năm ngoái, cách nhau sáu

tháng, để lại cho ông ấy ba trăm hai mươi bảng.”

“Một cuộc đời tầm thường.”

“Đúng vậy, tới mức đáng ngờ.”

Robert Prior, còn được gọi là Robin, đã trầm tư trong một khoảng thời gian dài, đôi mắt xanh của ông nhìn vô thần vào một góc trời. Hình ảnh của Irène Phelps, khi cô xuất hiện trước mắt ông vào tối hôm trước, trong vai Jane Eyre, hiện lên trong tâm trí. Ông đẩy nó ra khỏi đầu. “Điều mà tôi không thể hiểu, đó là tại sao ngài Smith lại tấn công ông Julie vô tội. Sau cùng, ông Julie đã từ chối giúp chúng ta.”

“Có lẽ Collins tưởng ông Julie đã đồng ý?” Strickland đề xuất lý do không mấy thuyết phục. Từ khi phát hiện ra vụ án, ông đã cố gắng vô ích để hiểu được động cơ của nó.

“Không thể, ông bạn già à! Điều đó có nghĩa ông ấy phải biết về những việc làm của giáo sư. Thế nhưng, Beard khẳng định rằng không ai đã theo dõi họ, từ Viện bảo tàng Anh đến đây.”

“Collins có thể đã đi ngang qua Scotland Yard khi ông Julie ra khỏi đó...”

“Ông đang đùa phải không? Thêm vào đó, giáo sư chỉ trở lại nhà trọ Victoria để thông báo rằng ông sẽ ra đi.”

“Còn vụ cướp tiền.”

“Đúng, nhưng nó không giải thích gì cả. Tôi thấy đó chỉ là kết quả, không phải mục tiêu của tội ác.”

“Ông muốn nói là sau khi ngài Smith đã hoàn thành việc của mình, hẳn không thể không cướp của nạn nhân?”

“Đúng vậy. Nhưng hẳn không giết ông Julie với mục đích đó. Nếu hẳn chỉ định cướp của đơn giản, thì hẳn có thể đợi đến một ngày sương mù và tấn công một người qua đường lần nữa.”

“Trừ khi hẳn cần tiền gấp?”

“Không có khả năng. Hãy nhớ lại hẳn đã đạt được những gì từ tội ác trước đây. A! Nếu ông Julie khoe rằng mình có áo may bằng vàng, nếu ông ấy khoe chiếc ví ẩn tượng! Nhưng người đàn ông bất hạnh chỉ có bốn mươi bảng. Một khoản tiền hơi nhỏ đối với một số người, tôi cũng hiểu... Nhưng không phải đối với ngài Smith!”

“Có thể hẳn nghĩ rằng giáo sư giàu hơn?”

“Với thói tham lam không đáy của mình, chắc chắn hẳn nghĩ vậy! Nhưng một lần nữa, lòng tham không thể làm hẳn bất chấp đến mức phát rồ như thế.”

Robin trở nên sôi nổi: “Vì một trong hai điều này, Strickland! Hoặc ngài Smith nhận ra nhà trọ Victoria đã bị giám sát và khi giết chết ông Julie, hẳn đã cố tình xác nhận nghi ngờ của chúng ta. Hoặc hẳn không biết rằng mình đã bị phát hiện, và rằng hẳn cố tình khiêu khích chúng ta theo cách không kém phần cố tình cố ý!”

Strickland đã nghĩ về cùng một ý tưởng này từ trước.

“Ông đã đưa ra từ “điên”. Theo tôi, đó là giải thích duy nhất hợp lý. Ngài Smith, giống như tất cả những bệnh nhân tâm thần cùng loại, đã nhượng bộ một nhu cầu thực sự: nhu cầu thách thức chúng ta.”

“Tâm thần thật tốt đẹp!” Robin nói.

Ông Collins, trán ướt mồ hôi và mí mắt nhấp nháy, sững sốt

nhìn những tên đao phủ đầy cảnh giác đã quấy rầy ông hàng giờ đồng hồ. “Tôi... Tôi không biết!” Ông ngập ngừng.

“Ông đã làm gì với cái túi cát của ông?”

“Tôi... Tôi không biết!”

“Vậy thì, ông có một túi cát phải không?”

“Không... Không... Tất nhiên là không có!”

“Ông kiếm được bao nhiêu tiền mỗi tháng?”

“Tùy... Tùy tình hình!”

“Nhiều không?”

“Không, không... Không nhiều lắm!”

“Tóm lại, ông có vấn đề về tài chính?”

“Cũng... cũng hơi hơi.”

Mỗi người đặt ra một câu hỏi của riêng họ, ngay cả khi điều đó dường như không liên quan tới tội ác. Trò chơi làm người tù mất trí, buộc ông phải lộ diện. Họ có thể đặt ra câu hỏi như: ông có biết trượt băng không, ông thích trà đặc không...

“Ông sống ở nhà bà Hobson bao lâu rồi?”

“Trong vòng... Trong vòng năm tháng.”

“Trước đó ông sống ở đâu?”

“Trong khách sạn... trên đường Odessa.”

“Là cái nào?”

“Gil... Gilchrist.”

“Tại sao ông rời khỏi đó?”

“Vì... Vì nó đắt quá.”

“Rồi sao?” Strickland hỏi khi ông quay lại. Thanh tra Storey vẫy tay thất vọng. “Hết cách!” Strickland đọc trên môi anh. Mặc dù vậy, ông vẫn ra lệnh: “Tiếp tục đi, các cậu! Chúng ta không cần vội!”

“Ông có nợ nần không?” Storey tiếp tục.

“Nợ... nợ một số thứ.”

“Nợ ai?” Beard hỏi tiếp.

“Nợ... nợ thợ may.”

“Hết chưa?” Fuller hỏi.

“Vâng, tôi... Tôi nghĩ vậy.”

“Vậy sao ông lại nói một số thứ?” Tôi... Tôi đã nhầm!”

“Bác sĩ điều trị của ông là ai?”

“Bác sĩ Co-Coleman.”

“Ông không nợ ông ấy tiền à?”

“Ồ, có...”

“Bao nhiêu?”

“Ba... Ba mươi bảng.”

“Ông sẽ lấy từ đâu để trả?”

Đột nhiên, một điều kỳ diệu đã xảy ra. Ông Collins ngừng trả lời câu hỏi và đặt hai bàn tay lên trán. Cuối cùng, ông nói với giọng điệu run hơn vì xúc động: “Ngày... Ngày 4 tháng Một... ắt hẳn là thứ Ba, phải không?”

“Đúng vậy.” Strickland nói. “Và rồi sao?”

Vào ngày 4 tháng Một, khoảng chín giờ hai mươi, ông Leighton

đã bị giết tại phố Goldsmith.

“Vậ thì, tôi... tôi biết! Vào... vào đêm đó, tôi đã ở cùng với những khách trọ khác suốt..”

“Làm sao ông có thể khẳng định điều đó?”

“Bà Hob... Hobson đã chơi bản nhạc *Élégie* của... của Massenet trên đàn *piano*. Và cô Hol... Holland đang lật trang nhạc.”

Storey, Beard và Fuller trông như bị sốc.

“Tiếp tục hỏi bất cứ điều gì!” Strickland bảo họ và chỉ vào tù nhân. “Tôi sẽ sang nhà trọ một chút.”

Ông quay lại bốn mươi phút sau và tiến thẳng đến chỗ Collins: “Dường như không ai có thể chứng minh cho ông. Ngược lại, bác sĩ Hyde cho rằng ông đã rời khỏi phòng khách khi bà Hobson ngồi chơi đàn piano. Ông ấy nghe thấy tiếng cửa ra vào đóng lại và ông ta đã thấy ông, vào khoảng mười giờ kém mười, treo nón và áo khoác lên cây móc.”

Ông Collins khẽ kêu: “Ông ấy... ông ấy nói dối!”

“Người đó là ai?”

“Bác sĩ Hyde!”

Strickland kéo một chiếc ghế đến và cưỡi lên nó: “Rõ ràng họ đều nói dối! Điều gì đã khiến ông ra ngoài vào đêm đó, Collins?”

“Nhưng... nhưng không có gì!”

“Có thể là vì sương mù chẳng?”

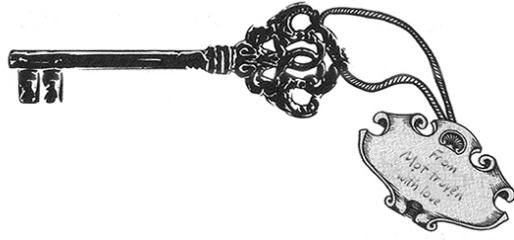
“...”

“Có lẽ ông không thích bản *Élégie* của Massenet?”

“...”

“Hoặc có lẽ ông muốn mua cam?”

Ba ngày sau, sau một sự kháng cự khác thường, ông Collins vẫn chưa thú nhận gì.



12. TRA KHẢO

Đầu tiên là việc một ông Breckinridge nào đó đến tham quan, viện cố muốn tìm nơi để ở, ông ta đến xem căn nhà từ tầng hầm đến tầng áp mái.

Ông Breckinridge có mái tóc bạc và một vẻ ngoài đáng kính. Khi ông ta ngây thơ hỏi: “Chúng ta đang ở trong phòng nơi giáo sư bất hạnh bị giết, phải không?” Bà Hobson cảm thấy xấu hổ muốn chết. Tuy nhiên, ông Breckinridge nói thêm: “Tôi thực sự rất thích nơi này!” Và sau khi thấy căn phòng nơi nạn nhân đã chết, ông muốn thấy căn phòng nơi kẻ giết người từng ở.

“Sau khi tham quan, hãy để tôi hỏi bà Breckinridge đã.” Ông kết lại. “Tôi sẽ gọi điện cho bà vào buổi chiều.”

Sau khi ông đi, bà Hobson không thể kìm nổi nước mắt của mình.

“Ông ta sẽ không quay trở lại đâu!” Bà nói với thầy Lalla-Poor khi ông trở về sau một cuộc đi dạo ngắn.

“Ôi dào!” Người đàn ông Ấn Độ trả lời. “Rồi sẽ có nhiều người nữa đến. Đường phố, tất nhiên, đầy những kẻ hiếu kỳ.”

Bà Hobson chạy đến cửa sổ và cảm thấy buồn bã hơn. “Tất cả những kẻ này!” Bà nói. “Sao mà khiếm nhã quá!”

Ngay lúc đó, có tiếng chuông cửa. Mary mở cửa và dẫn một

người phụ nữ ục ịch vào. “Tôi là Platt.” Người phụ nữ nói. “Tôi đang tìm một nơi ở cho anh rể tôi, không đắt quá và đủ tiện ích. Tôi có thể tham quan nhà không?”

“Có lẽ bà không biết...?” Bà Hobson hỏi.

“Tôi biết chứ! Không thể trách bà vì đã bị một tên tội phạm lừa dối. Nhân tiện, hẳn trông như thế nào?”

Cho đến giờ ăn trưa, bà Hobson đã tiếp đãi khoảng mười hai người muốn tìm nơi ở, một số người kiếm cho người thân, một số người giúp bạn bè. Do đó, cảm giác xấu hổ của bà vào buổi sáng đã biến thành tâm trạng phấn khích nhẹ nhàng. Bà tự thuyết phục mình rằng bản thân đang được mọi người yêu mến và quan tâm.

Buổi chiều, dòng người viếng thăm tiếp tục kéo đến với tốc độ nhanh hơn. Trong thực tế, nhà trọ Victoria không chỉ là “ngôi nhà của tội ác”. Nó cũng được giới thiệu như nơi ẩn náu của một trong những tên tội phạm lớn nhất thế kỷ.

Từ những kẻ hiếu kỳ đến đám ký giả, nhiếp ảnh gia, cảnh sát mang theo nhiệm vụ cấp bách, các tay bán bảo hiểm lợi dụng tình hình để xông vào cửa, những kẻ xin xỏ đủ kiểu. Người ta xúm đông đến mức phải gọi cảnh sát vào để duy trì trật tự và giải tán đám đông.

“Tôi đến kiệt sức mất thôi!” Bà Hobson nói trong bữa tối. “Nếu như những người cảnh sát không bảo tôi từ chối mọi đề nghị và tôi không giữ ý thức về nghĩa vụ chủ nhà, tôi đã cho thuê cho đến cả tầng hầm!”

Bà Crabtree ném một cái nhìn thách thức về những người quanh bàn: “Chuyện này đã xảy ra suốt rồi, tôi thú thực, tôi được người

theo đuổi. Nhưng chưa bao giờ bởi nửa chục người cùng một lúc như hôm nay! Tôi đã phải nhờ cảnh sát can thiệp!”

“Điều đó chưa là gì cả!” Đại tá cầu nhàu. “Một trong những tên ký giả chết tiệt ấy đã chụp hình tôi khi tôi đang kéo nịt tất. Và một người khác cố gắng biết bằng mọi giá liệu tôi có nghĩ người Úc sẽ thắng trong trận bóng gậy tới không!”

Thầy Lalla-Poor hiếm khi tham gia vào cuộc trò chuyện. Tối đó, nhân cơ hội mọi người yên lặng, ông quyết định lên tiếng.

“Vụ lùm xùm này thu hút phết.” Ông nói bằng giọng trầm ồm. “Tôi đã gặp quản lý của mình.”

Cô Pawter vỗ tay: “Hurrah! Liệu chúng tôi có được vé miễn phí không? Nếu có, tôi có một ý tưởng quảng cáo tuyệt vời!”

“Tất nhiên, cô Pawter. Cô đề xuất gì?”

“Xé rách các áp phích cũ của ông. Và thay thế chúng bằng những tấm bìa trắng, trên đó chỉ cần một câu đơn giản này: *Chữ trên những tấm áp phích này đã bị thầy Lalla-Poor lũng danh của Palladium hô biến!*”

Cô Holland dường như muốn bị lãng quên. Nhưng ánh mắt của bà Hobson vẫn dừng lại trên cô: “Nhân tiện, cô em, họ đã mang đến hai chú mèo con cho cô... Đó có phải là quà không?”

Cô Holland bối rối: “Vâng. Chúng là của một người đàn ông tên Lawson, ký giả tại *Night and Day*. Ông Lawson muốn tôi viết một loạt bài mang tựa đề: *Ngài Smith ngày thường*. Con mèo màu đen tên là Night và mèo màu trắng tên là Day. Dễ thương quá nhỉ?”

“Tôi tự hỏi ông Lawson làm thế nào mà đoán được cô thích

mèo.” Bác sĩ Hyde châm chọc nói.

“Tôi cũng tự hỏi vậy!” Cô gái lớn tuổi ngây thơ đáp lại.

“Cô định làm gì với chúng?” Bà Hobson hỏi thêm.

“Tôi sẽ... giữ chúng, nếu bà cho phép.”

“Hãy cho thầy Lalla-Poor!” Cô Pawter đề nghị. “Ông ấy sẽ biến chúng thành những ngôi sao.”

Thấy có điều rắc rối, ông Andreyew can thiệp: “Không, không! Cô Holland sẽ làm chúng hạnh phúc hơn. Đúng không, bạn yêu quý?”

Bà Hobson muốn phản đối. Nhưng người đàn ông Nga nắm chặt cổ tay bà. Bà thích thú thưởng thức thất bại của mình.

Cùng buổi tối, sau khi nghe: *Dừng lại! Anh đang làm tan vỡ trái tim em...* Lần đầu tiên trong đời, cô Holland đã đưa một thám tử vào câu chuyện của mình.

“Ông ấy thay đổi diện mạo liên tục.” Cô ấy vui vẻ viết. “Với quan điểm rằng một thám tử giỏi có thể đi mọi nơi mà không bị chú ý đến.”

“Ông thật cao lớn!” Mọi người nói với ông.

“Chờ xem đi.” Ông trả lời. “Rồi bạn sẽ thấy tôi là một người lùn!”

Đột ngột, ông Collins ngập ngừng tiến đến cửa sổ và đứng đó như thể ông muốn nhìn xuyên qua lớp sương mù che khuất đê Victoria.

Ông đã bị giam giữ hơn bốn ngày. Gương mặt ông suy sụp, râu mọc lởm chởm che phủ cằm bởi một lớp lông nhung đỏ, ông lão

đảo.

“Vâng!” Cuối cùng, ông trả lời.

Strickland tức giận liếc mắt về phía Storey, người đã chửi thề do không thể che giấu cảm xúc của mình..

“Ý là ông thừa nhận mình là ngài Smith phải không?”

“Vâng!” Ông Collins kiên quyết lặp lại. “Đó là... là ý tôi muốn nói.”

“Và ông thừa nhận mình đã sát hại tám người, gồm ông Burmann, ngày 10 tháng Mười một năm 193x, khoảng hai mươi ba giờ, tại đường Tavistock. Ông Soar...”

“Vâng, vâng!”

“...Ông Soar.” Chánh thanh tra bình tĩnh nói: “Ngày 12 tháng Mười một cùng năm, khoảng mười bảy giờ, tại phố Rackham; Ông Derwent vào ngày 18 tháng Mười một cùng năm, khoảng hai mươi hai giờ ba mươi, tại phố Maple; Ông Trample, vào đêm trước Giáng sinh, khoảng mười tám giờ ba mươi, tại phố Foxglove, và bà Letchworth, cùng ngày, hai mươi phút sau đó, ở ven đường Wormholt Park; Ông Leighton, ngày mùng 4 tháng Một năm 193x, khoảng hai mươi một giờ hai mươi, tại phố Goldsmith; Ông Morris, vào ngày 26 cùng tháng, khoảng mười chín giờ, tại phố Sutton; Và cuối cùng, ông Julie, vào ngày 28 cùng tháng, khoảng hai mươi giờ ba mươi, trong một căn phòng ở tầng một của nhà trọ Victoria, số 21, quảng trường Russel?”

“Vâng, tôi... nhận tội.”

“Tốt lắm. Ông đã gây án với động cơ gì?”

“Ông biết rồi mà! Lợi... Lợi ích!”

“Lần nào cũng thế?”

“Vâng, tất... nhiên!”

“Khi ông tấn công ông Julie cũng vậy sao?”

“Đúng vậy.

“Ông đã từng gặp ông Julie trước khi ông ta thuê phòng ở nhà bà Hobson chưa?”

“Không, tôi chưa bao giờ!”

“Vậy ông không thể làm điều này vì mối hận thù cá nhân chứ?”

“Không.”

“...”

“Tại sao ông lại đặt một tấm bưu thiếp bên cạnh thi thể của các nạn nhân?”

“Vì... vì muốn thách thức!”

“Đối với cảnh sát sao?”

“Vâng... Và... xã hội.”

“Ông có biết nhà trọ bị theo dõi không?”

“Không... Nếu có tôi đã... đã không giết ông Julie.”

“Tuy nhiên, ông vẫn ký nhận tội ác này!”

“Thó... Thói quen cả!”

“Túi cát của ông đâu rồi?”

“Tôi... Tôi đã vứt rồi.”

“Ở đâu?”

“Xuống..... sông Thames.”

“Khi nào?”

“Ngày... ngày 27 tháng Một.”

“Tại sao?”

“Tôi... tôi nghĩ giữ nó càng lâu càng nguy hiểm.”

“Vậy ra đó là lý do ông giết ông Julie bằng dao phẫu thuật à?”

“Đúng.”

“Lẽ ra ông phải nghĩ rằng bác sĩ Hyde sẽ báo cho chúng tôi biết về chuyện ông ghé qua phòng ông ấy chứ?”

“Tôi... Tôi hy vọng ông ta sẽ không nghĩ đến điều đó.”

Strickland dừng lại một chút. Điều lạ là trong những ngày trước đó, Collins khiến ông càng không thể tin tưởng được, khi ông ta cứ kiên quyết chối tội.

“Đồng danh thiếp của ông bị giấu ở đâu?”

“Tôi... Tôi đã hết danh thiếp rồi.”

Tất nhiên, cũng có khả năng Collins đã áp dụng cách phòng thủ mới, những tuyên bố nhận tội không khéo léo thường mang lợi cho bị cáo.

“Vào ngày 26 tháng Một, sau khi tấn công và cướp của ông Morris tại phố Sutton, ông đã trực tiếp về nhà trọ phải không?”

“Vâng, tôi... tôi nghĩ vậy.”

Ngay trước đó bốn ngày, Toby Marsh đã khẳng định ngược lại.

“Đi từ đâu?”

“Tôi đi qua quảng trường... Bedford và quảng trường Montague Place, tôi đoán vậy.”

“Ông có mặc áo mưa hoặc áo khoác không?”

“Tôi không nhớ nữa.”

“Nhưng ông sở hữu cả hai thứ đó chứ?”

“Vâng.”

“Ông đã làm gì với số tiền ông ăn cắp từ nạn nhân của mình?”

“Nó... Nó đang ở nơi an toàn.”

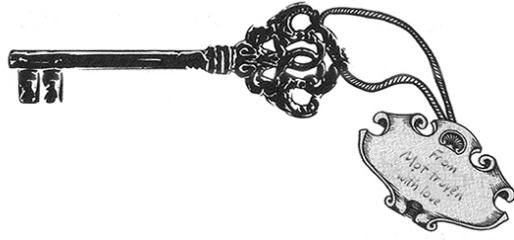
“Ở đâu?”

“Điều này... để tôi xem đã.”

Lúc này, tiếng chuông điện thoại vang lên. Strickland bắt máy và trả lời bằng những từ cụt ngủn, với giọng vô cảm. “Tại sao ông lại thú nhận vụ án vô lý này, Collins? Ông muốn bảo vệ ai đó phải không? Hay ông nghĩ rằng như vậy sẽ mang lại yên bình cho mình?”

Người đàn ông nhỏ bé làm cử chỉ phản đối. Sau đó, ông run lên. “Tôi... Tôi không thể nữa!” Ông thú nhận.

Strickland nắm nhẹ vai ông một cách tế nhị: “Chúng ta đi thôi! Storey, cậu hãy đến ga Mornington Crescent. Họ mới tìm thấy xác một người phụ nữ trẻ ở đó, áo ngực của cô ấy có ghim một tấm danh thiếp mang tên ngài Smith. Không ví tiền, không trang sức. Mordaunt và Fuller, theo tôi nào! Có vẻ như ngài Smith thật sự vẫn đang ở nhà trọ Victoria!”



13. CHỈ MARJORIE THÔI

"Đưa họ đến gặp tôi theo thứ tự." Strickland nói, đưa một danh sách gồm năm cái tên cho Fuller.

Sau đó, một lát sau:

"Xin chào, Thiếu tá Fairchild. Mời ngồi. Tôi rất tiếc phải phỏng vấn ông một lần nữa. Điều này do tình hình hiện tại thôi. Ông ở đâu và làm gì vào chiều nay, cỡ sáu giờ ba mươi phút?"

"Tôi ở câu lạc bộ và tôi đang thua bài bridge!" Viên sĩ quan già cảm tức trả lời. "Nhưng tôi muốn biết."

"Xin hãy kiên nhẫn một chút, thiếu tá. Câu lạc bộ của ông tên gì?"

"Câu lạc bộ Colonial... số 10, phố Albemarle."

"Ông bắt đầu chơi từ khi nào?"

"Khoảng bốn giờ. Và tôi kết thúc vào lúc bảy giờ."

"Ông chơi với những ai?"

Thiếu tá gượng gạo vùng vẫy: "Hai sĩ quan về hưu giống tôi, Đại tá Wilson và Thiếu tá Gillum, cộng với một ông Todhunter tôi gặp lần đầu... Đủ chưa?"

"Vừa đủ và không đủ. Thật ra, tôi còn có một câu hỏi nhạy cảm cho ông. Ngược lại với những gì ông nói, ông đã ra khỏi phòng khách vào tối ngày hai mươi tám, trong khoảng bảy hoặc tám

phút... Để làm gì?”

“Tôi thà chết còn hơn trả lời! Ông không cần biết điều đó! Không phải ông bắt được ngài Smith rồi sao?”

“Không.” Strickland thú nhận. “Chúng tôi đã lạc hướng. Ngài Smith thật sự vẫn còn tự do. Vào lúc sáu giờ hai mươi phút, chiều nay, hắn ta đã sát hại một người phụ nữ ở ga Mornington Crescent.”

“Chúa ơi!” Đại tá kêu toáng lên. “Tôi luôn nghĩ.” Ông chêm thêm. “Người như Collins sao mà là tội phạm được!”

“Mọi bằng chứng đều chống lại ông ta.”

“Nói tóm lại, Collins thật sự có vẻ phù hợp vì ông ấy nói lắp. Nhưng nói lắp không phải là động từ tiếng Pháp duy nhất bắt đầu bằng chữ b! Cáo buộc của ông Julie cũng có thể ám chỉ kẻ khác.”

“Là ai?”

“Lại đây. Tôi không muốn nói to tên của người đó trước mọi người!” Strickland tuân theo. Đại tá nói thầm vào tai Strickland rồi ngả lưng xuống ghế, đôi mắt long lanh.

“Thế nào, ông có cảm động không?” Ông ta hỏi.

Strickland quay trở lại thực tại: “Có, có chứ!”

“Ông không hề nghĩ đến người đó, phải không?” “Có, có chứ!” Ông chánh thanh tra nói. “Tôi đã nghĩ về người đó từ đầu.”

“Chào buổi tối!” Strickland nói. “Mời thầy ngồi xuống. Tình hình buộc chúng tôi phải thăm vấn ông thêm lần nữa. Ông ở đâu và làm gì vào chiều nay, khoảng tầm sáu giờ ba mươi phút?”

“Tất nhiên là tôi đi gặp ông bầu của tôi.”

“Tất nhiên! Tại sao lại là *tất nhiên*?”

Giáo sư Lalla-Poor xua tay xin lỗi. Như thường lệ, khuôn mặt ông vô cùng khó đoán. Ông đội chiếc khăn xếp màu xanh nhạt.

“Đó là từ cửa miệng của tôi thôi! Tôi sẽ lên sân khấu nhà hát Palladium vào tuần tới. Cho nên tôi và ông Hathway đã phải dàn xếp rất nhiều việc.”

“Tôi hiểu... Vậy, lúc sáu giờ ba mươi phút, ông đang bàn việc với ông Hathway. Ông ấy ở đâu?”

“Tôi e là tôi đã nói không rõ. Tôi đã nói rằng bản thân đến nhà ông Hathway vào buổi chiều, không phải là tôi đang ở cùng ông ấy lúc sáu giờ ba mươi phút. Lúc đó, tôi đang trên đường trở về.”

“Ông Hathway ở đâu?”

“Trong một nhà trọ ở phố Eversholt.”

Strickland nhăn nhó. Từ phố Eversholt đến ga Mornington Crescent nhiều nhất chỉ năm phút đi bộ.

“Ông nói rằng ông đang trên đường trở về. Ông đã đi bộ trở về nhà trọ phải không?”

“Đúng. Khoảng cách không xa, tất nhiên.”

“Ông ra khỏi nhà ông Hathway lúc nào?”

“Tôi không biết chính xác. Có lẽ khoảng sáu giờ hai mươi phút. Hoặc có thể là vài phút sau đó.”

“Hoặc có thể vài phút trước đó?”

Người đàn ông Ấn Độ thoải mái gật đầu.

“Ông đã tìm việc trong bao lâu?”

“Khoảng ba tháng.”

“Nếu tôi hỏi ông, ngày 18 tháng Mười một năm ngoái, khoảng mười giờ ba mươi phút tối, hoặc ngày 4 tháng Một năm nay, khoảng chín giờ hai mươi phút, ông có thể nhớ lại những việc đã làm không?”

“Tôi e là không.”

“Thật đáng tiếc!”

Strickland đẩy ghế ra sau để kết thúc buổi thảo luận. Lúc rời đi, ông thầy tu Ấn Độ quay lại: “Cho đến hôm nay, tôi từng nghĩ rằng vụ việc này đã kết thúc.”

“Bây giờ thì sao?”

“Nếu thế, ông đã không hỏi tôi làm gì trong ngày hôm nay. Ngài Smith thực sự đã vượt khỏi tay ông và đã phạm tội vào buổi chiều nay.”

“Đúng vậy. Hắn đã sát hại một người phụ nữ cách phố Eversholt chỉ có vài bước chân.”

“Một sự trùng hợp không may, tất nhiên!” Thầy Lalla-Poor thừa nhận.

“Ông bà Crabtree à? Mời ngồi... Còn ông Crabtree, ông cũng ngồi đi. Không nhất thiết cả hai ông bà đều phải đến đâu.”

“Ông hiểu nhầm rồi!” Bà Crabtree nhanh nhẹn trả lời, bận áo choàng màu kem và dép bông. “Như tôi đã nói với anh chàng thanh tra dễ thương kia ngày thứ Sáu tuần trước, chồng tôi, khi bị bỏ mặc một mình, giống như con thuyền không có kim chỉ nam... So sánh vậy có ổn không, Ernest?”

“Chắc chắn, em yêu.”

“Nhân tiện, tôi đã nghĩ rằng việc bắt giữ ngài Smith lại khiến chúng tôi thêm rắc rối mới!”

Để đáp lại, Strickland quay sang ông Crabtree:

“Ông ở đâu và làm gì vào buổi chiều nay, khoảng sáu giờ ba mươi phút?”

Người đàn ông nhỏ bé mở miệng, nhưng giọng vợ ông đã át luôn tiếng ông ta:

“Thanh tra, ông đừng nghĩ tôi thường ra lệnh cho chồng mình mang cái này hay cái kia về cho tôi. Nhưng trời mới biết tại sao, tôi bị sổ mũi nên không thể ra ngoài. Vào khoảng hai giờ, tôi đã nhờ Ernest mua cho tôi một cái áo choàng tắm. Tôi không ngờ anh ấy lại vụng về như mọi khi. Tận năm giờ anh ấy mới quay trở lại! Và với cái gì, tôi hỏi ông! Một trong những thứ ghê tởm với diêm ren khiến cho cả những người mảnh dẻ nhất cũng phải phát phì... Tôi đã buộc anh ấy phải đi đổi lại cái váy ấy!”

“Cuối cùng, bà đã có được thứ mong muốn chưa?”

Bà Crabtree quay qua quay lại với vẻ hài lòng.

“Xem này, thanh tra! Chỉ có điều, tôi phải chờ đợi đến tận bảy giờ.”

“Bộ quần áo này mua ở đâu?”

“Ở cửa hàng Davidson-Davis, phố Wardour.”

Strickland quay lại với ông Crabtree:

“Ông nghĩ liệu có cô bán hàng nào sẽ nhớ mặt ông không?”

“Chắc chắn không!” Bà Crabtree kêu lên với giọng tức tối. “Trả

lời đi, Ernest!”

“Không, không! Tôi không phải người sẽ để lại ấn tượng gì cho ai đâu!”

Strickland ra vẻ nghiêm túc: “Đừng đánh giá thấp tình hình, ông Crabtree! Chính ngài Smith đã tự mình chứng minh ông Collins vô tội bằng cách thực hiện một vụ án mạng mới vào buổi chiều nay. Vì thế, tôi không đòi hỏi gì khác ngoài một bằng chứng ngoại phạm. Những cô gái trẻ ông đã gặp có thể nhận ra ông không?”

Ông Crabtree do dự. Nhưng hiển nhiên, lời đe dọa của chính quyền sao làm ông sợ bằng lời đe dọa của vợ. Ông phủ nhận.

“Bà có nhớ ông ấy đã làm việc gì hoặc chơi gì vào tối ngày 10 tháng Mười một năm ngoái và ngày 4 tháng Một năm nay không?”

“Không.” Bà Crabtree trả lời tiếc nuối. “Tuy nhiên, khả năng cao là Ernest đã ở bên tôi.”

“Vậy ông bà không bao giờ rời xa nhau sao?”

“Có chứ. Tôi cho rằng người đàn ông đã kết hôn nên giữ lại ảo tưởng tự do. Thực ra là Ernest cũng không cần, nhưng chúng tôi đã thống nhất từ lâu rằng thỉnh thoảng anh ấy sẽ đi chơi bài với bạn bè của mình. Những người bạn từ thời thơ ấu, ông hiểu không?”

“Chồng bà có thường xuyên gặp gỡ những người bạn đó không?”

“Không. Có lúc tôi phải đi thăm người dì ốm tầm một hoặc hai ngày ở Chislehurst. Ernest thường tận dụng cơ hội này. Tôi cho phép anh ấy đi chơi đến nửa đêm.”

“Lần gần đây nhất, ông ấy có ra ngoài nhiều không?”

“Nhiều lắm! May thay, anh ấy thường than phiền trước.”

“Chào buổi tối, ông Andreyew. Xin mời ông ngồi. Chúng tôi buộc phải hỏi ông lại một lần nữa.”

Strickland không còn dành thời gian để suy nghĩ nữa. Câu từ tự nhiên đến trên môi ông, ông đứng dậy một chút, rồi lại ngồi xuống: “Ông ở đâu và làm gì, buổi chiều nay, tầm sáu giờ ba mươi phút?”

Người đàn ông Nga hít hương hoa cắm chướng đồ trên nút áo: “Những điều không thể nói, tôi e vậy!”

“Nghĩa đen hay nghĩa bóng?”

“Theo nghĩa đen... Mà tôi tưởng như ngài Smith giờ thuộc thẩm quyền của Scotland Yard rồi?”

“Ngài Smith thật vẫn đang nhõn nhơ đi lại! Khoảng hai tiếng trước, hẳn đã gây ra vụ án mạng thứ chín.”

“Tệ thật!” Ông Andreyew thở dài. “Thật tệ hại!”

Nhưng ông không nói thêm gì nữa.

“Thế sao?” Strickland cố gắng.

“Thế thì... cái gì?”

“Ông có định nói không?”

“Tôi muốn lắm, nhưng...”

Viên chánh thanh tra tiến thẳng vào vấn đề: “Ông đã ở cùng một người phụ nữ hả?”

“Chuyện đó còn phải hỏi sao!”

“Người đó tên gì?”

"Marjorie."

Strickland quan sát người nói. Ông ta dường như thuộc loại người không thể phản bội phụ nữ. Ngoài ra, ông ta đủ khôn khéo để đóng vai một hiệp sĩ danh dự.

"Marjorie... họ gì?"

"Chỉ Marjorie thôi."

"Cô ấy đã kết hôn chưa?"

"Tất nhiên là rồi."

Người đàn ông Nga mỉm cười. Nhưng dưới vẻ ngoài hiền hòa, là bản tính kiên quyết sắt đá. Kẻ cứng đầu bơn cả! Strickland nghĩ.

"Điều này có thể khiến ông khó khăn đấy, ông Andreyew!"

"Ôi chao!"

"Ít ra ông có thể cho tôi biết bà ấy sống ở khu nào của London không?"

"Bà ấy sống ở Belgravia, có một phòng khách và pha trà bằng ấm *samovar*^[23] ... khi tiếp khách Nga."

Lúc này, có người gõ cửa và Storey bước vào.

"Cảm ơn ông Andreyew. Chúng ta sẽ tiếp tục câu chuyện sau."

Storey chờ người đàn ông Nga bước ra rồi mới lên tiếng.

"Tôi quay lại từ hiện trường vụ án. Nạn nhân là bà Dunscombe, đến từ Carlisle và đang đi ngang qua London. Chồng bà ấy là chủ nửa tá nhà máy bia ở Carlisle."

"Xinh không?"

"Trang nhã. Bận đồ lông và cả tá thứ nữa. Lúc bà ấy bị sát hại,

bà ấy vừa ra khỏi nhà người bạn, bà Rooksby, người đã khuyên ngăn bà ấy không nên đi lại trong tiết trời mù sương và đề nghị bà qua đêm tại nhà mình.”

“Sao bà Dunscombe lại ra đi?”

“Tôi không rõ. Theo lời bà Rooksby, bà ấy liên tục nhìn đồng hồ.”

“Cậu biết số tiền bị cướp là bao nhiêu không?”

“Không, nhưng hẳn là khá nhiều. Theo điều tra, nạn nhân mang theo toàn bộ số tiền trên người.”

“Có mất trang sức không?”

“Có, trừ một viên miêu nhân thạch.”

“Theo lời cậu, bà Dunscombe có vẻ vội vã chia tay cô bạn. Liệu cô bạn có cảm tưởng như bà ấy có hẹn ai đó không?”

“Có. Bà Rooksby còn đưa nạn nhân về việc này.”

“Được rồi! Hãy cố gắng xác định những người mà nạn nhân đã liên hệ trong thời gian lưu trú ở London. Ngài Smith có thể đã tán tỉnh để dụ bà ấy gặp mặt.”

“Chào buổi tối, bác sĩ Hyde! Mời ông ngồi... À, chờ chút, không! Ông có thể đủ hào phóng mà đi vài bước không?”

Bác sĩ Hyde đã tựa lưng trên ghế, cười khúc khích: “VẬY là cuối cùng ông cũng nhận ra rồi à?”

“Ông đang nói gì thế?”

“Cái chân cà nhắc của tôi!” Hyde nói tiếng Pháp.

Strickland gật đầu: “Tối thứ Sáu tuần trước, lúc tôi thăm vấn ông, ông chỉ chuyển từ ghế này qua ghế nọ nên tôi không nhận

ra.”

“Ví dụ thế! Giờ ông muốn gì? Muốn tôi đi vòng vòng trong phòng để ông chú ý đến cái chân bắt hạnh của tôi hả? y Ông cần một nghi phạm! Tôi tưởng ông đã bắt được hung thủ thật rồi!”

“Collins không phải thủ phạm chân chính! Ông đã ở đâu và làm gì lúc sáu giờ ba mươi phút?”

“Tôi đi dạo.”

“Vào lúc này ấy hả?”

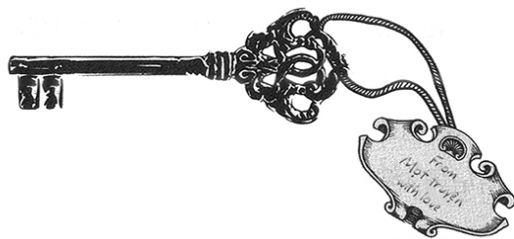
“Tại sao không? Tôi thích sương mù. Có thể tìm thấy mọi thứ trong đó: những người phụ nữ sầu bi, bầy ma mãnh và lũ điên. Phiêu lưu, tình yêu...”

“... và cái chết.”

“Đúng vậy!”

Hai người sẫm soi nhau, không chút ngại ngần giả dối.

Mary bỗng mở cửa và thò cái đầu vàng hoe của mình qua khe cửa, phá vỡ im lặng: “Thanh tra, có người gọi điện cho ông! Bác sĩ Hancock nào đó. Ông ấy bảo là khẩn cấp.”



14. NGÀI SMITH = BÁC SĨ HYDE

Đã mười giờ sáng. Một tia nắng mặt trời thất thường đã buộc Robin phải chuyển chỗ đứng hai lần. Strickland đang giải thích trước các cấp trên của mình: l

“Một trừ sáu, còn năm. Tối qua, khi tôi đến Nhà trọ Victoria, tôi đã chọn thăm vấn thiếu tá Fairchild, thầy Lalla-Poor, ông Crabtree, ông Andreyew và bác sĩ Hyde. Tôi bắt đầu với thiếu tá. Ông ta ở đâu và làm gì vào khoảng sáu giờ ba mươi phút? Ông ta đang chơi bài *bridge* ở câu lạc bộ Colonial, cùng với cộng sự này và kia.”

“Ông kiểm tra rồi chứ?”

“Fuller đã kiểm tra. Trừ giả thiết ông ta có khả năng đồng thời xuất hiện ở nhiều nơi, thiếu tá Fairchild có thể bị loại khỏi danh sách kẻ tình nghi. Tôi muốn nói thêm rằng ông ta là người duy nhất trong án mạng lần này có bằng chứng ngoại phạm.”

“Chẳng phải ông ấy từ chối kể cho ông biết lý do ông ta rời khỏi phòng vào tối hôm ông Julie bị sát hại à?”

“Vấn đề tự tôn. Nếu Collins thừa nhận quả cam của bà Hobson có hương vị độc đáo hơn cả, thì ông thiếu tá thích whisky Scotland hơn mọi thứ khác.”

Strickland quyết định châm điếu xì gà ngài Christopher tặng

ông ở đầu cuộc họp.

“Chuyển sang thầy Lalla-Poor. Khoảng sáu giờ, ông ta ở cùng ông bầu sô của mình, ông Hathway. Ông ta nói rằng khoảng sáu giờ hai mươi phút, ông ta đi bộ trở về nhà trọ, mặc dù trời đang mờ sương.”

“Có nhân chứng không?”

“Không có.”

“Ông ta có thời gian trong thực tế để thực hiện tội ác không?”

“Tôi nghĩ là có! Ông Hathway sống gần ga Mornington Crescent và theo Hathway, hai người họ đã tạm biệt lúc sáu giờ mười phút.”

“Phải dè chừng.”

“Đó là ý kiến của tôi. Ông Crabtree dường như đã chạy khắp các cửa hàng suốt cả buổi chiều để mua một chiếc áo cho bà vợ. Ông ấy ra khỏi nhà trọ lúc hai giờ, trở lại lúc năm giờ, rồi lại đi lúc năm giờ mười lăm phút và quay lại để dùng bữa tối. Tôi nghĩ ông ấy có nhân chứng là cô bán hàng mà ông ấy đã hỏi, nhưng ông ấy sợ bà Crabtree tức giận.”

“Hãy hỏi các cô bán hàng, nhưng đừng để ông ấy biết. Không khó tìm ra họ.”

“Tôi đã nghĩ đến việc đó. Mordaunt sẽ phụ trách việc này ngay.”

“Ông Crabtree...” Phó cảnh trưởng hỏi. “Ông ấy kiếm sống bằng cách nào, ông biết chứ?”

“Tất nhiên.”

Trong mắt Strickland ánh lên tia hài hước: “Ông ấy bán đai

thoát vị bẹn qua thư.”

“Trời ơi! Việc này mang lại bao nhiêu lợi nhuận cho ông ấy?”

“Nhiều hơn ông tưởng. Và vợ ông ấy đủ giàu để ở khu Carlton nếu bà ấy thích.”

Ngài Christopher xen vào: “Tôi khó có thể chấp nhận việc các nghi phạm của ông cũng không thể nhớ được họ đã làm gì tháng trước, thậm chí trong tháng Mười hai hoặc tháng Mười một. Họ phải có một vài sự cố trong quá khứ có thể gắn kết ký ức của chính mình.”

“Tôi không nghĩ thế, thưa ông! Những người vô tội chỉ muốn nói thật. Hung thủ, chỉ hấn có lợi khi trốn tránh sau sự lãng quên của mọi người. Khách trọ của bà Hobson đều có cuộc sống giản đơn, không có bất ngờ. Không gì khó khăn hơn đối với họ trong tình huống này, khi phải nhớ lại hoàn cảnh sẽ lời chân thật của họ ra ánh sáng. Và nếu khai rằng họ đang đọc sách trong phòng của mình hoặc đi dạo trong công viên, vào ngày nào đó, lúc nào đó, thì thật vô dụng. Vì họ phải chứng minh được điều đó.”

“Hừm! Andreyew nói gì?”

“Rất ít. Ông ấy khai là mình đã ở bên một phụ nữ đã kết hôn - lý do tuyệt vời để lờ giấu giếm chi tiết - khi bà Dunscombe bị ám sát. Giải thích cũng như không. Tuy nhiên, nó khiến tôi suy nghĩ. Một kẻ nói dối khéo léo sẽ pha trộn lời thật và lời giả dối. Ai mà biết nếu người phụ nữ trong miệng ông ấy lại chính là nạn nhân?”

“Tôi không nghĩ vậy.” Ngài Christopher nói. “Andreyew đã hẹn gặp bà ấy tại một nơi khác, ví dụ như một góc công viên, nơi ông ấy sẽ khó bị phát hiện hơn.”

“Có thể ông ấy đã thử mà không thành công? Theo thông tin tôi nghe từ khách sạn của bà ấy, bà Dunscombe sẽ trở lại Carlisle vào sáng nay. Nếu giả định của tôi đúng và dù là ai, ngài Smith đã chọn nạn nhân của mình vài ngày trước, hẳn không thể chờ thêm được nữa. Hẳn sợ mục tiêu của mình có thể thoát khỏi tầm với, đó cũng là lý do ông ta tái phạm tội, chứng minh Collins vô tội.”

Ngài Christopher dần mất bình tĩnh: “Nhưng ông lại không mang Andreyew đến chỗ chúng tôi! Ông đã đưa bác sĩ Hyde cho chúng tôi!”

“Vâng, thưa ông. Với bốn lý do. Trước tiên: hãy nhớ rằng ông Julie bị giết bằng con dao *catlin* trong hộp dụng cụ của bác sĩ Hyde. Thứ hai: ông ấy đi cà nhắc^[24], phù hợp với lời cáo buộc của giáo sư đã qua đời giống Collins. Thứ ba: chiều ngày hôm qua, khoảng sáu giờ ba mươi phút, ông ấy đi dạo trong sương mù mà không có lý do đáng nói. Thứ tư: bác sĩ Hancock, trong khi thực hiện khám nghiệm tử thi của ông Julie, đã tìm kiếm vô ích một loại thuốc nào đó, điều này phủ nhận câu chuyện bác sĩ kể vào tối ngày 28 tháng Một.”

Robin trở thành người bào chữa: “Rất dễ hiểu khi ông Julie cảm thấy mệt mỏi và đã tìm đến bác sĩ Hyde. Tuy nhiên, khi ông ấy quyết định rời khỏi nhà nghỉ để trốn ngài Smith, ông có thể đã qua giai đoạn hoảng loạn đầu tiên, nên từ bỏ việc dùng thuốc vì sợ bị hạ độc.”

“Trong trường hợp đó, làm sao để giải thích chuyện viên thuốc không bao giờ được tìm thấy?”

“Có thể ông Julie đã ném viên thuốc qua cửa sổ...”

“Tại sao? Thật ra, chúng tôi đã tìm kiếm sân vườn cẩn thận như trong phòng ngủ. Không có kết quả gì.”

“Thời tiết như thế nào vào đêm đó? Một viên thuốc có thể tan trong mưa.”

“Trời khô ráo và lạnh.”

“Hãy giả sử bác sĩ là hung thủ. Vì cái quỷ gì mà ông ấy đã bịa ra câu chuyện này?”

“Là biện pháp phòng ngừa. Ai đó có thể đã thấy ông ấy mà ông ấy không hề hay biết khi vào hoặc ra khỏi phòng của ông Julie.”

“Tóm lại, kết quả phủ định của cuộc khám nghiệm tử thi là bằng chứng lớn nhất của bác sĩ?”

“Đúng. Việc nhiệt tình giúp đỡ điều tra đã làm tan biến mọi nghi ngờ. Hoặc ông Julie đã tiêu hóa hết viên thuốc, hoặc viên thuốc chưa từng tồn tại ngoài tưởng tượng của bác sĩ.”

Strickland nén nỗi tức nuối khi đập hết điều xì gà vào cái gạt tàn và tìm cái nhìn tán thành của ngài Christopher.

“Tôi cũng sẽ làm như vậy!” Ngài Christopher nói.

Khi bác sĩ Hyde đối mặt với những điều tra viên được giao nhiệm vụ bắt ông thú nhận, ông đã cư xử hoàn toàn khác biệt so với người tiền nhiệm. Trong khi người trước đó, bất chấp mệt mỏi rã rời, vẫn cố gắng trả lời lịch sự và sáng suốt, bác sĩ lại trở thành một kẻ lặng im đến xúc phạm sau mười phút. Ông ta nhìn móng tay của mình, ngáp liên tục, chìm đắm trong những suy tư sâu sắc. Khi ánh mắt của ông ta rơi vào viên cảnh sát nào đó, dường như đó chỉ là hành động vô tình và ông ta vội vàng đưa ánh mắt của

mình đi nơi khác, như thế ông ta sợ bị nhiễm bẩn nhanh. Cảnh sát đã không thể khiến ông ta phần nộ hoặc thù hận. Những lời mang hàm ý dường như chỉ là gió thoảng qua tai ông, và những lời đe dọa còn làm ông vui vẻ hơn. Thỉnh thoảng, ông ta thậm chí huýt sáo một bản nhạc nhỏ, luôn luôn là bản nhạc cũ: *Auld Lang Syne*, trong khi giậm chân theo nhịp điệu. Vì vậy, khi tối đến, trong đôi mắt hai người thành thật Fuller và Storey cũng hiện rõ sát khí.

Strickland quyết định ở lại một mình với tù nhân.

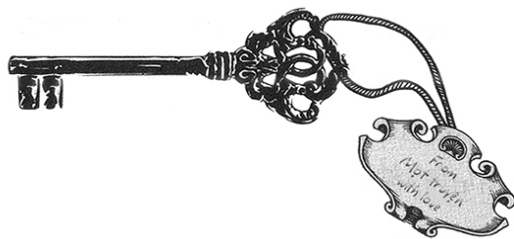
“Mấy trò này sẽ chẳng đưa ông đến đâu cả, bác sĩ Hyde! Sớm muộn, ông sẽ bị buộc phải khai thôi. Ông hy vọng điều gì?”

Bác sĩ Hyde hạ cổ nhìn vào người đang nói chuyện với mình.

“Tôi chẳng hy vọng gì cả.” Ông trả lời bằng giọng khàn khàn sau một khoảng thời gian im lặng quá dài. “Tôi chỉ chờ đợi.”

Strickland cảm nhận được có gì đó sắp xảy ra. Tuy nhiên, ông không ngừng hỏi: “Chờ đợi cái gì?”

“Tôi chờ đợi.” Bác sĩ nói. “Ngài Smith thực hiện án mạng thứ mười.”



15. “BỜÌ ANH TA LÀ MỘT NGƯỜI TỐT”

Bà Hobson mặc chiếc váy ưa thích của bà, mềm mại và có nhiều bèo nhún nhất, cổ buộc khăn ren, đứng ở giữa phòng ăn dưới tấm tranh của John-Lewis Brown - cánh đồng xanh lẫn những bộ trang phục màu đỏ. Bà luôn bắt khách phải ngắm bức tranh trước khi bắt đầu dẫn họ tham quan các phòng ngủ. Và “những đứa trẻ” của bà - như bà thường gọi những khách trọ tại đây - đứng xếp hàng, ba người bên phải, bốn người bên trái, tạo nên một đội vệ binh danh dự cho bà.

Ông Collins không bao giờ quên cảnh này. Ông vừa mới xuất hiện, mệt mỏi và nhăn nhó, ở ngưỡng cửa, đã có tám giọng ca hòa làm một trong bài For be is a so jolly good fellow^[25]. Sau đó, viên thiếu tá tách ra khỏi nhóm, nắm lấy vai Collins và lắc ông như một chú chó làm với một con thú bông, thể hiện rằng không một người bạn nào của ông nghi ngờ ông cả. Các bà các cô đều muốn chào đón ông Collins, mỗi người một cách - bà Crabtree hôn lên hai bên má, cô Pawter cười, cô Holland rụt rè, bà Hobson khéo léo - và ông ta thấy mình ngồi trước một chiếc bánh lớn được trang trí với dòng chữ “Chào mừng” xinh đẹp.

Buổi tiếp đón nồng hậu đã làm ông Collins trở nên tối bời. Đầu tiên, ông liếc xung quanh với ánh nhìn bỡ ngỡ, đầy những câu hỏi đau đớn. Môi ông run rẩy, dường như ông sắp rơi lệ. Cuối cùng, ông đặt tay lên trán như đang cố đuổi đi những suy nghĩ không

mong muốn.

“Xin lỗi... Tôi xin lỗi!” Ông lắp bắp. “Nhưng... đây là lần đầu tiên trong đời tôi có... có người thể hiện lòng thương mến thực sự với tôi!”

Ông ta dường như muốn nói tiếp, nhưng ông Andreyew đã ngắt lời ông ấy: “Đừng khóc lóc, anh bạn! Dù sao thì chúng tôi cũng phải trả ơn anh một lần!”

Ông Andreyew nắm chặt vai Collins.

“Tại sao thế?”

“Thật ra, ông đã góp phần khiến nhà trọ Victoria và các khách trọ ở đây nổi tiếng khắp cả lục địa! Bà Hobson có thể tăng giá trọ lên gấp đôi từ giờ trở đi. Sẽ chẳng ai bỏ đi cả.”

“Là tôi thì, tôi sẽ chạy chứ!” Bà Crabtree phản đối.

Mọi người vào bàn ăn. Daphné, vẫn nhớ rằng ông Collins thích món hầm kiểu Ireland, nên đã chuẩn bị sẵn. Tuy nhiên, người đàn ông nhỏ bé ấy ăn khá ít. Đôi vai gầy yếu của ông dường như đang chịu trọng lượng ngày càng nặng.

“Hãy nói cho chúng tôi...” Ông thiếu tá bất ngờ lên tiếng. “Những thông tin mà chúng tôi nghe về *mức độ ba* có đúng không?”

Ông Collins giật mình: “Không, không... Tôi... Tôi đã được... được đối xử hợp... hợp lý...”

“Dù sao thì họ đã rọi đèn vào mặt ông và hỏi mãi không thôi phải không?”

“Đúng, đúng... Tất nhiên!”

“Và ông đã chống cự đến cùng?”

“Không, cuối cùng tôi... tôi đã thú nhận.”

Ông thiếu tá nghẹn thở: “Ông có thể thú nhận cái gì khi ông không phạm tội gì cả?”

“Tôi... Chúng ta luôn luôn có một chút tội... tội và tôi cảm thấy rằng họ chỉ để tôi yên bình nếu tôi chấp nhận nói như họ!”

“Nếu vậy thì ông đã gặp may, vì ngài Smith vẫn tiếp tục gây án! Suýt nữa ông đã không bao giờ được thả!”

Ông Collins cầm ly rượu đưa đến miệng mình và nhún vai to về bi quan.

“Ây da, dường như ông không quá vui mừng khi trở lại với chúng tôi!” Viên thiếu tá tiếp tục nói.

“Có, có chứ! Nhưng tôi e là... tôi cần một vài ngày để... để hồi phục.”

“Tất nhiên rồi!” Cô Pawter chêm vào. “Thiếu tá Fairchild, ông nên dừng tò mò lại. Nếu không ông Collins sẽ nhớ Scotland Yard đấy! À, ông Jekyll đến!” Cô Pawter nói theo thói quen mỗi khi có tiếng chuông reo.

Ngay sau đó, ánh mắt của cô ấy rơi vào chiếc ghế trống mà bác sĩ Hyde đã để lại, và cô ấy cắn môi.

Lại là khoảnh khắc im lặng khó chịu tiếp diễn. Ông Collins được thả tự do nhưng trong đàn cừ vẫn tồn tại một con cừ đen lẩn vào, trốn đến tận ngày hôm qua... Và con cừ đó thật là!

Bà Hobson đã cứu vãn tình hình bằng cách chỉ trích cô Holland: “Em gái à, hôm trước, tôi đã không nói gì khi họ mang hai con mèo

con cho cô, do Night and Day tặng. Tôi cũng không nói gì khi hôm kia, ông Malone từ nhật san *Telegraph* tặng cô một chú mèo Angora. Nhưng thực sự, sáu chú mèo lông hung mới đến đã hao hết kiên nhẫn của tôi rồi. Có vẻ như các ký giả này đã khám phá ra một nhà máy mèo. Xin vui lòng đáp ứng yêu cầu của họ hoặc bảo tặng cái gì khác đi!”

Sau bữa tối, ông Andreyew tiến lại gần viên thiếu tá “Dường như ông đã đúng khi nghĩ Collins có khả năng vô tội!” Ông ta nói với tông giọng mà người nghe không thể tìm ra chút châm biếm nào. “Anh có tin bác sĩ vô tội không?”

“Vững như sắt.” Viên thiếu tá trả lời.

Người đàn ông Nga có vẻ suy tư về câu trả lời này một lúc. Sau đó, ông ta gật đầu: “Còn tôi không tin. Ông muốn cá cược không? Tôi sẽ cược cùng ông với tỷ lệ 10 ăn 1.”

“Cược luôn.”

Ở góc nào đó, cô Pawter đang tán dóc với thầy Lalla-Poor: “Liệu ông có cần trợ lý không? Để thoải mái nằm nghiêng trong không trung, cổ gối lên lưng ghế và mắt cá chân tựa lưng ghế khác? Hoặc để đoán tuổi của những khán giả ở hàng đầu khi bị bịt mắt?”

“Không, cô Pawter. Rất tiếc.”

“Ông biết chút tiên tri, phải không? Ừ thì, ông là một nhà tiên tri! Tôi muốn biết xem lần này Scotland Yard có đặt cược đúng không?”

“Ý cô là họ có bắt được tên tội phạm thật sự không ấy hả? Tôi hy vọng là vậy, tất nhiên.”

“Nhưng ông vẫn còn hoài nghi?”

“Phải.” Người đàn ông Ấn Độ tiếc nuối thừa nhận. “Bác sĩ bị bắt do một câu nói dối vụng về. Tất nhiên, ngài Smith không phải là loại người đại để mắc lỗi như vậy.”

Collins rời đi trước, không lâu sau đó bà Hobson cũng rời đi vì có việc cần làm trong phòng.

Ông Andreyew theo sau bà ấy.

“Xin lỗi, bạn thân mến.” Ông ta nói khi bước vào. “Nhưng dường như bà đang lo lắng phải không?”

“Vậy sao? Không...” Bà Hobson uể oải trả lời.

“Hay là buồn rầu, phải không?”

“Không...” Bà Hobson uể oải hơn nữa.

Từ sau lần gặp đầu tiên, bà ấy đã muốn được ở một mình với người đàn ông này, và đã cố gắng thể hiện với ông... Bà ấy ra vẻ hung dữ: “Ông thiếu tá đã kể cho chúng tôi... Liệu có đúng là ông đã kết hôn với một người da đỏ không?”

“Hoàn toàn đúng. Cô ấy hát hay như chim sơn ca và chẳng mấy chốc đã chết đuối. Vai diễn này do cô Elinor Symonds thủ vai.”

Bà Hobson đặt tay lên ngực: “Cảm ơn Chúa đã cứu giúp!”

Người đàn ông Nga quá quen với phụ nữ để hiểu ý họ ngay từ những từ đầu tiên. Tuy nhiên, ông ta nghĩ nên hỏi thêm: “Tại sao?”

Điều này vượt xa khả năng của ông. Ông cần những sự chắc chắn...

Nhưng ông không nhận được những điều đó. “Những sợi tóc bạc này!” Bà Hobson vui vẻ nghĩ. *Chắc hẳn anh ấy lớn hơn mình ba*

đến bốn tuổi...

“Tôi đoán là... xướng phim đầy những người phụ nữ xinh đẹp?”

“Ừ.”

“Họ... Ông có thấy họ đẹp không?”

“Ừ.” Andreyew nói tiếp.

Ông ta đợi chữ “có” tác động đến bà, rồi mới bất ngờ nói thêm:
“Rất một đám bà tám!”

Bà Hobson cảm thấy tim mình đập thật nhanh:

“Thật ư?”

Cho dù bị tra tấn, bà cũng không hé thêm một chữ.

“Và một lũ mặt thớt!” Người đàn ông Nga kết luận bằng giọng điệu giàu tính thuyết phục.

Khoảng hai mươi phút sau, một tiếng động lớn vang lên ở tầng một. Một số khách trọ - gồm ông bà Crabtree, thiếu tá Fairchild và thầy Lalla-Poor - lũ lượt ra khỏi phòng khách và chạy ra xem tình hình.

Cánh cửa phòng của ông Collins mở toang. Họ nhìn thấy người đàn ông nhỏ bé gian nan đứng dậy với sự giúp đỡ của ông Andreyew, trong lúc vuốt cằm mình.

“Cái khỉ gì vừa xảy ra ở đây thế?” Thiếu tá hỏi.

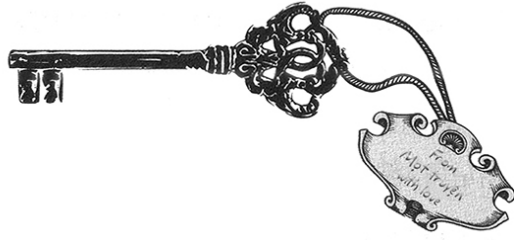
“Chẳng có gì.” Người đàn ông Nga nói. “Collins bị trượt chân, đầu va phải góc bàn... Đúng không, ông bạn?”

Thiếu tá rống lên: “À! Thế hả? Thế tại sao ông ta lại ngã?”

“Tôi... tôi không biết!” Collins lắp bắp. “Chắc là... hoa mắt...”

Dường như ông ta rất muốn mọi người tin vào điều đó. Điều này

có lẽ là lý do tại sao ông ấy không thuyết phục được ai cả.



16. KỂ KHIÊU KHÍCH

"Tin tưởng tôi đi, anh bạn, *Night and Day* vui mừng khi thấy ký giả xuất sắc nhất của chúng tôi chuẩn bị kết hôn với cháu gái của một lão tướng!" Percy Megan nói. "Và tôi sẽ không phủ nhận vai trò của một vị hôn phu đi kèm nhiều nghĩa vụ. Nhưng sau tất cả, công việc của một nhà báo cũng có những trách nhiệm riêng. Đã ba ngày tôi không thấy anh xuất hiện ở ban biên tập."

"Không thể sao?"

"Vì vậy tôi mạo muội đưa anh lời khuyên thiện chí. Hãy kết hôn nhanh lên! Ít nhất là hãy dành thời gian buổi tối cho chúng tôi."

Ginger Lawson tỏ vẻ tức giận: "Đừng lôi cô Standish vào việc này! Lý do tôi vắng mặt nếu không nghiêm túc hơn thì cũng khẩn cấp hơn. Tôi dự định sẽ tự mình vạch trần mặt nạ của ngài Smith."

"Mẹ kiếp và... anh đã quên một điều, Sherlock! Ngài Smith đã bị vạch trần rồi!"

"Không." Ginger nói.

Và anh ta đưa ra lập luận phản đối tương tự như thầy Lalla-Poor vào hai ngày trước: "Họ đã bắt Hyde vì họ tin là ông ta nói dối. Ngài Smith sẽ không bị bắt như thế này!"

"Những tên tội phạm khéo léo nhất cũng mắc lỗi."

"Không phải là lỗi nghiêm trọng như thế đâu! Hãy nhớ rằng tên này đã đối mặt với cảnh sát từ tháng Mười một."

“Đúng! Anh tính bắt hản như thế nào?”

“Anh có bao giờ săn bắn con thú lớn chưa?”

“Chưa.”

“Tôi cũng chưa. Nhưng ông nội của tôi, vào một thời kì mà mọi người chỉ nghĩ đến khiêu vũ, đã giết chết nhiều con sư tử ở Colorado hơn cả số câu chửi thề cả đời của anh.”

“Phản đối, Ginger! Colorado không có sư tử.”

“Đúng vậy, không còn sư tử nữa! Quay lại câu chuyện về Philibert-C. Lawson, anh có biết bí mật của ông tôi là gì không?”

“Ông ấy sử dụng súng máy, tôi đoán vậy?”

“Không, ông ấy sử dụng mồi!”

Percy Megan cố kiên nhẫn: “Câu chuyện này liên quan gì đến...?”

“Nhìn tôi đi!”

Ginger đang mặc một cái áo khoác. Anh ta nhấc cổ áo lên và để lộ một chiếc khăn da lớn màu vàng ẩn sau lưng, cầm một điếu *havana* và từ từ đi xung quanh bàn làm việc: “Giả sử anh là ngài Smith... Anh có muốn giết tôi không?”

“Dù sao thì tôi cũng muốn giết anh, dù làm gì đi chăng nữa! Đi ra khỏi đây!”

“Tốt thôi. Công lao chân chính luôn bị coi thường.”

“Và dù anh gặp ngài Smith hay không, hãy ở đây vào buổi sáng ngày mai, lúc chín giờ!”

“Tôi sẽ cố gắng... Tất nhiên là trừ khi lại có sương mù.”

Trên đường ra, anh ta bị hỏi liệu anh đã được hưởng của thừa

kế hay là anh đang chuẩn bị cho chuyến đi đến Bắc Cực, hay cái khăn da của anh phình to do bài báo gần đây nhất của anh ta. Không quan tâm đến lời trêu chọc, Ginger băng qua phòng biên tập bằng những bước nhỏ, chỉ dừng lại một nửa phút trước bàn làm việc của mình để mở ngăn kéo đầu tiên bên phải và lấy ra khẩu súng tự động. Ngoài kia, không ai thấy gì trong vòng một mét trước mắt. Nên thận trọng thì hơn.

“Chào buổi tối, ông Lawson.”

“Chào, Wilks.”

“Chào buổi tối, ông Lawson.”

“Chào, Stokes.”

Bây giờ anh ấy đang trên vỉa hè trong màn sương mù dày đặc. Con đường, trơn trượt và nhớp nháp, lấp lánh như chiếc áo vải dầu của cảnh sát. Anh có cảm giác như đang mắc những triệu chứng ban đầu của bệnh điếc, và va vào những bóng ma.

“Nực cười!” Ginger nghĩ.

Và thực ra anh ta thậm chí còn không có một phần nghìn cơ hội bắt gặp ngài Smith. Có lẽ anh là người duy nhất ở London muốn gặp hẳn!

Dù sao đi nữa, anh ta vẫn tiếp tục đi về phía quảng trường Russel bằng cách men dọc theo những ngôi nhà và rít một hơi sâu từ điếu *havana*. Sau khi Percy trách móc, chắc anh sẽ phải chịu nghe Priscilla mắng vì lang thang không mục đích chính đáng trên đường phố...

Khi anh tiến gần tới quảng trường Lincoln's Inn Fields, một giọng nói quen thuộc vang lên phía sau: “Anh Lawson phải không?”

Ginger quay lại nhanh chóng, trái tim đập mạnh. Không có tiếng bước chân nào cảnh báo anh ấy về sự hiện diện gần kề.

“Ồ! Chào buổi tối!” Anh nói khi nhận ra người đang nói chuyện với mình. “Ông làm gì ở đây?”

“Anh thấy đó. Tôi đang đi dạo.”

“Đám cốm để ông ra ngoài sao?”

“Lũ đó nên xuống địa ngục! Một trong số họ muốn đóng vai thiên thần hộ mệnh... Cuối cùng thì hẳn nhảy thẳng vào một cây đèn đường.”

Câu trả lời này, mặc dù không hiểu tại sao, nhưng anh ký giả không hài lòng.

“Ông định đi đâu?” Anh ta đột ngột hỏi.

“Anh đi đâu, tôi đi đó.”

“Vậy nếu tôi định tự tử nhảy xuống sông Thames chết đuối thì sao?”

“Thì tôi sẽ giúp anh.”

Ginger dừng lại để quan sát kỹ người nói chuyện với anh... Lúc còn là đứa trẻ, anh ta sống trong một ngôi nhà lớn tối tăm, nằm ở sau một khu vườn tràn đầy các hang động nhân tạo. Những hang động này khiến anh ta vô cùng kinh sợ. Tuy nhiên, mỗi khi anh đi qua một trong số chúng, anh đã buộc bản thân mình chui vào đó... Anh ta thường không hút thuốc - điều *havana* hút trên phố Fleet

làm anh ta buồn nôn, nhưng anh ta sẽ hút thuốc trong một nhà máy đạn dược. Percy gọi anh ta là “kẻ khiêu khích”.

“Tốt thôi, ngài Smith!” Cuối cùng, anh ta trả lời, nhìn người đàn ông không rời mắt, cố gắng quan sát phản ứng ngạc nhiên hoặc sợ hãi trên khuôn mặt.

Anh ta thất vọng.

“Anh bực tức gì thế?”

Giọng nói chỉ thể hiện lòng quan tâm yếu ớt.

“Tôi quyết định tiếp cận tất cả các khách trọ ở nhà bà Hobson theo cách đó. Ít nhất là tôi có thể chắc chắn tên thật của hung thủ!”

“Một trò đùa khá ngớ ngẩn, anh Lawson, nếu anh muốn biết ý kiến của tôi! Và nguy hiểm... Giả sử rằng tôi là ngài Smith. Tôi đã có thể tiễn anh đến thế giới tốt đẹp hơn ngay lập tức.”

Một bản năng bí mật cảnh báo Ginger nên cẩn trọng với giọng nói đường mật của người đàn ông tự tin này. Vì vậy, anh ta cười thách thức, điệu cười giả dối đến nỗi anh cũng phải ngạc nhiên.

“Đừng nghĩ gì! Túi áo khoác phải của tôi chứa một khẩu súng tự động và ngón tay tôi đang nhấn trên cò.”

Người kia tiếp tục ý tưởng của mình: “Thực ra, nếu anh đọc báo thay vì viết báo, anh sẽ biết ngài Smith đang ở trong tay cảnh sát.”

Ginger ném lại cây sào người kia đưa: “Liệu ông có coi Hyde là kẻ giết người không?”

Câu trả lời khiến anh ngạc nhiên: “Không.”

Hai người đi vài bước trong im lặng.

“Ông nên nghĩ vậy!” Ginger nói tiếp. “Khi Collins được công nhận vô tội, khi thiếu tá Fairchild có chứng cứ ngoại phạm và mọi người hoài nghi bác sĩ vô tội, phạm vi tìm kiếm chỉ còn lại ba khách trọ nam của bà Hobson chưa bị bắt... và ông là một trong số đó!”

Đến lượt người đi dạo cười, một tiếng cười kiềm chế và dữ dội kết thúc bằng một trận ho. “Liệu anh Lawson có hối hận khi có tôi ở bên cạnh không? Đường phố vắng tanh. Sương mù bao phủ chúng ta từ tứ phía...”

Thực sự, Ginger sắp hối hận đến nơi. Anh ta cứng miệng: “Không. Cuộc trò chuyện này thực sự khiến tôi say mê.”

“Nhưng anh càng lúc càng đề phòng tôi hơn!”

“Không.” Ginger nhắc lại. “Tôi chỉ nghi ngờ chung thôi, cũng như hai khách trọ tôi vừa đề cập.”

“Thế thì anh nhầm rồi!”

“Nhầm gì?”

“Vì đã nghi ngờ hai người đó...”

“Điều gì khiến ông nghĩ vậy?”

“Bởi vì họ vô tội!”

Ginger cảm thấy yếu ớt lạ. Hang động đen tối đối diện với anh. Anh đã có thể tránh xa nó... Nhưng anh lại chui đầu vào: “Điều đó có nghĩa là...?”

“Ừ.”

Người kia nói với giọng bình thản: “Có một tên cớm kia, ngay

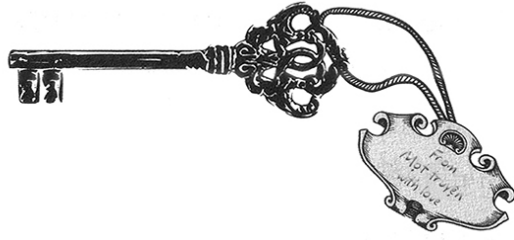
bên kia quảng trường. Gọi gã đi, nếu trái tim anh mách bảo!”

Anh ký giả nhìn về phía được chỉ.

Vào giây đó, người bạn đồng hành của anh đút tay vào túi, lùi sau một bước, nhấc cánh tay lên và đập xuống.

Không một tiếng hét, Ginger đổ gục, mặt chấm đất. Nguyện vọng sơ suất của anh đã thành hiện thực.

Anh đã gặp được ngài Smith.



17. “NGÀI VALÉRIE THÂN MẾN!”

“**N**hưng... Hung khí ở đâu?” Robin rống lên khi Strickland chuẩn bị ra ngoài. “Ít nhất thì ông đã phải tìm thấy hung khí chứ!”

“Đúng... Miễn là nó còn ở nhà trọ.”

“Ý ông là sao?”

“Kể từ khi nhà số 21 quảng trường Russel nằm trong tầm giám sát của chúng ta, ngài Smith đã gây ra ba vụ án mới, trong đó có hai vụ tại các nơi công cộng. Hãy thử giả sử - mặc dù khó tin - rằng ông ta đã tìm ra một nơi giấu đồ ngay trong nhà bà Hobson mà chúng ta không thể tìm thấy. Liệu ông ta có thể mang theo túi cát vào ngày thứ Ba tuần trước và tối qua khi rời khỏi nhà? Ông ta có dám không? Tất nhiên là không! Nếu lúc đó chúng tôi kiểm tra thì ông ta đã thất bại!”

“Vậy ông giải thích tại sao tất cả các nạn nhân - ngoại trừ ông Julie - đều bị tấn công bằng cùng một hung khí?”

“Rất đơn giản. Trước khi sát hại ông giáo sư, khi vẫn được đi lại tự do, ngài Smith đã phải tìm kiếm một nơi giấu đồ bên ngoài, vì hẳn đoán được nhà trọ sẽ bị theo dõi chặt chẽ sau vụ án. Vậy nên hẳn có thể ra vào mà không mang theo gì.”

“Các con đường ở London không có nhiều nơi chứa đồ kiểu vậy.”

“Các con đường thì không, nhưng các công viên và quảng trường thì có. Có thể hung khí đang nằm dưới bụi cây hoặc trong đất mềm.”

“Người đi dạo, trẻ em có thể tình cờ phát hiện ra.”

“Và thế thì sao? Vải không giữ được dấu vân tay.”

“Đúng. Nhưng nếu bị phát hiện thì ngài Smith mất vũ khí.”

“Tạm thời thôi. Và bị mất vũ khí còn tốt hơn bị treo cổ!”

Robin đã nhấn chìm cô gái nhỏ màu xanh ông vẽ trên tấm trải bàn dưới làn nước biển cuộn sóng.

“Vĩnh biệt các bằng chứng xác thực! Chúng ta lục soát một căn nhà. Không ai lục soát cả một thành phố!”

“Đặt mục tiêu trong một phường đã. Tốc độ ngài Smith trở lại nhà trọ sau khi phạm tội giúp ta hạn chế phạm vi tìm kiếm trong khu vực lân cận quảng trường Russell. Sau khi Collins bị bắt, người có vẻ như đặt dấu chấm hết cho vụ án này, các thanh tra giám sát nhà số 21 chỉ cần ghi lại thời gian khách trọ nam đi đi về về tùy ý. Vụ án mạng của bà Dunscombe đã khiến họ phải tiếp tục theo dõi. Có vẻ họ đã bỏ qua việc này?”

“Tôi sẽ biết sớm thôi.”

Khi trở về văn phòng của mình, Strickland gọi các thanh tra Silver, Fusby và Hapgood đến.

“Xác của ông Lawson, ký giả tạp chí *Night and Day*, được tìm thấy vào bình minh, nằm ở góc quảng trường Lincoln's Inn Fields. Theo bác sĩ Hancock, vụ án do ngài Smith gây ra xảy đến vào khoảng mười một giờ tối. Các cậu đã được giao nhiệm vụ theo dõi

ông Crabtree, giáo sư Lalla-Poor và ông Andreyew... Trong ba người, ai đã bị mất dấu người mình theo dõi?”

Ba thanh tra này ngượng ngùng liếc nhau.

“Thiếu tá Fairchild đã ra ngoài vào khoảng chín giờ.” Hapgood nói. “Ông ta đã đi bốn vòng quanh quảng trường với tốc độ nhanh, va chạm với khoảng sáu người trên đường. Sau đó, ông ấy quay về và không ra ngoài nữa.”

“Tôi không quan tâm đến thiếu tá Fairchild! Hãy nói cho tôi về ba người còn lại.”

“Gã đàn ông người Ấn Độ ra ngoài lúc tám giờ hai mươi tám phút. Ông ấy đã đi quanh quảng trường Woburn, đi qua quảng trường Gordon, đến công viên Gordon Square, và ở đó...”

“Ông ta hô biến hả?”

Mặt Hapgood đỏ bừng như một bông hoa dâm bụt: “Tôi đã nói rằng sương mù thực sự đã nuốt chửng ông ấy.”

“Sau đó?”

“Tôi tiếp tục giám sát trước nhà số 21. Thấy tu đã trở về lúc mười một giờ bốn mươi lăm phút.”

“Đến lượt anh, Silver! Andreyew đã làm gì? Tôi đoán ông ta cũng ra ngoài?”

“Đúng vậy, thưa ông. Lúc tám giờ mười. Ông ta có vẻ không hài lòng khi thấy tôi và đã quay lại nhìn tôi nhiều lần. Tôi mất dấu ông ta tại đường Theobalds.”

Silver cảm thấy cần phải tự bào chữa. Nhưng anh ta thiếu trí tưởng tượng. Anh ta kết luận: “Tôi nói rằng sương mù thực sự đã

nuốt chửng ông ấy.”

“Tốt lắm! Ông ta trở về lúc nào?”

“Mười hai giờ bốn mươi hai phút.”

“Còn ông Crabtree...”

“Ông ấy ra ngoài lúc tám giờ rưỡi.” Fusby nói nhanh, giờ anh ta hồi hận vì đã lên tiếng cuối cùng. “Ông ấy trở về lúc mười một giờ năm mươi. Ông ấy ban đầu có vẻ hồi hã. Sau đó, ông ấy đã dừng lại trước các cửa hàng, rạp hát, rạp chiếu phim. Tôi đã theo dõi ông ấy đến Haymarket...”

“Nơi mà, để tôi đoán, sương mù thực sự đã nuốt chửng ông ấy?”

“Phần nào, thưa ông.”

Fusby dừng cảm hơn: “Tôi không bao giờ bỏ lỡ người mình theo dõi... Tôi vẫn thấy ông ta!”

Từ cửa sổ của mình, ông Andreyew thấy chiếc xe cảnh sát đậu trước nhà trọ và người luôn bình tĩnh như ông cũng cảm thấy bất an trong một phút. Vận mệnh đã được quyết định! Cảnh sát đang đến để bắt con mồi của chúng!

Ông tiến lại gần ống khói và tự nhìn vào gương, trong khi diễn vẻ mặt của tên tội phạm bị truy nã, sau đó là của người phiêu lưu vô tư lự.

Khi ông nhẹ nhàng cười, có tiếng gõ cửa và giọng nói của một người phụ nữ gọi tên ông.

Ông đi mở cửa. Bà Hobson bước vào với tiếng váy lụa sột soạt. Bà ấy trông có vẻ hoảng hốt.

“Tôi đã muốn thông báo cho ông!” Bà ấy vừa nói vừa thở hỗn

hển. “Bác sĩ Hyde vô tội... Tên quái vật Smith đã gây ra một vụ án mới!”

“Khi nào?”

“Tối hôm qua. Cảnh sát đang lùng sục trong nhà. Họ muốn hỏi ông, ông Crabtree và thầy Lalla-Poor.”

Ông Andreyew tiếp tục diễn vở kịch mà ông đóng vai chính mình: “*Boje moi...*”^[26] Tôi thua mất!”

Ông ta trộm quan sát bà Hobson. Ông thấy bà run rẩy, liền tận dụng cơ hội: “Tôi không được phép tiết lộ cho họ tôi đã làm gì trong buổi tối! Và tôi đã từ chối khai báo cho họ những gì tôi đã làm, trong lúc bà Dunscombe bị giết!”

“Tại sao?”

“Vì tôi đang ở nhà một người phụ nữ.”

“Còn tối hôm qua?”

“Tối hôm qua cũng vậy!”

“Vẫn người phụ nữ đó sao?”

“Không, một người khác.”

Bà Hobson đe dọa ông bằng ngón tay: “Đồ tồi! Tôi nên ngừng quan tâm ông... nhưng tôi không thể!”

“Valérie thân mến!” Người đàn ông Nga nói và nắm lấy tay bà.

Ông ta nói thêm với vẻ khéo léo hiếm có: “Gọi tôi là Boris.”

Bà Hobson tái đi. Dường như bà đang đấu tranh mạnh mẽ với chính mình.

“Nghe này... Họ không được bắt ông! Tôi sẽ nói rằng chúng ta đã ở bên nhau cả tối...”

“Ở đâu?”

“Trong phòng làm việc nhỏ của tôi.”

“Có thể có nhiều khách trọ chứng thực ngược lại.”

“Trong phòng ngủ của tôi thì sao!”

“Họ sẽ hỏi tôi đang làm gì ở đó.”

“Nói với họ... Ông biết phải nói gì mà!” Ông Andreyew bắt chước một cảm xúc chân thành mà ông sắp cảm nhận được.

“Một sự hy sinh như vậy...” Ông bắt đầu.

Bà Hobson cắt lời: “Hoạn nạn mới thấy chân tình.” Bà nói một cách đơn giản.

Bà ta khép hờ mắt, ngẩng đầu. Andreyew ôm vai bà và họ trải qua khoảnh khắc dài, yên lặng. Họ không hôn nhau. Tuy nhiên, sau này, Valérie Hobson không bao giờ gọi lại cảnh đấy mà không cảm nhận được hơi thở của Boris trên môi mình.

“Không.” Người đàn ông Nga nói. “Hobson thân yêu, tôi cảm ơn bà từ sâu thẳm con tim. Nhưng tôi sẽ tự kéo mình lên hoặc chết chìm một mình trong nước biển. Điều gì...?”

Tấm ván sàn ngoài hành lang kêu rắc. Ông ta mở tung cửa và bắt lấy ông Crabtree đang tiến thẳng lên cầu thang.

“Ông đã nghe hả?” Ông ta tức giận hỏi.

“Không, không!” Ông Crabtree trả lời. “Tôi... Tôi đang đi xuống thôi.”

Strickland thăm vấn giáo sư Lalla-Poor đầu tiên, người cho biết đã đi xem phim tối hôm qua và không nhận thấy mình bị theo dõi.

Sau đó, ông gọi ông Crabtree và kinh ngạc khi thấy ông ta bước

vào một mình.

“Vợ tôi đi thăm bệnh.” Ông Crabtree giải thích. “Tôi đã tận dụng cơ hội để gặp bạn bè của tôi hôm qua.”

“Ông hẹn bạn ở đâu?”

“Ở một nhà trọ chỗ công viên Finsbury Circus.”

“Lúc mấy giờ?”

“Chín giờ.”

“Kỳ quái! Khi đó, ông đang lang thang ở Haymarket, bị một trong những người của tôi theo dõi!”

Ông Crabtree khẽ rên: “Đừng tiết lộ bí mật của tôi! Tôi... vợ tôi tin rằng tôi thường xuyên gặp gỡ những người bạn cũ. Nhưng thành thật mà nói, tôi thích dành những giờ tự do hiếm có của mình, có khi ở rạp hát, có khi ở rạp chiếu phim. Đôi khi tôi cũng dạo chơi mà không có đích đến cụ thể, đi lang thang mạo hiểm, nếu tôi dám nói thế...”

Người đàn ông thấp bé có vẻ thành thật. Tuy nhiên, khi Strickland định thảo luận tiếp với ông ta thì Storey vào và mang theo một bức thư không dán tem đề tên ông ta in hoa.

“Tôi vừa tìm thấy nó gài ở gương treo áo... Năm phút trước, nó còn chưa có ở đây.”

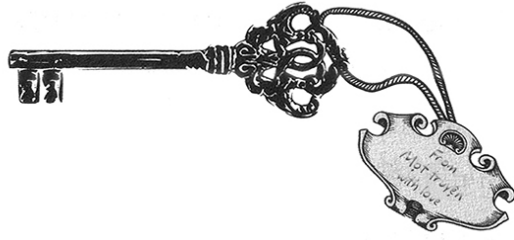
Strickland mở bức thư và lấy ra một tờ giấy giản dị, với các con chữ được cắt từ nhiều tờ báo khác nhau ghép lại thành dòng chữ dưới đây:

Nếu Collins cà lăm (bégaye) và Hyde cà nhắc (boite), Andreyeu thêu thùa (brode). Hãy xem kĩ áo khoác của ông ta và hỏi ông ta

làm gì vào chiều hôm qua, ở quán rượu Savoy, cùng với ông Lauson.

“Cái thằng Silver chẳng bảo gì với mình cả!” Strickland thầm nghĩ. “Thằng ngu này!”

Ông quay mặt về phía Storey và đưa bức thư cho anh ta: “Chúng ta có một đồng minh tự nguyện! Đi tới quầy bar Savoy. Hỏi ông chủ và nhân viên ở đấy. Nếu cần, tìm kiếm những khách hàng có mặt ở đó chiều hôm qua. Sau khi được xác nhận, gọi cho tôi! Bảo Fuller kiểm tra kỹ tất cả những chiếc áo treo trên gương treo áo; bảo Head triệu tập Silver ngay lập tức; kêu Mordaunt đến gặp tôi... Và đưa Andreyew vào!”



18. NGÀI SMITH = ANDREYEW

Andreyew bước vào và nói: “Tôi sẵn sàng!” Ông ta đang hút một điếu thuốc lá bọc bằng giấy *carton*, cầm một bộ dụng cụ vệ sinh da lợn trong tay và trông vui vẻ như khi chuẩn bị đi chơi cuối tuần.

“Sẵn sàng... làm gì?” Strickland lẩm bẩm.

“Đi theo ông.”

“Tôi không hiểu!”

“Thế là... Ngài Smith đã không phạm tội mới và ông không có ý định bắt tôi?”

“Ai nói cho ông biết ngài Smith đã phạm tội mới?”

“Không ai cả. Tôi biết ngay khi chiếc xe của ông - chiếc xe đã đưa Collins đi, sau đó là Hyde - dừng trước ngôi nhà. Và tôi đã chờ đợi bị bắt từ ngày 28 tháng Một, ngày ông Julie bị sát hại... Vì thế đó!”

Người đàn ông Nga đưa tay vào túi áo và lấy ra một tác phẩm thêu đa sắc lên bàn: “*De mortuis non maledicendum...* [\[27\]](#) Dù sao thì, ông giáo sư nhỏ bé này nên viết thêm một chữ nữa! Thế sẽ dễ phân biệt đối thủ hơn!”

Strickland thông thả xem tác phẩm thêu mà vẫn còn vết mũi

kim. Sau đó, ông gấp nó cẩn thận lại: “Ông ở đâu và làm gì vào tối qua, từ tám giờ đến nửa đêm?”

“Tôi sợ rằng câu trả lời của tôi có vẻ đơn điệu. Tôi ở cùng một người phụ nữ.”

Strickland không che giấu hoài nghi: “Ở cùng người phụ nữ sống tại Belgravia và pha trà trong ấm *samovar*?”

“Không. Cùng một cô gái trẻ sống ở Chelsea, cocktail được ưa chuộng hơn.”

“Nhưng ông buộc phải giấu danh tính của cô ấy?”

“Thì thế!”

“Trong trường hợp này, trước khi đi xa hơn, tôi nghĩ tôi cần cảnh báo ông rằng tất cả câu trả lời của ông sẽ được ghi lại và có thể được sử dụng làm chứng cứ trước tòa... Cậu đã ghi chưa, Mordaunt?”

“Thậm chí cả những đoạn im lặng!” Mordaunt nói.

Trong khi đó, Andreyew, không nói một lời. Tuy nhiên, ông ta cười mỉa mai đầy ẩn ý: “Chúng ta đã đến đây rồi!”

Strickland tiếp tục: “Ông đã làm gì vào buổi chiều hôm qua?”

“Ông còn rõ hơn tôi. Người của ông không rời mắt khỏi tôi lấy một phút.”

“Tôi nhắc lại, ông đã làm gì vào buổi chiều hôm qua?”

“Tôi dạo chơi trong bảo tàng lịch sử tự nhiên ở South Kensington, giữa những con voi ma mút và những con khủng long.”

“Ông không hy vọng tôi sẽ tin ông chứ?”

“Không. Tất nhiên là không!”

“Tại sao ông lại nói dối?”

“Để làm cuộc trò chuyện thêm phần phong phú! Ông hỏi tôi nhiều câu hỏi mà ông đã biết trước câu trả lời!”

“Rất tốt! Ông có thừa nhận rằng ông đã gặp Ginger Lawson, ký giả của tờ *Night and Day*, tại quán rượu Savoy không?”

“Có. Tại sao không?”

“Với mục đích gì?”

“Chàng trai tội nghiệp - Chúa hãy phù hộ linh hồn anh ta - đã yêu cầu tôi viết một loạt bài báo về những diễn viên vô hình, như diễn viên lồng tiếng chẳng hạn, chỉ có thể tiếp xúc với khán giả thông qua giọng nói của họ. *Night and Day* đề nghị tôi năm bảng cho mỗi “bài viết”. Tôi muốn mười bảng. Chúng tôi đã thỏa thuận xong.”

“Ông vừa nói: *Chúa hãy phù hộ linh hồn anh ta*. Vì lý do gì?”

“Có vẻ như tôi tin vào sự sống sau cái chết!”

“Tôi hiểu. Nhưng nếu việc chúng tôi xuất hiện từ sáng sớm đã giúp ông kết luận rằng ngài Smith đã có thêm nạn nhân mới, thì cũng không thể nói rằng việc đó đã tiết lộ cho ông danh tính của nạn nhân! Ai đã cho ông biết?”

“Một cấp dưới của ông.”

“Một cấp dưới của tôi! Đứa nào?”

“Tôi không biết. Họ gồm hai người đang hỏi một người khách trọ ở tầng trệt, trong lúc tôi đang đi xuống cầu thang. Họ tránh xa khi tôi đến gần. Nhưng hơi muộn một chút!”

Một tiếng gõ cửa ngăn Strickland không thể tiếp tục nói về vấn đề này. Fuller bước vào, mang trên tay chiếc áo khoác của người Nga. Gương mặt bình thường của anh ta truyền đạt niềm vui vì khám phá mới.

“Rồi sao?” Strickland nói.

Ông duỗi tay ra. Fuller đưa ông chiếc áo với các đường may bị rách và từ đó rơi xuống hàng chục tấm danh thiếp như bướm trắng. “Ngài Smith!” Viên chánh thanh tra đọc to. “Ngài Smith... ngài Smith...”

Ánh mắt của ông dừng lại trên người ông diễn viên: “Cái này cần một lời giải thích, Andreyew!”

“Tôi rất vui khi nghe ông nói vậy!” Andreyew trả lời không chút vội vã.

Ông ta lấy một tờ danh thiếp lên và xem xét các mặt: “Kỳ quái! Máy mẫu giấy này nằm ở trong túi hay trong tay áo tôi?”

Strickland ra hiệu Fuller trả lời.

“Ở dưới cùng của áo khoác... Giữa lớp vải và lớp lót.”

“Tôi hiểu rồi...” Người đàn ông Nga trầm ngâm nói. “Sau rốt, trong nhà này, chỉ có tôi biết cầm kim chắc?”

Strickland nhướng mày. “Đến giờ ông còn có thể bảo không biết sao mấy cái danh thiếp này ở trong áo ông hả?”

“Thì đúng rồi! Tôi cảm thấy nó hơi nặng một chút, nhưng tôi không hề nghĩ...”

“Mỉa mai đủ rồi đấy, ông Andreyew!”

“Mỗi ngày, áo khoác của tôi đều treo ở giá trong nhiều giờ... và

cả đêm. Vậy thì ai cũng có thể để đồng danh thiếp này vào đó.”

“Xui cho ông, sự việc đã chứng minh ông Collins và bác sĩ Hyde vô tội. Và chúng tôi chưa bao giờ nghi ngờ nghiêm túc những khách trọ khác, cáo buộc của ông Julie chỉ áp dụng cho ba ông.”

“Thật sao? Tuy nhiên, tôi nghĩ không thiếu những động từ tiếng Pháp bắt đầu bằng chữ b!”

“Không. Nhưng ông không tìm thấy sáu động từ mà kẻ hấp hối chỉ tên hung thủ. Với *bégayer* hoặc *bafouiller* (nói cà lăm), *boiter* (đi cà nhắc) và *broder* (thêu thùa), chúng tôi cạn suy nghĩ rồi.”

Andreyew thổi một hơi khói lên trần nhà: “Ồ, hôm nào tôi phải mua một quyển từ điển *Littre*^[28] mới được!”

“Tôi e rằng ông sẽ không có cơ hội. Những tờ danh thiếp này là bằng chứng thép... Ông nên thú tội!”

Người đàn ông Nga ngồi lại, đặt một đầu gối vào trong đôi bàn tay đan chéo: “Xin lỗi! Chúng sẽ là chứng cứ mạnh mẽ nếu có dấu vân tay... Nhưng chúng không có!”

“Làm sao mà ông biết điều đó được?”

“Hôm nay là lần đầu tiên tôi thấy chúng, tôi cũng không để lại dấu vân tay của mình trên đó. Và thủ phạm thực sự không ngốc đến mức tự làm mình lộ như vậy.”

“Tất cả đều là triết lý giả dối! Ông chỉ có một cách để thuyết phục chúng tôi rằng ông vô tội... Nói cho chúng tôi tên cô gái mà ông bảo là đã ở cùng vào tối qua. ”

“Không thể, tôi rất lấy làm tiếc.”

“Thế tên của người phụ nữ mà ông gặp vào chiều thứ Ba thì

sao?”

“Không được.”

“Không một tòa án nào có thể chấp nhận việc ông liên tục gặp gỡ những phụ nữ bị hạn chế bởi tình trạng xã hội của họ nên không thể làm chứng cho ông, trong khi tình huống có thể đặt ông vào tình thế bắt buộc phải cung cấp một bằng chứng ngoại phạm cho chúng tôi bất kì lúc nào.”

“Ai biết được? Không phải tất cả các hội đồng xét xử đều bao gồm những người cứng nhắc và ngu đần sao?”

“Tại sao ông giết Lawson? Để cướp tài sản giống như các nạn nhân trước đó của ông hay vì anh ta đã nảy sinh nghi ngờ cụ thể về ông?”

“Trong hai động cơ đó, cái nào thuận tiện hơn cho ông?”
“Không phải về điều tôi thích. Hãy trả lời câu hỏi của tôi!”

“*Choroscho*^[29] ! Tôi đã giết Lawson ở thế giới khác vì anh ta đề xuất hợp tác với tôi để kiếm ít nhất là một trăm bảng.”

Điện thoại đã đổ chuông một thời gian. Ai đó bắt máy, sau đó nghe thấy tiếng bước chân nhanh chóng và bà Hobson mở cửa.

“Của ông, thanh tra.”

Nhưng bà chỉ nhìn vào Andreyew.

“Tôi cảm ơn.” Strickland nói.

Một chốc sau, ông nhắc ống nghe: “Alô!”

“Tôi đang ở quán rượu Savoy.” Giọng Storey trả lời ngay lập tức. “Adams, người đứng quầy, nhớ rất rõ rằng chiều hôm qua, khoảng năm giờ, ông thấy anh Lawson, mà ông biết đã lâu, đang

ở cùng một người đàn ông có những đặc điểm của người Nga. Cậu ký giả đã trả tiền cho đồ uống bằng một tờ năm bảng và ví của anh ấy, tôi nghe nói, chứa rất nhiều tờ tiền mệnh giá tương tự.”

“Adams có đang ở gần cậu không?”

“Có.”

“Hỏi anh ta ước tính số tiền trong ví đi.”

Một lúc sau.

“Adams không dám khẳng định gì. Tuy nhiên, anh ta cho rằng Lawson hẳn đã mang theo một số tiền tương đương năm mươi bảng.”

“Tốt lắm. Người bạn của cậu, người đứng quầy, sẽ được trích dẫn trong cuộc điều tra.”

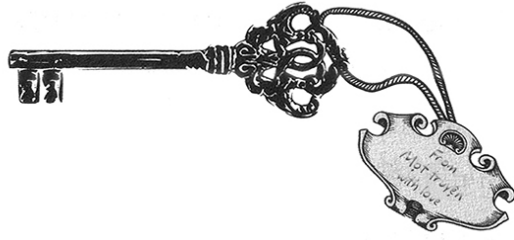
Strickland cúp điện thoại và trở lại phòng khách. “Chúng ta sẽ tiếp tục cuộc trò chuyện này tại Scotland Yard, ông Andreyew!” Ông nói khi bước vào. “Cái chết của Lawson - chỉ là người phát ngôn cho báo của mình - không gây thiệt hại cho ông. Nó đã mang lại cho ông khoảng năm mươi bảng tiền mặt.”

“Ồ, thế ư?”

“Trước đó, tôi luôn tự đặt câu hỏi tại sao ông chọn nạn nhân dựa trên vẻ bề ngoài. Không ai thích làm việc không mục đích gì, giống như trong vụ việc Derwent... Tôi hiểu rõ hơn về hành động của ông ngày hôm qua! Khi gặp nhau vào buổi chiều, ở một nơi Lawson phải mở ví tiền trước mặt ông, người mà ông định giết lúc sau. Hết sức tinh vi! Vậy ông không cần phải trả lời câu hỏi tôi đã hỏi trước khi ra khỏi phòng. Ông Adams, người đứng quầy của

Savoy, đã trả lời câu hỏi đó thay ông. Việc ăn cắp ví Lawson không lừa được chúng tôi. Chắc chắn ông đã sát hại anh ta vì tham lam, giống như những người khác.”

“Rất vui được biết điều đó!” Ông Andreyew nói. “Chúng ta đi được chưa?”



19. TRỜI QUANG MÂY TẠNH

Khi bác sĩ Hyde trở về nhà trọ Victoria, ông được tiếp đón bằng thái độ lạnh lùng. Chẳng tiếng hoan hô, cũng chẳng có bánh kem. Ông không khiến người khác đồng cảm như bạn trọ bất hạnh của ông và cá nhân bà Hobson cảm thấy ông có trách nhiệm với việc Boris Andreyew bị bắt. Người đàn ông Nga phải đi khiến bà chìm trong bể sầu. Người ta thường chỉ thấy bà trong bữa trưa và tối, với đôi mắt đỏ hoe và ngực chứa đầy những tiếng thở dài.

Giới báo chí ngày càng đông đảo hơn, khéo luồn lách hơn. Những kẻ tò mò cũng vậy. Họ bao vây khu phòng trọ như một hàng rào không thể xâm nhập. Và cảnh sát! Họ xuất hiện ở khắp mọi nơi, lục lọi trong tủ, quan sát dưới gầm giường. Một số người nâng từng tấm gỗ sàn, người thì đập vào tường. Hỏi họ đang tìm gì, họ đáp lại bằng tiếng càu nhàu hoặc hỏi ngược lại. Thật ra, dường như họ cũng không rõ ràng. Có lẽ đó là chiếc túi cát mất tích, tiền của nạn nhân và trang sức của bà Dunscombe.

Sự hiện diện rầy rà của họ khiến Thiếu tá Fairchild tức giận.

“Trước đây tôi chưa từng bị bắt kính như vậy!” Một hôm, ông nói trong bữa trưa. “Tôi thề, sắp tới họ sẽ hỏi tôi tại sao lại đặt kính mắt đơn lên mắt phải thay vì mắt trái.”

“Đúng vậy!” Cô Pawter đáp lại. “Tôi cũng đang tìm lý do.”

Một điều duy nhất làm thiếu tá cảm thấy an ủi: thái độ hung

hãng của các bài báo về vụ việc. Phố Fleet - đặc biệt là khi một ký giả cũng trở thành nạn nhân - phê phán những phương pháp của Scotland Yard và các tờ báo của phe đối lập đã kêu gọi thất vọng với những người đứng đầu cảnh sát.

“Giờ mọi người thường trêu chọc Sherlock Holmes và phương pháp quá đơn giản của ông ấy.” Tờ *Clarion* đã viết: *Không thể phủ nhận nhân vật chính của ngài Conan Doyle thật sự vượt trội hơn nhiều so với chánh thanh tra Strickland... Anh ta luôn đúng.*

Tờ *Despatch* cũng đăng: *Chúng ta hãy vui mừng rằng nhà trợ Victoria chỉ chứa một nửa tá nghi phạm. Chúng ta phải đề phòng trong tương lai nếu ngài Smith đang ẩn mình trong một khách sạn xa xỉ!*

Trời quang mây tạnh

Tuy nhiên, kỷ lục của tính tinh quái cuối cùng thuộc về tờ *Fifer*, với một hình vẽ của J. J. Travers trên trang nhất. Anh ta đã minh họa một nhóm năm người rời Scotland Yard và được mọi người kính trọng như những người vô tội bị nghi oan và, phía bên kia, có một người, người thứ sáu, đang giết một người qua đường trước vẻ mặt hoang mang của thanh tra Strickland.

Dưới hình ảnh, là một câu mô tả ngắn gọn:

Phải ngài Smith đây không?

Ông Collins đã đầu hàng sau ba ngày rưỡi thẩm vấn.

Bác sĩ Hyde đã im lặng coi thường cho đến khi ông được thả tự do.

Ông Andreyew lại nhận tội ngay.

Vừa ngồi trên chiếc ghế tồi tàn trong văn phòng nghi ngút khói thuốc, đôi mắt bồng vì ánh đèn sáng rọi, ông đã trả lời khẳng khái cho tất cả các câu hỏi.

Phải, ông đã hẹn gặp Ginger Lawson với mục đích đảm bảo ví của anh ta đáng giá cướp. Phải, ông đã giết chết tay ký giả vào buổi tối, dễ dàng hết như những nạn nhân trước đó của ông. Phải, ông đã...

Nhưng đó là những câu trả lời chuẩn xác cố ý một cách vụng về, thường đi kèm với những bình luận châm biếm, những câu trả lời khẳng định mang ý nghĩa phủ định.

Ví dụ, khi hỏi ông ta đã làm gì với số tiền cướp được? “Tôi quên chi tiết này rồi.” Ông trả lời. Và hung khí ở đâu? “Nó nằm ở nghĩa trang chó trong Hyde Park, giữa mộ của Flocky nào đó và Daisy Belle nào đó.”

Strickland nghe tất cả điều này mà không thèm chớp mắt. Nhưng những người khác không hề dễ chịu. Hiếm khi có tù nhân nào có thể chống lại cuộc thẩm vấn chặt. Tuy nhiên, Andreyew, sau Hyde, dường như đang trêu chọc những người tra tấn ông ta. Hai người trong vòng một tuần, điều này đã vượt quá sức chịu đựng!

Có một điều làm Strickland tò mò: Andreyew luôn cố gắng đáng kinh ngạc để nhìn vào góc bầu trời qua cửa sổ.

“Ông đang chờ đợi trợ giúp từ trên cao phỏng?” Một ngày nào đó, ông ta hỏi.

“Phải.” Người kia trả lời thẳng thắn.

Ông ta chua cay nói thêm: “Collins, bác sĩ và tôi có lẽ là những người duy nhất tại London mong rằng ngài Smith không bao giờ ngừng tay!”

Strickland tham gia vào trò chơi: “Hãy sẵn sàng thất vọng đi, trong trường hợp đó! Trời quang mây tạnh rồi.”

Viên chánh thanh tra nói đúng. Trước ngày 20 tháng Hai không có sương mù. Điều này không thể ngăn cản...

Sáng ngày 12, hai người đối diện nhau lần thứ n. Lần này, họ lại trao đổi mà không có kết quả.

“Chống cự sẽ không đưa ông đến đâu cả.” Strickland kiên nhẫn giải thích, giống như ông đã giải thích với Collins và Hyde, về “phương pháp phản kháng” của họ, tuy rất khác nhau. “Chúng tôi đã có đủ chứng cứ để thuyết phục bồi thẩm đoàn về tội lỗi của ông. Hành động như vậy chỉ khiến họ tức giận với ông thôi.”

“Giả sử tôi khẳng định vô tội. Ông có tin tôi không?”

“Không.”

“Vậy tại sao ông phải tự làm khó mình như thế? Tôi ghét sự cố gắng, đặc biệt là sự cố gắng vô ích!”

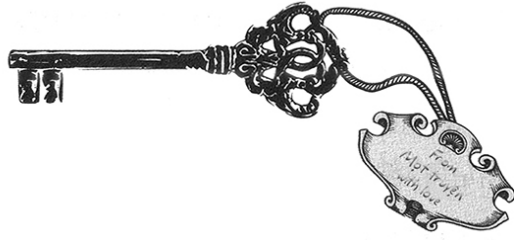
Strickland đang định trả lời thì chuông điện thoại reo lên.

“Alô!” Ông nói. “Ừ... Sao cơ? Ngài Smith bị sát hại ư? Không thể nào! Như thế nào? Bởi ngài Smith? Ừ... Ừ, tất nhiên... Rồi, tôi đến đây!”

Khi gác máy, ánh mắt ông di chuyển từ bầu trời xanh đến khuôn mặt cảnh giác của Andreyew.

“Điều bất ngờ đã xảy ra!” Ông ta cúi kính thưa nhận. “Người ta

mới phát hiện thi thể của một tay Allan Smith nào đó, nhà môi giới chứng khoán, trong con đường mòn hẹp ở công viên Hyde, gần cổng Grosvenor. Ông ta bị giết và cướp sạch từ kẻ cùng tên khát máu. Theo giám định pháp y, tội ác đã được thực hiện vào tối hôm qua, từ mười đến mười một giờ.”



20. ĐỐT CHÁY NGÀI SMITH

Lịch sử lặp lại, người ta nói vậy. Trường hợp của *Vụ án Smith*, sau vụ việc ở công viên Hyde, đã xuất hiện như một sự tái diễn không ngừng. Lần thứ ba, tên hung thủ trốn như chạch, bị cảnh sát khôn ngoan nhâ thế giới truy đuổi, đã để cho một người vô tội bị bắt giữ thay mình. Lần thứ ba, hãn đã buộc Scotland Yard phải thừa nhận sai lầm của bản thân bằng cách gây ra một vụ án mới.

“Chúng ta đang đối diện một bức tường!” Ngài Christopher Hunt nói một cách u ám trong cuộc họp chiều ngày 12. “Một bên là bốn người vô tội đã được chứng minh. Một bên là hai nghi phạm dường như không liên quan đến dòng chữ của ông Julie. Ông có lý do gì đó để nghi ngờ người này hơn người kia không?”

Đốt cháy ngài Smith

“Không.” Strickland thừa nhận. “Nếu họ không thể chứng minh họ vô tội, tôi cũng không thể chứng minh họ có tội.”

“Họ có khả năng sát hại ông Allan Smith không?”

“Bằng tất cả dấu hiệu, thì là không.”

Ngài Christopher không có tính điềm tĩnh như cấp dưới của ông.

“Ông đang nói nhằm gì vậy?” Ông ta hét lên.

“Đây là bản báo cáo của Hapgood, thưa ông. Hapgood đã theo dõi nhà trọ vào tối qua cùng với Flower. Ông Crabtree ra ngoài lúc mười chín giờ bốn mươi tám phút, lên xe buýt ở góc Southampton

Row và xuống ở quảng trường Piccadilly Circus. Sau một lúc đi dạo ngắn ngủi, ông ấy đã vào một rạp chiếu phim trên đường Regent, rạp New Gallery. Tôi đã mua một ghế gần ghế của ông ấy. Sau khi buổi chiếu phim kết thúc, ông Crabtree đã trở về nhà, cả đi bộ cả đi xe buýt.”

“Một bằng chứng ngoại phạm ấn tượng!” Ông Christopher đồng ý.

“Phải.” Robin xen vào, khi đang vẽ hai chú chó săn chạy trên một phong bì cũ. “Miễn là Hapgood nói thật...”

“Và tại sao cậu ta nói dối?”

“Cậu ta đã để vệt đổi tượng vào ngày mùng 1 tháng Hai. Ai mà thừa nhận hai lần thất bại như vậy?”

“Vào ngày án mạng của bà Dunscombe xảy ra.” Ngài Christopher nói tiếp. “Ông Crabtree khai là đã đi dạo trong các cửa hàng gần như cả buổi chiều. Đã tìm thấy người bán hàng giao dịch với ông ấy chưa?”

“Rồi, thưa ngài. Ít nhất là hai trong số họ. Thật không may, lời khai ấy chẳng giúp chúng ta được nhiều. Người đầu tiên không xác định được thời điểm cô ấy phục vụ người đàn ông này, người còn lại đã giao dịch với ông ấy khá lâu trước khi tội ác xảy ra.

“Còn Lalla-Poor?”

“Hiện ông ấy đang biểu diễn, có thể ngài đã biết, trong chương trình của Palladium đây. Flower đã theo dõi cho đến khi ông ấy vào rạp, và theo dõi các nghệ sĩ xuất hiện suốt buổi tối. Theo lời Flower, gã Ấn Độ không rời đi cho đến nửa đêm. Tuy nhiên, tôi dự định tới Palladium vào tối nay để đo thời gian mà giáo sư biểu diễn

trên sân khấu. Gã Ấn Độ có thể làm nhiều thứ.”

“Nhưng không thể đi xuyên tường, tôi nghĩ thế?” Robin hỏi.

Một bầy chó độc ác đang cố gắng bắt kịp hai con chó săn.

“Không, thưa ông.” Strickland trả lời một cách nghiêm túc. “Nhưng nếu ông ta là hung thủ, có thể ông ấy đã lén lút rời khỏi rạp sau khi hóa trang để lừa Flower. Chương trình bao gồm nhiều tiết mục của người Trung Quốc và những người da màu khác.”

Ngài Christopher dùng hết viên aspirin mà Phu nhân Hunt đã đặt trong túi áo. Cơn đau đầu đang nhức nhối xung quanh trán ông.

“Chúng ta không có tiến triển gì!” Ông bực bội. “Tại sao ngài Smith khỉ gió lại ra tay vào ngày nắng?”

“Bởi vì sương mù còn lâu mới tới!” Robin nói.

“Hắn có thể sống bằng thu nhập...”

“Đúng, nếu hắn không phải hóa thân của tội ác! Lần trước, Strickland đã giải thích khá tốt cho tôi. Ngài Smith, tự mãn với sức mạnh của mình, giết người hôm nay để thách thức chúng ta hơn là để cướp tiền...”

“Điên rồi! Ba lần, cơ hội đã xuất hiện trước mặt hắn để bắt ai đó gánh nợ thay mình.”

“Tội phạm kiêu của hắn thường thích khẳng định hành động của bản thân. Và có thể hắn có kế hoạch khác chăng?”

“Nhưng là gì mới được? Mỗi vụ án mới lại giảm khả năng thoát tội. Chúng ta chỉ còn lựa chọn giữa hai nghi phạm!”

Mọi người im lặng. Ba người đang cảm nhận rõ sự bất lực của

họ. Bóng ma đe dọa của ngài Smith đang vây quanh khắp cả.

“Có một giải pháp!” Robin bất ngờ nói. “Một trò chơi thì đúng hơn. Đưa cả Crabtree và gã Ấn Độ vào tù. Sau đó, chúng ta chờ đợi.”

“Chờ đợi cái gì?” Ông Christopher cộc cằn. “Chờ đợi họ thoát hả? Trong hai ngày qua, mỗi khi xe của tôi đi qua đê Victoria, tôi đều nghe những lời chửi rủa. Nếu ngài Leward Hughes không từ chối đề nghị từ chức của tôi...”

Ông giơ tay lên: “Ông đã không làm được gì nữa, Strickland! Ông chẳng thể tự hào về những gì ông đã làm cho tới bây giờ. Tôi nghi ngờ những người đồng nghiệp của ông cũng không làm được gì. Chúng ta phải...”

Lần thứ hai, có tiếng gõ cửa không ngại ngần. Strickland đi mở cửa. Đó là Storey, Storey đỏ mặt và rối bời, cà vạt lệch hẳn.

“Rồi sao?” Storey ra dấu cho viên chánh thanh tra tiến lại và nói nhỏ, đầy phấn khích.

“Chúng tôi đã tìm được hung khí, thưa ông!” Strickland thông báo sau một lúc. “Thuộc hạ của tôi đã tìm thấy nó trong tầng hầm của một căn nhà không có người ở, tại số 14, phố Ridgmount, treo trên một sợi dây, nối với một thanh sắt trên cửa hầm. Ngài Smith, khi hẳn tấn công bà Dunscombe, Lawson và ông Allan Smith, chỉ cần lấy nó... Đợt trước, ông có thể nhận ra cách tương tự được dùng để che đậy tiền lẻ ăn cắp của ông Julie.”

“Tôi muốn tin rằng mọi thứ vẫn như cũ chứ?”

“Vâng, thưa ông. Bao tải cát vẫn đang lủng lảng ở cuối sợi dây, căn nhà trông vẫn hoang tàn... Tóm lại, cái bẫy đã sẵn sàng hoạt

động!”

“Có bao nhiêu người đang ở đó?”

“Sáu, họ sẽ theo dõi cả ngày lẫn đêm, cứ bốn giờ lại đổi ca và duy trì liên lạc chặt chẽ với tôi.”

Strickland đột ngột kết thúc: “Như các ông đã biết, tôi đã thu thập dấu vân tay của tất cả những người khách trọ. Không có ai, ngoại trừ bác sĩ Hyde, từng xuất hiện trong hồ sơ của chúng ta. Tôi đã tạo lý lịch sơ lược tương đối chi tiết cho mỗi người và thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Tôi cuối cùng đã quan tâm đến số tiền Allan Smith mang theo. Nó thật ít ỏi. Một bảng, chín *shilling* và ba *penny*... Tôi còn có thể làm gì nữa?”

“Thuê một thám tử!” Robin đề xuất.

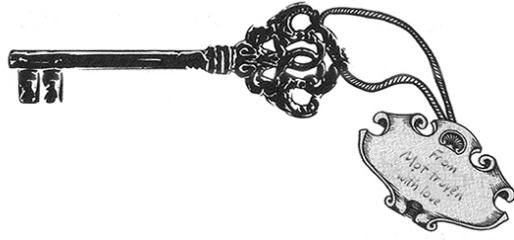
Vào lúc đó, hoặc gần lúc đó, Toby Marsh, đang chơi cờ hải chiến^[30] với người trông coi gã, dùng tay lau bàn.

“Không thể nào, chúng nó cố ý!” Gã hét lên trong cơn giận dữ. “Mười lăm ngày trong tù và vẫn chẳng có gì! Mười lăm ngày trước đây tôi đã nói với họ: “Thằng cha đó ở đường này, số nhà nọ!” Chúa ơi! Lũ cớm đó, đây hả? Tôi thành hòa thượng mất!”

“Làm ván nữa không Marsh?”

“Quý tha ma bắt ông và cái tàu ngư lôi chết tiệt đi! Ông sẽ thẳng sạch số tiền thưởng của tôi trước khi tôi được chạm vào nó mất!”

Trong khi đó, cô Holland vẫn đang viết: *Công chúa Váy bông nhẹ đến nỗi cô sẽ bay đi khi cơn gió thoảng qua...*



21. BỐN CHỮ “CÓ”

Thầy Lalla-Poor bắt đầu màn biểu diễn bằng cách biến một đồng xu thành một đóa hoa giả, rồi từ bó hoa thành chiếc ô, chiếc ô thành bình tưới, bình tưới thành con thỏ Nga, con thỏ Nga thành con gà Dorking. Ông giải thích rằng phần trình diễn đầy đủ còn đi kèm với một loạt biến đổi dần dần kết thúc bằng việc xuất hiện của một con voi trưởng thành mang theo người chỉ huy, nhưng người ta đã thấy họ từ chối thực hiện trình diễn biến hóa ngược lại. Vì vậy, tốt hơn hết là tin ông ta và để thế đi... Ông ta châm điếu thuốc, đặt cả điếu trong miệng, rồi nhả khói từ túi quần. Ông ta lấy ra một ấm trà trống, lật ngược nó lại và đọc một lời thần chú bí ẩn - thiếu tá Fairchild, ngồi ở hàng thứ năm, thề rằng đó không phải là tiếng *Punjab* - và cái ấm chảy ra lượng chất lỏng đổi màu liên tục đủ để đổ đầy sáu cốc rượu vang. Ông ta đặt một con mèo và một bộ bài năm mươi hai lá vào trong một chiếc hòm và khóa nó lại, sau đó ông ta điều hướng đến màn cửa sân khấu, rút ra bốn quân Át, đặt tay lên chiếc khăn xếp và rút ra bốn quân K, chặn gần lỗ thối, lấy ra bốn quân Q, và cứ thế tiếp tục cho đến khi bộ bài được thu về hết. Sau đó, ông ta đập vào hòm bằng cây gậy đen đầu bịt ngà và rút ra một gia đình chuột bạch. (Từ đây trở đi, ai nấy mong chờ ông ta hô biến cả dàn nhạc...) Ông ta xuống khán đài, yêu cầu sáu khán giả cả nam cả nữ viết tên của họ trên mảnh giấy, đặt những tờ giấy đã gấp thành bốn vào một chiếc nón, trộn lẫn chúng và trả lại ngẫu nhiên cho các chủ sở hữu, rồi ông ta lên sân khấu.

“Ông Barton.” Ông ta nói. “Ông có thể cho tôi biết giờ là mấy giờ?”

“Tất nhiên.” Ông Barton nói.

Nhưng ông ta không thể làm được. Đồng hồ của ông đã biến mất. Thay vào đó, ví của ông chứa một viên đá màu đã được đánh thành một chiếc trâm cài.

“Ông Knight.” Ông thầy tiếp tục. “Ông có thể nhường tôi điều thuốc không?”

“Làm sao ông biết tôi hút thuốc?” Ông Knight ngạc nhiên.

Ông ta đặt tay vào túi quần. Hộp đựng thuốc lá của ông đã không còn ở đấy nữa. Thay vào đó, ông thấy một cái kim cài cổ áo hình đầu hươu bên trên nơ của chiếc cổ áo vest.

“Bà Nutting, bà có thể kiểm tra trong túi xách không? Có thiếu cái gì không?”

Nutting, người đàn bà béo đậm ăn vận lờ lợt, thét không ra tiếng: “Hộp phấn của tôi! Kẻ gian đã ăn cắp hộp phấn của tôi!”

“Có lẽ nó đã thay đổi hình dáng chứ không phải bị mất?”

Bà Nutting tiếp tục lục tung túi xách với vẻ tức giận, sau đó, mọi người cười vui vẻ khi bà rút ra một cái tẩu bằng đá bọt.

Bằng cơ hỏi tên khán giả, thầy Lalla-Poor đã đánh cắp một đồ vật từ sáu người và khéo léo đánh tráo chúng.

“Hừm!” Strickland nói với Mordaunt. “Đó là tên trộm khéo léo nhất mà tôi từng thấy!”

Họ ngồi ở hàng thứ sáu, quan sát cùng một lúc cả gã Ấn Độ và bảy người ngồi trước mặt. Họ giống như đàn cừ tụ lại xung quanh người chăn dắt. Người nuôi bà Hobson; đàn cừ là cô Holland, cô Pawter, vợ chồng nhà Crabtree, ông Andreyew và thiếu tá

Fairchild.

“Chúng ta hãy ăn mừng để chào đón ông Andreyew ra tù!” Cô Pawter đề xuất trong bữa trưa. “Ai phản đối?”

Mọi người đều đồng ý, ngoại trừ thiếu tá Fairchild, trong tinh thần phản kháng, bác sĩ Hyde, càng lúc càng hần học loài người, và ông Collins, chưa hết tổn thương sau khi bị bắt. Dù sao, thiếu tá cũng theo số đông vào phút cuối cùng.

Tiết mục của thầy Lalla-Poor kết thúc bằng một màn tán dương rất hoành tráng. Những cuộn giấy màu được bàn tay vô hình ném ra, tung bay trong phòng, hoa giấy đa sắc và những lá cờ nhỏ với sắc màu nước Anh nổ ra ở bốn góc của sân khấu, bóng bay bay lên trần nhà. Ngay cả thầy tu Ấn Độ cũng biến mất một cách nhanh chóng và bất ngờ.

“Cậu có muốn ghé thăm buồng của ông ta không?” Strickland đề xuất.

Ông ta đã chuyển hướng ngay lập tức đến hậu trường. Mordaunt theo sau, sau khi khuyên Storey và Beard, đứng ở các hành lang, bí mật theo dõi bà Hobson và những người đồng hành của bà.

Trong khoảnh khắc nghỉ giữa các tiết mục, khán giả vẫn ngồi nguyên vị trí và, kết quả không mong đợi, quây nước chỉ kiếm được một nửa số tiền thường lệ. Đối với nhiều khán giả, những người đã nhận ra nhóm bà Hobson dựa trên những bức ảnh được công bố trên báo, buổi biểu diễn diễn ra trong khán phòng.

“Tôi khó có thể tin rằng ngài Smith đã vô tình tấn công vào một người cùng tên với mình.” Thiếu tá đột ngột nói.

“Tôi cũng vậy!” Ông Andreyew thừa nhận. “Tên kẻ sát nhân quốc gia của chúng ta thích hiệu ứng kịch tính. Hoặc tôi sai lầm, hoặc ông ta đã chọn ông Allan Smith để tạo ảnh hưởng...”

“Mà không cần quan tâm đến việc điều đó đem lại lợi ích gì cho hẳn?”

“Có vẻ như vậy.”

Thiếu tá sẵn sàng nói thêm, nhưng người đàn ông Nga đã hướng mắt về bà Hobson và không để ý đến ông ta nữa.

Buổi trình diễn kết thúc bằng bài hát truyền thống *God Save the King*, mọi người đồng loạt đến gặp ông thầy ở lối vào dành cho nghệ sĩ và ông Andreyew đề xuất kết thúc buổi tối tại một quán rượu Nga. Chủ quán từng là một vị trung tướng trong đội ngũ thủ vệ hoàng gia Nga, và cũng là bạn của ông.

“Ông thích thì cứ đi đi!” Thiếu tá cau mày. “Tôi thích giường của mình hơn.”

Vì cô Holland bắt đầu biểu lộ dấu hiệu mệt mỏi, nên ông ta quyết định đưa cô về.

Ở quán Isba, cô Powter tình cờ ngồi cạnh thầy Lalla-Poor, và bà Hobson ngồi cạnh ông Andreyew.

Người đàn ông Nga đã gọi món *zakouski* và *vodka*. Trong khi ông ta hướng dẫn cách thưởng thức tốt nhất cho các vị khách, một phụ nữ trẻ với ánh mắt bi thương xuất hiện và hát bài hát *Volga xinh đẹp*. Ban đầu là nhịp nhẹ, sau đó là nhịp nhanh. Nhịp nhanh, nhịp nhẹ. Nhịp nhẹ, nhịp nhanh. Một vũ công trong trang phục *Kozak* tung hứng với dao. Cuối cùng, một phụ nữ trẻ khác với vẻ bi

thương xuất hiện và ngân lên bài hát *Chú vịt con...* Boris Andreyew chạy đến bên cô ta, ôm cô vào vòng tay, xoay cô vòng quanh, hòa quyện giọng hát của ông và của cô. Khán giả vỗ tay tán thưởng.

“Charlie và tôi đã dự định đi đến Santa-Lucia...” Bà Hobson nói, khi ông ta ngồi lại bên bà.

Như thế bà đang tiếp tục một cuộc trò chuyện bắt đầu trước đó.

Andreyew quan tâm nhìn bà. Trong chiếc váy lụa đen xếp nếp dày, được ánh sáng vàng nghệ của sân khấu chạm nhẹ, làn da rạng ngời, đôi mắt lấp lánh, bà có một sức quyến rũ lạ lùng... Nói cho tròn, Boris cảm thấy bà có nét Nga.

“Charlie là ai?”

“Chồng tôi. Anh ấy đã đổ bệnh vào ngày cưới, rồi qua đời ba tuần sau đó.”

Bà do dự: “Tôi vẫn còn giữ những tờ rơi quảng cáo từ công ty du lịch...”

Boris Andreyew cảm thấy con dốc ông đi đang chùng hẳn xuống. Nhưng ông không ngại gì. Ông nói: “Bà nên đưa tôi xem chúng.”

Dưới khăn trải bàn, hai bàn tay của họ đã chạm nhau.

Ra khỏi nhà hát Palladium, Strickland gọi một chiếc taxi và đến công viên Hyde, gần cổng Grosvenor, nơi ông Allan Smith đã sai lầm khi dạo chơi trong đêm. Mordaunt đi bằng xe buýt và đến nơi sau Strickland. Storey đi tàu điện ngầm và đến gần cuối. Beard, bị bắt phải đi bộ, đến sau cùng.

Câu hỏi đặt ra là liệu thầy Lalla-Poor có đủ thời gian rời khỏi

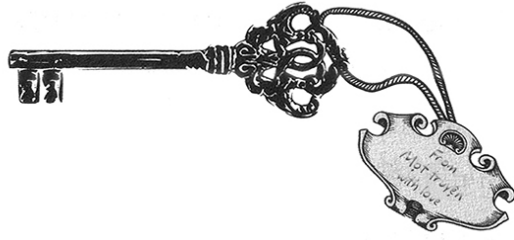
rạp hát và thực hiện vụ án, trước hoặc sau khi biểu diễn không.

“Rồi sao?” Strickland nói.

Bốn người đều cầm đồng hồ trong tay.

Họ tiến hành một loạt tính toán phức tạp - cộng tổng thời gian đi và thời gian về, tính X phút cho việc coi chừng, X phút cho việc tấn công và cướp bóc, dự phòng cho tình huống bất ngờ - và đồng lòng đi đến kết luận.

Trong cả bốn trường hợp, câu trả lời đều là có.



22. NGÀI SMITH = ?

Chúng ta đang đối diện với một bức tường!” Ngài Christopher Hunt đã hét lên vào buổi chiều ngày 12.

Ông ta nói không sai. Bức tường này cao dần lên, trong những ngày tiếp theo, cho đến khi chạm vào mây.

Cảnh sát trưởng, Robin, Strickland, tất cả đều cảm nhận bóng tối nặng nề của nó đè lên họ.

Dẫu vô ích, do mọi manh mối vẫn đang chồng chéo lên nhau, họ nghiên cứu vụ án từ tất cả các góc độ, như cách tìm lời giải cho một câu đố chữ hoặc trò giải ô chữ. Họ luôn rơi vào những kết luận không thể tin nổi...

Ngày 28 tháng Một, họ bắt giữ ông Collins. Tuần tiếp theo, sau vụ án mạng của bà Dunscombe, họ đã phải thả ông ta.

Ngày mùng 1 tháng Hai, họ bắt giữ bác sĩ Hyde. Ngày mùng 5, sau vụ án mạng của Ginger Lawson, họ đã phải thả ông ta.

Ngày mùng 5 tháng Hai, họ bắt giữ ông Andreyew. Ngày 12, sau vụ án mạng của ông Allan Smith, họ đã phải thả ông ta.

Ngày mùng 1 tháng Hai, ngày diễn ra vụ án mạng của bà Dunscombe, thiếu tá Fairchild đã cung cấp một chứng cứ ngoại phạm vững chắc.

Ngày 11 tháng Hai, ngày diễn ra vụ án mạng của ông Allan

Smith, ông Crabtree - theo lời của điều tra viên Hapgood, người được giao nhiệm vụ theo dõi ông - đã có hành động vô tội.

Chỉ có một người, giáo sư Lalla-Poor, có thể tấn công ông Allan Smith. Nhưng ông không dễ bị nghi ngờ. Trái lại - nếu tin điều tra viên Flower, người được giao nhiệm vụ giám sát ông ta - ngày 11, ông ta chỉ rời Palladium vào lúc mười hai giờ năm phút, trở về nhà một cách bình thường.

Trái với cảnh sát, dưới tác động ngu dại nào đó, giới báo chí và công chúng phản ứng cực kì mãnh liệt. Khắp nơi chỉ toàn là cuộc thảo luận kích động chuyển biến thành các cuộc ẩu đả, cãi vã, biểu tình phản nộ. Cảnh sát bị công kích và mắng mỏ. Mỗi ngày, bưu tá mang đến Scotland Yard một túi thư ẩn danh. Người gửi thường là đề xuất một cải cách cấp bách nào đó, còn không thì toàn là đe dọa hoặc tiên đoán kịch tính. Số lượng thám tử tự xưng gia tăng liên tục. Trong các quán trà, có thể thường xuyên nghe thấy những lời như thế này: “Nếu bà là cảnh sát trưởng, bà Dodd, bà sẽ thực hiện những biện pháp nào?” Và trong các hội nhóm: “Tớ nhắc lại với cậu, David, họ đã sai từ đầu! Smith hẳn là phái đẹp!” Tuy nhiên, từ khi mặt trời lặn, những người đã la hét mạnh mẽ nhất trong ngày lại về nhà khóa cửa cẩn thận. Ở một số khu vực, người ta có thể dạo chơi cho đến khi bình minh mà không gặp ai ngoài một con mèo bò ra khỏi một khe cửa để xâm nhập vào khe cửa khác.

Sáng ngày 17, Ngài Christopher hỏi Strickland xem ông ta đã đọc bài xã luận trên báo *Despatch* chưa. Viên chánh thanh tra bảo chưa.

“Vậy thì, hãy đọc nó đi!” Ngài Christopher nói, bất chợt đưa tờ báo cho ông ta.

“Khi một vấn đề như vụ án mà Scotland Yard phải giải quyết trông như không có giải pháp”. Tờ Despatch viết:

Có thể suy ra rằng các dữ kiện chính đã sai. Hãy nhớ về Bí ẩn trong căn phòng màu vàng, tác phẩm vĩ đại của nhà văn Pháp Gaston Leroux, nơi các tác giả tiểu thuyết trinh thám không ngừng lấy cảm hứng khác nhau trong hai mươi năm qua. Chỉ khi xem xét bí ẩn từ một góc độ mới, chúng ta mới có thể giải mã nó.

Theo quan điểm của chúng tôi, Scotland Yard đã phạm lỗi vì quá tin tưởng vào lời khai của Toby Marsh mà không hề nghi ngờ. Sau rốt, ai là Toby Marsh? Một gã lang thang, người đã từng bị kết án vì lừa đảo, một kẻ luôn luôn trong tình trạng sẵn sàng nói dối, bày trò bịp bợm. Chúng ta đã tin vào lời của gã. Phải chăng câu chuyện của gã, nếu không hoàn toàn là bịa đặt, cũng có chút thù dật? Liệu người đàn ông của chúng ta đã nhìn thấy, ngài Smith - vào ngày 26 tháng Một, khoảng mười chín giờ ba mươi phút - vào một ngôi nhà ở quảng trường Russel mà trong tình hình sương mù, gã không thể xác định cụ thể. Gã đã nói, với mục đích nhận được tiền thưởng đã búa: “Kẻ sát nhân ở nhà số 21”, trong khi tên hung thủ này có thể sống ở số 19 hoặc Số 23?

Chúng tôi đã thu thập thông tin. Số 19 và số 23 đều là những nhà trọ, do bà Mulliner điều hành một căn và cô Quillet là căn còn lại, cả hai đều là bạn tốt của bà Hobson.

Không gì là không thể, một lần nữa, ngài Smith, ở một trong hai nơi và được biết về khách trọ mới xuất hiện, nên đã xâm nhập vào nhà trọ Victoria qua mái, ví dụ thế, và sắp xếp mọi thủ để đổ oan cho những người vô tội?

Thay vì bám chặt vào nhà số 21, Scotland Yard nên điều tra buồng này và một số hướng khác.

“Chắc chắn phải thăm Toby Marsh.” Sau khi đọc xong, chánh thanh tra đồng ý.

Anh Marsh nói Strickland hãy xuống địa ngục. Gã không thêm cạo râu nữa và viễn cảnh ván cờ hải chiến khiến gã nghiêng răng.

“Tôi đã nói với ông, tôi đã thấy ngài Smith vào ngôi nhà số 21 và tôi nhắc lại!” Anh Marsh la lên. “Không phải số 44! Không phải số 62! Là số 21! Hắn đã đút tay vào túi, rút ra một chiếc chìa khóa...”

Một chiếc chìa khóa!

Strickland bắt lấy chi tiết bị lãng quên này như một chiếc phao cứu sinh. Bỏ lại Marsh, ông chạy đến nhà trọ Victoria.

“Một câu hỏi đơn giản, bà Hobson... Ai trong số những người khách trọ của bà có chìa khóa của cửa ra vào? Điều này rất quan trọng.”

“Nhưng... ai cũng có!” Bà Hobson trả lời.

Viên chánh thanh tra - giống như ba nghi phạm bị bắt trước đó - bắt đầu mong muốn sương mù trở lại. Nếu nó thực sự ảnh hưởng xấu đến tên sát nhân, vẫn còn hy vọng bắt giữ ngài Smith tận tay.

Ngày 20, vào khoảng chín giờ tối, đèn đường chẳng còn rọi được nhiều nữa, một màn sương mù bay lên từ sông Thames. Sương mù đã đến! Nó cứ dày lên cho đến chín giờ bốn mươi lăm phút. Sau đó, một cơn gió nhẹ nổi lên và thổi nó đi.

Sáng hôm sau, sương mù tái chiếm thành phố. Và màn sương dày đặc đến nỗi buộc phải đình chỉ mọi phương tiện giao thông. Strickland, vừa bước vào phòng làm việc, đã ngồi gần điện thoại và đợi. Nhưng vô ích. Biến cố nghiêm trọng nhất trong ngày là vụ án bắt cóc một người điều dưỡng có bằng cấp.

Ngày 24, vào buổi chiều, Storey, cùng với một số đồng nghiệp, đang theo dõi căn nhà trống số 14 phố Ridgmount, liền thấy một hình bóng quen thuộc tiến lại... Ông Crabtree! Hai bàn tay nhét vào túi áo choàng của mình, đầu cúi xuống, ông vừa đi vừa đá thùng bìa cũ.

Chiếc hộp rơi xuống hốc nhà số 14 và ông Crabtree trông như đứa trẻ bị cướp đi một thứ đồ chơi. Ông đi về phía ngôi nhà, dường như muốn cúi xuống. Cuối cùng, ông lại đi tiếp, vẫn cúi đầu.

“Rồi sao?” Strickland hỏi gay gắt khi Storey báo cáo sự việc. “Cậu có hỏi ông ta không?”

“Có.” Storey nói. “Nhưng tôi không biết phải làm thế nào. Tôi hỏi ông ấy liệu ông có hay vừa đi đường vừa đá hộp bìa như vậy trước mặt mình hay không. Dĩ nhiên! Ông ta trả lời tôi. *Điều đó không gây hại cho đôi giày bằng việc đá hòn sỏi hoặc ống bơ!*”

Strickland không cảm thấy ngạc nhiên. Áp lực nặng nề của tình thế nan giải đang bao phủ toàn bộ Scotland Yard:

Ngày 28 tháng Một, họ bắt giữ ông Collins. Tuần sau, sau vụ án

mạng của bà Dunscombe, họ đã phải thả ông ta.

Ngày 5 tháng Hai, họ bắt giữ...

Gửi bạn đọc

Đến giờ chưa biết hung thủ là ai.

Ellery Queen, Hugh Austin và một số tác giả trinh thám Mỹ đã thường xuyên thách đố độc giả của họ “đấu tranh tinh thần” (như Hugh Austin đã nói) bằng cách mời họ tự mình tìm ra đáp án cho vấn đề trong tác phẩm.

Tôi thấy ý tưởng này khá thú vị nên tôi ngoại lệ bật mí nhanh cho các bạn:

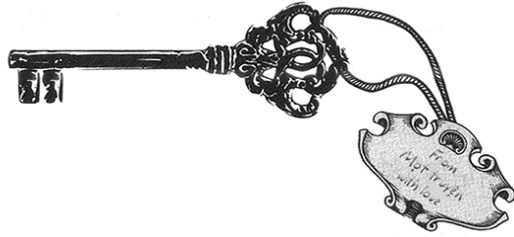
“Giờ đây, bạn đã có trong tay tất cả các yếu tố cần thiết để khám phá sự thật.”

“Thậm chí! Sự thật này đã được xếp đặt tại nhiều vị trí khác nhau trong cuốn tiểu thuyết này.

“Bạn có phải là một thám tử giỏi không?”

“Chính bạn tự quyết định điều đó!”

- Tác giả -



23. BÀI BRIDGE-PLAFOND

Những lời nói vô tội nhất, những động tác tự nhiên đôi hậu thể làm thay đổi hoặc chấm dứt cuộc sống của nhiều người. Ví dụ, vào tối ngày 28 tháng Hai, khi ông Collins quay về phía ông Crabtree và đề nghị ông tham gia vào trận bài *bridge* thứ tư... Nếu ông có thể biết trước điều gì sẽ xảy ra sau đó, hẳn ông đã chạy trốn càng xa càng tốt.

Ngày hôm đó trôi qua trong bầu không khí tương đối yên bình. Chỉ nghe thấy Mary đã mở cửa chính khoảng ba mươi lần, tiếng chuông điện thoại ngắt, vào cuối buổi chiều, trong gần chín phút, và cuối cùng, tiếng đổ một xô nước vào chân phóng viên của Nhật san *Chronicle* để anh ta ngừng chụp ảnh bà Hobson và đàn “trẻ con” ăn tối.

Thầy Lalla-Poor, như mỗi buổi tối trong khoảng nửa tháng trở lại đây, đã đi đến nhà hát Palladium trước khi bữa tối kết thúc. Ông thiếu tá Fairchild, bị cảm, ở lại phòng. Bà Crabtree, hôm trước đã đi về Chislehurst, ngày hôm sau mới về... Tóm lại, tất cả các tình huống đều cùng nhau tạo điều kiện cho yêu cầu của Collins, dẫn đến thảm kịch.

Ông Crabtree đồng ý chơi bài một cách nhiệt tình. Ông thích chơi bài nói chung và đặc biệt là trò *bridge*. Tuy nhiên, từ khi ông bỏ mặc những người bạn cũ để dành thời gian dạo chơi một mình,

niềm vui này của ông đã bị hạn chế.

Boris Andreyew đi lấy bộ bài và một cái bút trong phòng làm việc nơi bà Hobson đang cố gắng bù đắp thời gian đã mất, cập nhật sổ sách của bà trong tuần. Không phải không lo âu, ông Collins đã đặt một chiếc bàn gấp nhỏ được bọc nỉ đỏ, và ông Crabtree đã đặt gạt tàn và thuốc lá trên đó. Bác sĩ Hyde chỉ đợi đến khi tất cả mọi người đã sắp xong mọi thứ.

“Có phiền ông không nếu tôi xem ông chơi?” Cô Pawter hỏi từ phía sau một đồng tạp chí cũ.

Bác sĩ Hyde nhăn mặt, nhưng Boris Andreyew đã tiến tới đặt một chiếc ghế cho cô gái: “Ngược lại, cô Pawter! Riêng tôi thì rất vui nếu có cô tham gia!”

Cô Holland đã lên phòng từ mười phút trước, sau khi chăm sóc mèo xong và sẵn sàng làm việc, vì bản nhạc *Stop! You're breaking my heart...* vốn đã quá quen thuộc lại bắt đầu vang lên.

“Ông nghĩ sao về việc chơi một ván... ván năm cây?” Collins đề xuất.

Vì cô Pawter từ chối do không phải là người chơi giỏi, bốn người đàn ông đã bố trí vị trí bằng cách rút thăm, ngồi vào và đánh bài. *Stop! Stop! Stop!* Giai điệu cầu xin quen thuộc mạnh dần, rồi tắt hẳn. Hai phút sau đó, tĩnh lặng trong căn phòng nhỏ chỉ bị phá vỡ bởi những tiếng gọi bài: tép, rô, cơ, bích, không có Át.

Sau này, khi ông Crabtree được hỏi điều gì đã giúp ông phát hiện ra sự thật, ông trả lời: “Trận bài *bridge* vào tối ngày 28 tháng ấy!”

Dĩ nhiên, khi nói như vậy, ông muốn gây ấn tượng. Dĩ nhiên,

trước khi đồng ý đề nghị của Collins, ông đã biết đáp án của vấn đề từ lâu...

Tuy nhiên, điều quan trọng là những quan sát của ông trong trò chơi đã biến nghi ngờ thành lời khẳng định chói lòa.

Tôi sẽ không đi vào chi tiết về ván đầu tiên. Ông Crabtree thắng và đối thủ không phản kháng được, ngay cả đồng đội của ông (trong trường hợp này là Collins) cũng không cần phải giúp đỡ.

Sau đó, ông ghép đội với bác sĩ Hyde và những rắc rối của ông, có thể nói, đã bắt đầu..

Sau khi Andreyew-Collins kêu “Ba bích”, nước đi không may của bác sĩ đã làm họ chiến thắng trong lượt đầu tiên. Sau đó, họ đánh “Ba tép” và giành được bốn. Lượt thứ ba không có ai đánh gì.. Trong lượt thứ tư, ông Crabtree - người đã thấy mình sắp thua - tìm thấy tia hy vọng. Định mệnh đã trao cho ông bảy quân Át rô, K, J, Chín; hai quân K bích; ba quân Át cơ và Q; một quân tép duy nhất. Ông ngay lập tức đánh “Hai tép”. Thật không may, đối tác của ông không đáp lại, và Andreyew-Collins cẩn trọng giữ im lặng, ông dừng lại ở đó. Hyde đánh bài của mình và ông Crabtree - như đã mong đợi một cách tương đối - đã ăn được mười một lá.

“Chắc chắn ông có thể chơi mạnh hơn một chút, bác sĩ ạ. Sau cùng, quân bài của anh bao gồm ba quân Q, cùng với Át và K tép.”

“Thật hả?” Ông Hyde đáp lại. “Chúng ta không chơi bài *bridge*, theo tôi. Tép là chất nhỏ. Nếu ông muốn chiến thắng, ông nên đánh Ba.”

Mặc dù cô Pawter đọc được nét ngạc nhiên trên khuôn mặt của ông Crabtree, nhưng ông ta không đáp lại. Hyde, Andrews và

Collins rõ ràng đều là những người chơi giỏi hơn ông.

“Các lá bài không bỏ qua đâu!” Bạn có thể nghe thấy mọi lời lẽ thốt ra từ miệng của những quý ông khi họ bắt đầu chìm vào cơn sốt bài bạc. Đêm đó, số phận đã chứng minh họ đúng. Ông Crabtree - hay chính bác sĩ Hyde - đã để lỡ cơ hội. Trong phần chia bài tiếp theo, đối thủ của họ đã giành chiến thắng trong mọi lượt.

Họ lại sắp xếp đội mới và nhờ Collins, ông Crabtree nhận được sáu quân cơ K, Q, J, Mười; J bích, ba quân Át rô và ba quân K tép. Ông đánh: “Một cơ.” Bác sĩ Hyde nói: “Một bích.” Boris Andreyew: “Hai rô.” Ông Collins: “Hai bích.” Ông Crabtree, với tiếc nuối từ bỏ các quân cơ của mình, liền đánh: “Ba rô.” Đáng tiếc, đối tác của ông không trả lời. Andreyew-Collins cẩn trọng giữ im lặng, và sau đó là lượt đấu của ông. Hyde tiếp tục đánh bích. Andreyew nói: “Năm rô.” Collins và ông Crabtree bỏ qua lượt này. Bác sĩ Hyde tiếp tục đánh, và Andreyew đáp trả.

Ông Crabtree, sau khi hành động đã bắt đầu nhanh chóng nhận thấy rằng, trong trường hợp số quân cơ của Andreyew bằng của mình, chất lượng của chúng lại kém hơn. Hơn nữa, Andreyew, khi sở hữu quân Át cơ thứ hai, đã có lợi thế hơn ở chất bài này so với phiêu lưu trên một bãi đất không an toàn. Bằng chứng tốt nhất là ông đã mất quân Át rô, Át bích và một quân nữa.

Khoảng mười giờ, cô Pawter nói cô sẽ đi ngủ, nhưng ông Crabtree muốn giữ cô lại.

“Thôi nào, cô Pawter, cô đừng rời chúng tôi ngay chứ? Nếu cô thích, cô có thể đóng vai một người trung gian và hỏi bà Hobson cho chúng tôi một chút rượu *whisky*... tính vào hóa đơn của tôi, dĩ

nhiên!”

Tay của ông run lên một chút, và ông có vẻ nhợt nhạt.

“Tôi sẵn lòng.” Cô Pawter nói.

Trên lối ra cửa, cô quay lại: “Ông có vẻ không được khỏe lắm thì phải?”

“Không, không.” Ông Crabtree nhanh chóng đáp. “Tôi... tôi hoàn toàn khỏe mạnh!”

“Có lẽ ông ấy không thích thua cuộc.” Cô Pawter nghĩ.

Khi cô quay lại, cô gái cầm một khay chứa ly rượu trong tay. Boris Andreyew đang chơi cùng với bác sĩ, và ông Crabtree đang đánh với Collins. Họ đã chơi sáu ván rồi. Andreyew vừa tuyên bố: “Năm tép”, Collins mới đáp lại. Cô Pawter tiến lại gần những người chơi, và cách bố trí quân bài đã cho cô thấy ngay rằng người đàn ông Nga phải mất quân Át bích, giờ thuộc về ông Crabtree, và hai quân K - quân K cơ thứ tư và quân K bích thứ ba - vào tay Collins.

Sau đó, điều gì đã diễn ra trong tâm trí của Collins? Ông đã đánh một trong số những lá bài duy nhất mà ông không nên chạm vào - một quân cơ - và rơi vào vòng vây của đối thủ, đã cung cấp cho đối thủ quân cần để giành lấy chiến thắng.

Cô Pawter quay về phía ông Crabtree, mong đợi sẽ thấy ông phản kháng lại ít nhiều. Tuy nhiên, người đàn ông nhỏ bé này dường như không thể làm điều đó. Ánh mắt của ông chết lặng, khuôn mặt trở nên suy sụp.

“Ôi trời ơi!” Cuối cùng, ông nói với giọng nghèn nghẹn, vụng về đẩy ghế của mình.

Collins, buồn chán, đang tìm kiếm những lời giải thích phức tạp. Bác sĩ Hyde đã ngăn cản ông nói.

“Rồi sao?” Ông gầm lên, gợi nhớ về khoảng thời gian bị giam giữ. “Ông cảm thấy không thoải mái hả?”

Ông Crabtree lắc đầu.

“Tôi... Tôi xin lỗi!” Ông lảm bảm.

Ông đi về phía cửa với từng bước chân xiêu vẹo. Trước khi ai kịp trả lời, ông mở cửa và biến mất.

Cô Pawter ngạc nhiên sửng lại.

“Ông hiểu gì không?” Cô hỏi.

Boris Andreyew vươn tay lấy chai rượu whisky.

“Tôi cũng chịu!” Ông thừa nhận, suy tư. “Ngay cả khi gặp ngài Smith, tôi cũng không thấy ông ta kích động như thế này!”

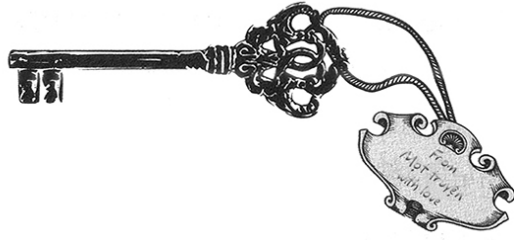
Gửi bạn đọc

Mà đến giờ vẫn chưa biết hung thủ là ai.

Không cần phải biết chơi bài bridge thì mới đoán được sự thật ở chương này đâu.

Có khi nội dung chương sẽ giúp bạn thấy rõ hơn đó?

Nếu bạn đã thấy, xin chúc mừng!



24. ENID Ở PHƯƠNG XA

Ông Crabtree bước về phía cầu thang, quét mắt xung quanh bằng ánh nhìn rối bời. Ôi, nếu Enid không đi Chislehurst! Em ấy chắc chắn biết phải làm gì! Ông bước lên hai bậc, sau đó bước thêm bốn bậc, rồi ngồi xuống và ôm đầu. Đôi chân của ông không còn đủ sức. “Không thể nào!” Ông nói với chính mình. “Không thể!” Nhưng thực sự, ông không còn bất kì nghi ngờ nào về ý nghĩa phát hiện của mình; ông đang cố gắng nghĩ ra một lời giải thích.

Sau một thời gian, tiếng loẹt xoẹt của vải lụa kéo ông ra khỏi trạng thái ngơ ngác. Bà Hobson, rời khỏi phòng làm việc của mình, nhìn ông với cái ánh mắt từ mẫu, ánh mắt mà bà chỉ có khi ở bên cạnh Boris Andreyew:

“Ông cảm thấy thế nào, ông Crabtree? Tôi có thể giúp gì cho ông?” Khi đó, ông Crabtree đã trải qua thử thách mạnh mẽ nhất trong cuộc đời mình. Bí mật của ông đang bóp nghẹt ông. Ông đang đứng trước tình huống như người đàn ông nắm một quả bom sẵn sàng nổ trong tay, và không biết ném nó đi đâu để không phát nổ cùng nó... Ông cố gắng kiềm chế mình.

“Đầu... tôi ấy mà.” Ông lắp bắp. “Tôi sẽ ra ngoài một chút.”

“Ông nên đi ngủ và uống một viên thuốc với trà nóng... Ông nghe tôi nói không?”

Ông Crabtree lồm cồm bò dậy và nắm lấy tay vịn bằng cả hai

tay.

“Vâng, vâng... Tôi sẽ ra ngoài!” Ông lặp lại với quyết tâm nhẹ nhàng. Nhưng khi ông bắt đầu bước lên cầu thang, bà Hobson nghĩ rằng ông đang rút lui trong danh dự:

“Ông nhanh đi nằm đi. Trong khoảng mười lăm phút nữa, tôi sẽ mang trà đến cho ông.”

Thay vì về phòng của mình, ông Crabtree đến cửa phòng của Thiếu tá Fairchild và gõ cửa.

“Ai thế?” Một giọng khàn khàn vang lên.

“Tôi... Crabtree...”

“Ông đợi gì mà không vào?”

Thiếu tá đang ngồi trong một chiếc ghế, quấn khăn len quanh cổ, chân ấm, và đang hút tẩu thuốc của mình với vẻ tức giận. Má ông ửng hồng giống như búp bê và mắt đỏ lẹ.

“Khí hậu ở Anh khốn kiếp thật! Tôi thà bị sốt rét còn hơn là cảm lạnh... Ông đến để hỏi về tình hình của tôi đây phải không?”

“Không phải!” Ông Crabtree vô tội trả lời. “Tôi muốn mượn ông khẩu súng.”

Một lần nữa, ông kiềm chế không kể ra sự thật. Sự thật rất khó để tin nên nếu ông tiết lộ, viên sĩ quan già sẽ hét toáng lên và cũng có thể gây ra thảm họa.

“Ông định giết ai vậy?”

“Không ai cả. Tôi muốn ra ngoài và... và tôi sợ sẽ gặp phải ngài Smith!”

“À, thế thì ở nhà!”

“Không, anh hiểu nhầm rồi. Tôi cần phải ra ngoài!”

Thiếu tá nhún vai:

“Được thôi. Những tay thanh tra quý tha ma bắt đó đã tịch thu khẩu Colt của tôi *vô thời hạn*... Nhưng tôi vẫn còn cây gậy kiếm của mình. Ông sẽ thấy nó trong ngăn treo ô.”

Ông Crabtree, không nói một lời, quay gót ra khỏi phòng . “Mà này, tôi hy vọng ông biết cách sử dụng nó?”

“Chúa ơi... Chỉ cần chọc vào tim của đối thủ, phải không?”

Thiếu tá bắt đầu hợ và suýt ngạt.

“Đúng thế! Đúng thế! Cố gắng đừng làm hỏng nó là được.”

Ông Crabtree nhanh chóng rời khỏi, về phòng khách. Khi ông lấy áo khoác ra khỏi móc treo, một giọng nói làm ông giật mình: “Ông bạn, ông định ra ngoài à?”

Người đàn ông nhỏ bé cố kiềm tiếng hét. Dẫu cho ông đã giấu giếm, ý định của ông đã bị lộ rồi.

“Không..... À, ý tôi là có... Tôi cảm thấy không khỏe lắm...”

“Kỳ quái! Tôi cũng thế... Có lẽ do dạ dày phồng?”

“Có lẽ là đau đầu...”

“Còn tôi thì đau dạ dày!”

Một khoảng tạm dừng ngắn ngủi. Rồi: “Ông mặc quần áo đi, chúng ta cùng ra ngoài thôi.”

Ông Crabtree, trán ướt mồ hôi, có ý muốn phản kháng thoáng qua. Nhưng tầng trệt giờ đây đã trống rỗng, người còn lại đang theo dõi nhất cử nhất động của ông... Ông cài khuy áo khoác, quần chiếc khăn mà ông đã đeo cả mùa đông với cơ là hòng nhảy

cảm. Ngăn treo ô có một cái ô và hai cây gậy. Ông ngập ngừng duỗi tay về phía chúng.

“Ông đang tìm cái gì vậy?”

Ông Crabtree mạnh dạn nói: “À, tôi tìm cây gậy của thiếu tá!”

“Xin lỗi. Tôi vừa mới mượn nó của ông ta. Nhưng dù sao thì một cây gậy vẫn là một cây gậy. Hãy lấy của tôi đi.”

Khi cửa mở ra, ông Crabtree cảm thấy mình bị cuốn vào trong sương mù. Ông cố gắng để tìm thấy hình bóng quen thuộc của một thanh tra hoặc một viên cảnh sát. Nhưng chẳng thấy tăm hơi đâu.

“Đừng mong đợi vào những thiên thần hộ mệnh của chúng ta! Họ đang bận ở nơi khác rồi.”

“Nơi khác?” Ông Crabtree nói, cổ họng nghẹn lại.

“Phải, cách đây chưa đến năm phút, một tiếng ồn lớn vang lên từ phía bên kia quảng trường. Tiếng la hét, kêu cứu. Đủ để kích thích sự tò mò của người ít tò mò nhất...”

Ông Crabtree không cần hỏi thủ phạm của trò đánh lạc hướng này là ai. Ông biết.

“Tôi có việc ở ga Oxford Circus!” Ông nói với giọng thiếu tự tin.

Trong đám đông, ông sẽ an toàn.

“Thật hả? Còn tôi, tôi phải đến phía công viên Regent...”

“Vậy thì chào ông nhé!”

Ông Crabtree xoay người để đối diện với người nói chuyện cùng mình. Khuôn mặt mà ông nhìn thấy thật lạ lẫm. Kính râm, ria giả, má phình to khác thường.

Tuy nhiên, nụ cười không thay đổi. Giọng nói cũng vậy. Lạnh

lùng, sắc bén, mĩa mai, nó làm bạn lạnh đến xương tủy: “Tôi nghĩ phải cảnh cáo ông... Trong trường hợp chúng ta gặp nhau... Vì chúng ta sẽ không chia tay!”

Ông Crabtree rùng mình: “Ông định làm gì tôi?”

“Nói thẳng, tôi chưa biết chắc. Ông đã khiến tôi bị bất ngờ. Một điều chắc chắn: tôi sẽ không để cho ông phá hủy kế hoạch của tôi như cách ông đánh đổ tháp bài đầu! Nhưng chúng ta nên nhanh chóng... Ông sẽ bị cảm lạnh mất.”

Ông Crabtree bị thuyết phục, bắt đầu đi... về hướng công viên Regent. Chống cự, kêu cứu chỉ làm tăng nguy cơ mất mạng.

Dù sao, ông còn một cơ hội! Có thể là ngài Smith không biết về vòng giám sát của cảnh sát quanh ngôi nhà số 14 phố Ridgmount? Có thể hẳn muốn lấy lại vũ khí ưa thích của mình khi đi ngang qua?

Vì vậy, khi gần đến phố này, ông Crabtree bắt đầu kéo lê chân.

“Mệt rồi à?” Người kia trêu chọc. “Hay ông muốn tôi rẽ trái?”

Cặp kính đen và hàm răng trắng ớn sáng lên làm khuôn mặt ẩn sau màn sương của hẳn trông thật chết chóc.

“Đừng mong đợi, ông bạn thân mến! Cảnh sát ở phố Ridgmount sẽ thấy cây cam mọc trước cả khi tôi bước chân vào đó!”

Hẳn thấy hể hê khi bạn của mình thất vọng, rồi nói: “Đúng là công bằng khi ông là người đầu tiên biết. Ngài Smith đã qua đời. Trong London sẽ không còn xác chết gãy xương lưng nữa... của ông cũng thế!”

“Đó có nghĩa là... ông định sử dụng... thanh kiếm này?”

“Có thể thôi!”

Ông Crabtree phản đối bằng chút dũng cảm còn sót lại từ nỗi sợ: “Nếu ông giết tôi, cảnh sát không sớm thì muộn sẽ tìm ra sự thật!”

Người kia lắc đầu: “Ngược lại chứ! Sự biến mất của ông sẽ giải quyết mọi vấn đề! (Hắn dường như đang thảo luận về khả năng này với chính mình) Họ sẽ suy ra rằng thanh tra Hapgood đã nói dối vì sợ mất việc, khi anh ta xác nhận ông vô tội trong vụ án tại cổng Grosvenor, và họ sẽ coi ông là kẻ sát nhân! Tất nhiên, xác của ông sẽ không bị phát hiện.”

Ông Crabtree tựa vào bức tường, nín thở. Ông không nhớ nổi có cơn ác mộng nào khủng khiếp bằng cuộc trò chuyện này.

“Họ sẽ hỏi ông đã làm gì trong buổi tối hôm nay!”

“Và sau đó sao? Ông biết rất rõ rằng tôi có những nhân chứng sẵn sàng thề rằng họ không rời tôi!”

Nhưng thật đáng tiếc là điều đó quá đúng! Ông Crabtree đã ngã nếu người kia không đỡ lấy ông:

“Can đảm chút đi, đồ chết tiệt! Tôi sẽ phải cảnh báo ông một lần nữa. Chúng ta sẽ gặp một số người qua đường, có thể là lũ cớm! Nếu ông có bất kì cử chỉ bất cẩn nào, bất kì tiếng kêu nào, tôi sẽ đâm thanh kiếm này qua người ông!”

“Ông... ông không dám! Họ sẽ bắt ông ngay lập tức!”

“Chưa chắc chắn gì! Tôi chạy nhanh lắm. Còn việc tìm thấy tôi sau đó? Đừng quên khuôn mặt giả của tôi... Hãy xem điều tồi tệ nhất! Trước khi tôi bị bắt, ông đã chết ngắc!”

Ông Crabtree không chút nghi ngờ người bạn đồng hành sẽ thực hiện những đe dọa trên. Chỉ có phép nhiệm màu mới giữ ông đứng vững. “Nếu mình kêu, hắn sẽ giết mình ngay lập tức! Nếu mình im lặng, hắn sẽ giết mình trong một giờ!”

Bản năng tự vệ đã chỉ cho ông ta thực hiện hành động duy nhất hợp lý: kéo dài thời gian, chờ đợi cơ hội để trốn thoát. Đường từ quảng trường Russel đến công viên Regent khá dài. Có thể...

Một va chạm mạnh khiến ông quay lại thực tại. Một người đi dạo, bị mê hoặc trong màn sương mù, đã lao vào ông và xin lỗi, giơ ngón tay lên mũ: “Thứ lỗi cho tôi!”

“Ông có thể cho tôi chút lửa không?”

Ông Crabtree tưởng như đang mơ. Ông vừa mới nói chuyện, ông vừa giơ gói Gold Flake ra để chứng minh yêu cầu của mình!

Người qua đường bỏ điếu thuốc hút dở trên môi mình.

“Thời tiết tệ quá!” Ông ta lịch sự nói.

Ông Crabtree châm điếu thuốc trong khi do dự giữa hai tiếng kêu: “Cứu tôi” và “Ngài Smith đây rồi!”

Trước khi ông kịp thốt ra một trong hai câu, một người đi dạo thứ hai lại tiếp cận người đi dạo đầu tiên và hỏi ông ta đường đến Long Acre.

Người đàn ông có điếu thuốc bên môi quay đi. Ông Crabtree tiếp tục đi theo người đồng hành của mình.

“Nếu còn một lần phản bội kiểu này, tôi sẽ đập ông vào cánh cửa đầu tiên xuất hiện đấy!”

Người đàn ông nhỏ bé nghĩ ra một cách tự vệ mới: “Nếu tôi là

ông thì tôi sẽ dè chừng đấy!”

“Vì sao...?”

“Trước khi rời nhà trọ, tôi đã ghé qua phòng thiếu tá Fairchild và tiết lộ bí mật của ông. Nếu tôi không trở lại trước nửa đêm, ông ta sẽ báo Scotland Yard!”

“Không tệ! Tôi sẽ tin ông nếu lúc đó tôi không đứng ở cửa, sẵn sàng để cắt đứt cuộc trò chuyện của ông... Hãy nghĩ ra cái cớ khác đi!”

Ông Crabtree nghĩ ra cái khác. Một vài phút sau, khi bước xuống lề đường, ông ta ngã vật ra và kêu đau. Ông ta phát hiện ra một chiếc *taxi* dừng lại do sương mù và tài xế đang giậm chân và châm thuốc.

“Đứng dậy!” Ngài Smith ra lệnh. “Hoặc là, trời ạ...!”

“Tôi không thể!” Ông Crabtree biểu tình. “Ôi! Ôi! Ôi! Mắt cá chân tôi!”

Và ông ta bắt đầu rên rỉ đến xé lòng.

Tài xế *taxi* không bỏ lỡ vụ việc. Ông ta từ từ lại gần: “Thưa sếp, ông bị thương ở đâu à?”

“Xin hãy thương xót!” Ông Crabtree nài nỉ. “Đưa tôi đến bệnh viện!”

Nhưng giọng của ông bị giọng ngài Smith bao phủ: “Cảm ơn ông nhiều... Bạn tôi say quắc cần câu ấy mà!”

Người tài xế có vẻ không thấy thuyết phục lắm: “Tôi giúp ông dựng bạn ông đứng dậy vậy.”

Ông ta đang cúi xuống thì ngài Smith chạm tay ông: “Có người

gọi ông kia!”

Thật vậy. Một “khách hàng” mở cửa xe và hét: “*Taxi!*”

Người tài xế tiếc nuối nói: “Không đi được trong điều kiện thời tiết thế này đâu, thưa ngài!” Họ nghe thấy vị khách phàn nàn. “Tôi chỉ có thể đưa ngài đến tu viện Westminster được thôi!”

Ngài Smith đã rút kiếm ra khỏi bao tre. Ông Crabtree cảm thấy đầu nhọn của nó đang chọc vào eo mình.

“Đứng lên!”

Ông đứng thẳng, tái mét, tuyệt vọng... Một lần thử chạy thoát nữa sẽ tương đương với tự sát!

Quần và phần dưới áo khoác của ông đã bị bẩn đen. *Nếu Enid thấy tôi...*, ông nghĩ. Sau đó: *Tốt hơn hết là đợi cho nó khô đi!* Bóng người lướt qua trông như đang bị truy đuổi đôi khi vẫn xuất hiện từ xa. Nhưng ông không còn để ý đến điều đó nữa. Thậm chí ông còn chẳng nhận ra cảnh sát Summers nếu ngài Smith không nắm cánh tay ông và nói: “Chú ý! Một gã cớm! Nhìn thẳng!” Ông Crabtree nhìn thẳng. Nhưng khi đến gần viên cảnh sát, ông nhả một phát nước bọt dài lên đôi giày của anh ta... Tiềm thức của ông đang hành động thay ông!

“Ô hay! Ông kia! Ông có biết cái giá phải trả của trò đùa như này không?”

Ngài Smith dừng lại trước:

“Xin lỗi, sĩ quan! Ông ấy không có ý muốn xúc phạm anh... Thú thực với anh, mai là ông ấy phải kết hôn và đêm nay là đêm cuối cùng trong cuộc đời độc thân của ông ấy.” Cảnh sát Summers luôn

khoe khoang về việc hiểu biết nhiều thứ. Anh ta quyết định cho ông Crabtree một cơ hội để thoát khỏi tình huống này: “Chắc hẳn ông không nhìn thấy tôi hả?”

“Làm sao có thể... hức... không nhìn thấy anh?” Ông Crabtree trả lời lúng búng. “Tất cả đều là lỗi của Harry gây ra! (Ông ta chỉ vào người đồng hành của mình.) Ông ấy ghét cớm! *Nhìn kìa thằng béo kia kìa!* Ông ta nói với tôi. *Tôi cá một đồng ông không dám nhổ nước bọt lên mặt gã này!* Dạ, tất nhiên, tôi có lòng tự trọng! Vì một đồng, tôi đã trả lời, *tôi sẽ nhổ nước bọt lên cả thị trường!*”

Khuôn mặt đỏ bừng của Summers trở nên tím ngắt:

“Nhổ lên...? Chúa ơi! Đi theo tôi, cả hai người!” Ngài Smith không di chuyển chút nào: “Chờ một chút, xin ông! Rõ ràng là ông ấy nói dối! Anh sẽ không...”

“Tôi đã nói: Đi theo tôi, cả hai người!”

Một lần nữa, ngài Smith nhẹ nhàng nói: “Đi đâu?”

“Ông sẽ biết sớm thôi!”

Ông Crabtree chuyển từ tâm trạng tuyệt vọng sang vui mừng: ông đã nói đúng điều cần nói!

Sau đó, từ niềm vui chuyển về tuyệt vọng: chỉ trong một tích tắc, ông ta đã tưởng tượng ra điều gì sẽ xảy ra tiếp theo, không còn do dự. Người bạn còn đang giữ tay trái ông. Ông liền giật mạnh tay, rồi bỏ chạy thật nhanh như một con thỏ đánh hơi được mùi chồn.

Những tiếng thốt ra bối rối, có ai đó ngã xuống. “Kẻ tội nghiệp!” Ông nghĩ. “Chúa phù hộ linh hồn anh ta!” Nỗi sợ hãi, khiến ông

từng bước hụt cầu thang ở nhà trọ, giờ đã biến thành đôi cánh đưa ông bay cao. “Cứu! Cứu với!” Ông hét lên khi đang chạy. Nhưng ông nhanh chóng nhận ra rằng điều này chỉ làm ông khó thở. Sương mù làm dập tắt tiếng gọi, xung quanh không một bóng người.

Ban đầu, ông chỉ nghe thấy tiếng bước chân của mình và nhỏ hơn là nhịp tim đập loạn của ông. Sau một khoảng thời gian ông cảm thấy rất ngán, âm thanh này dường như nhân lên vô hạn... Ông không chỉ bị truy đuổi, mà người ta còn đuổi kịp ông.

Ông cố gắng tăng tốc. Con đau ở hông cản trở ông. Và cơn đau đớn nhanh chóng trở nên không thể chịu nổi khiến ông gập cả người.

May mắn thay, một con phố nhỏ chạy ngang xuất hiện bên phải ông. Ông lao vào đó, lo lắng xem xét tất cả các ngôi nhà...

Tất cả đều rất đáng sợ và đen tối. Nơi này có cửa sổ đóng kín, nơi khác có cửa sổ không rèm cửa. Xa hơn là một ngôi nhà xuống cấp. Nơi mà ông đã nghĩ đó là một con đường nhưng thực ra lại là ngõ cụt. Tất cả người dân ở đây dường như đã bỏ đi.

Một ngõ cụt không thân thiện, nơi mà con người có thể bị rạch họng mà chẳng ai giúp đỡ.

Trước đây, vào thời điểm mà Ernest Crabtree vẫn ngồi trên ghế nhà trường, không ai có thể ngờ rằng một ngày anh sẽ cảm ơn Jones lớn.

Và thế là...!

Trong những phút quyết định này, ông nhớ về người đó.

Không phải về những lời dọa nạt, những đòn đánh hàng ngày. Mà về cách gã huýt sáo nhưng không cần bất kì nhạc cụ nào:

“Mày đặt một ngón tay như thế này... Một ngón tay như thế kia...”

Có tia sáng trên vĩa hè. Một giọng nói lớn phát ra từ lòng đất: “Chuyện gì thế?”

Trái tim căng phồng những cảm xúc của người đối diện với cái chết như sắp nổ tung, ông cúi xuống. Trong căn hầm bếp của căn nhà mà ông đang tựa vào, một cửa sổ mở ra, một cảnh sát đang mặc áo khoác ngoài áo sơ mi, đội mũ.

“Nhanh! Nhanh lên!” Ông Crabtree van xin. “Ngài Smith muốn giết tôi!”

Ông nghe thấy tiếng thì thầm, một tiếng reo nhỏ, sau đó là tiếng bước chân từ sâu trong nhà lại gần. Cuối cùng, cánh cửa chính mở toang, để một người đàn ông cường tráng cao hơn sáu *feet* đi ra. Anh ta có đôi má ửng hồng, tay cầm khẩu súng lục, và một cô gái mập mập với chiếc áo lót tuột ôm lấy anh ta, thút thít: “Đừng đi, Bert! Đừng đi! Hấn giết anh mất!”

Anh “Bert” lực lưỡng nhìn vào ngõ cụt và quay lại, ngạc nhiên, đối diện ông Crabtree: “Này.”

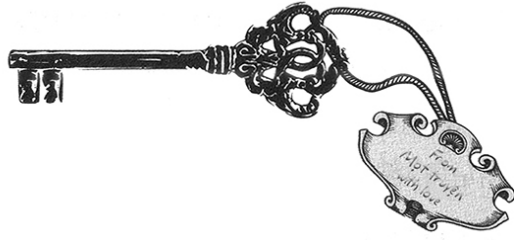
Ba người đàn ông dừng lại, do dự, bên rìa màn sương mù. Người đầu tiên cầm một thanh kiếm trần, là Boris Andreyew. Người thứ hai, chưa đầy mười phút trước đó đã thu hút chú ý của người đang hút thuốc bằng cách hỏi đường đến Long Acre, ông Collins. Người thứ ba, người đã tán đồng tài xế *taxi*, bác sĩ Hyde.

“Ai là người muốn hại ông?” “Bert” hỏi. “Tôi nên ngăn ai lại?”

Ông Crabtree, đôi chân mất cảm giác vì kích động liên tục, ngã vật ra, mất ý thức: “Ngăn cản cả ba! Ngài Smith không phải là một người... Hẳn là ba người!”

Con ngõ cụt - hòn đảo tĩnh lặng - giờ đang hứng chịu một cơn bão tiếng còi thực sự.

“Mọi người chạy mau!” Boris Andreyew nói.



25. CHÚC NGỦ NGON

"Ông đã thách thức lòng kiên nhẫn của chúng tôi quá giới hạn cho phép rồi đấy!" Cô Pawter kêu lên. "Liệu ông có định kể không hay chúng tôi phải hỏi cung bằng các câu hỏi bất quy tắc nhỉ?"

Ông Crabtree chỉ muốn kể lại câu chuyện của mình. Ông đã kể câu chuyện đó cho ba hoặc bốn thanh tra, cho chánh thanh tra Strickland, cho phó cảnh trưởng Prior, cho cảnh sát trưởng và cho những ký giả ngoan cố. Điều này có nghĩa là ông biết chắc chắn về các kỹ xảo kể...

Tuy nhiên, ánh mắt cứng đờ và buồn bã của bà Hobson làm ông bối rối. Ông tìm kiếm sự đồng thuận từ vợ mình. Bà ấy đáp lại bằng cách đặt tay trong tay ông. Đó là một cử chỉ tượng trưng. Enid không còn muốn ra lệnh nữa. Bà muốn tuân theo người đàn ông mới được lột xác qua các sự kiện.

"Không hiếm khi một tên tội phạm có một hoặc nhiều đồng phạm." Ông Crabtree bắt đầu. "Nhưng ai xem xét khía cạnh này của tổ hợp Andreyew-Hyde-Collins sẽ đánh giá sai lầm. Mỗi thành viên trong nhóm đều có cùng quyền, cùng nghĩa vụ. Hãy xem họ như một tập đoàn Xô Viết, và ngài Smith là một tên sát nhân từ ba người ghép lại. Tất nhiên, chúng ta có thể không bao giờ biết sự thật toàn diện. Tuy nhiên, tôi tưởng tượng rằng Andreyew và các

bạn của mình đã tấn công luân phiên, như các vận động viên chạy *marathon*, truyền đuốc cho nhau.”

Khán phòng dường như thu hẹp lại. Tuy nhiên, ngoài bà Crabtree và bà Hobson, cô Holland, cô Pawter, Thiếu tá Fairchild, thầy Lalla-Poor còn hai khách trọ mới mà danh tính của họ vẫn không rõ: một người mập lùn, mà thiếu tá đã cảm thấy không thích từ đầu, và một người cao gầy tóc bạc, giọng nói nhẹ nhàng và cử chỉ điềm tĩnh.

“Trong khi tên tội phạm thông thường sẽ khinh suất gây ra một số rủi ro chết người, ngài Smith - cụ thể là các ngài Smith - cuối cùng đã mắc sai lầm do quá cẩn trọng. Nền móng của nhóm này là một ý tưởng thiên tài. Tôi không biết ai là người khởi xướng. Có thể nó đã được hình thành trong một cuộc thảo luận bình thường? Dù thế nào đi nữa, nó có thể được tóm tắt trong một câu. Để thuyết phục cảnh sát rằng họ đang đối mặt với một người duy nhất, các ngài Smith một, hai và ba quyết định sử dụng cách thức giống nhau và ký tên tội ác của họ bằng một bút danh gợi ý về một cá nhân. Như vậy, trong trường hợp một trong số họ bị nghi ngờ, bị bắt, chỉ cần hai người khác hành động thì người kia sẽ tự động được chứng minh vô tội.”

Ông Crabtree ngừng một lát:

“Đó chính là tín hiệu đã truyền cảm hứng cho những người bạn của chúng ta. Tuy nhiên, nếu họ đã dự đoán rằng số phận có thể chống lại họ vào một ngày nào đó, họ không hề nghĩ rằng chuyện đó sẽ xảy ra trong tình thế yêu cầu triển khai đầy đủ kế hoạch phòng thủ của mình.”

Lại nghỉ một chút:

“Vào ngày 28 tháng Một, ngài Smith - một, hai hoặc ba - nhận thấy qua nhiều dấu hiệu rằng cảnh sát đang theo dõi nhà trọ. Một cảnh sát đã đến vào buổi sáng để hỏi bà Hobson dưới cái cớ điều tra dân số, những thanh tra thường phục đang đi lại trong quảng trường. Kết luận không thể tránh khỏi: một nhân chứng đã thấy hắn, hoặc một trong những đồng phạm của hắn, vào nhà số 21, bọn cớm có thể xâm nhập vào nhà bất kì lúc nào, tra hỏi tất cả mọi người.”

“Tôi đã luôn nói rằng cảnh sát nên cẩn trọng hơn... hoặc nhanh chóng hơn!” Thiếu tá la lên.

“Thôi đi! Trong cả hai trường hợp, kế hoạch của họ sẽ vận hành gần giống nhau. Khó hiểu là, trong trường hợp này, Andreyew và đồng bọn đã phản ứng quá nhanh với nguy cơ ngẫu nhiên của tạo hóa. Nhưng đừng quên rằng họ đã luôn sẵn sàng đối mặt với tình hình tồi tệ trong vài tháng...”

Ông Crabtree lấy một điều thuốc từ túi áo của mình. Enid ngay lập tức giúp ông châm lửa.

“Cảm ơn, em yêu... Tôi không có ý phê phán phương pháp của Scotland Yard. Nói chung, rất khó cho các điều tra viên hành động theo cách khác. Nơi họ đã mắc sai lầm là khi họ đối diện với thi thể của ông Julie. Thay vì tập trung vào các dấu vết vật chất, họ nên tự hỏi bản thân rằng: Tại sao ngài Smith ra tay trong căn nhà của mình... và khác biệt so với trước đây?”

“Nhưng họ vẫn không ngừng tự hỏi điều đó! Và chúng ta cũng vậy!” Cô Pawter la lên.

“Cuối cùng, có những cuộc điện thoại tới tòa soạn báo. Thách thức, nhu cầu bệnh hoạn để khoe khoang, người ta thường kết luận thế. Nhưng suy luận này thường không đúng với lý thuyết. Trên thực tế, khi sát hại ông Julie và thông báo cho báo chí, các ngài Smith chỉ đơn giản muốn xác nhận những nghi ngờ của cảnh sát, như một võ sĩ quyết định lộ diện để đường hoàng đánh bại đối thủ.”

“Tôi không hiểu!” Thiếu tá cầu nhàu. “Cố tình thúc đẩy sự kiện để làm gì? Scotland Yard, vì thiếu bằng chứng, không thể bắt ai cả.”

“Và sau đó thì sao? Ông không hiểu rõ cảnh sát của đất nước chúng ta. Có lẽ có một số đơn vị thông minh hơn. Nhưng không có đơn vị nào bền bỉ hơn. Và điều mà Andreyew và những người khác muốn tránh bằng mọi giá, đó là không muốn bị xem là nghi phạm, và dưới tư cách đó, phải bị theo dõi suốt đời... Nói ngắn gọn, họ đã thực hiện bốn vụ án cuối cùng để mỗi người đều được trao một văn bằng vô tội.”

“Nhưng tại sao họ lại chọn ông Julie tội nghiệp thay vì một trong số chúng ta?” Cô Holland rụt rè hỏi. “Liệu họ đã biết ông ta từ lâu và họ đã nắm lấy cơ hội trả thù?”

“Không. Họ chưa bao giờ thấy ông Julie trước sáng ngày 28 tháng Một.”

“Có thể họ đã nghĩ ông ta làm việc cho Scotland Yard?” Cô Pawter lên tiếng.

“Hoàn toàn không phải.”

“Tôi hiểu rồi! Ông ấy đã nhận thấy một hoặc một số chi tiết có

thể gây hại cho họ và...”

“Cũng không phải như vậy.” Ông Crabtree trông giống như một người lùn tinh quái hơn bao giờ hết: “Đáp án ngắn gọn đến bất ngờ luôn. Hơn cả thế, tôi nghi ngờ rằng trong lịch sử tội phạm, động cơ của họ chưa từng có tiền lệ. Các ngài Smith đã chọn ông Julie vì ông ta nói tiếng Pháp!”

“Chết tiệt!” Thiếu tá chửi thề. “Tiếng Pháp làm họ ngứa tai vậy hả?”

“Không. Nhưng giáo sư là người duy nhất trong nhà trọ có thể viết câu di ngôn *Il b...*, trước khi chết để cáo buộc chung cả ba ngài Smith!”

“Liệu ông có nghĩ là những dấu vết này do bàn tay của tên sát nhân tạo ra?”

“Chính xác. Đừng quên rằng trước hết, bác sĩ pháp y, người được giao nhiệm vụ kiểm tra thi thể của giáo sư, đã rút ra kết luận ban đầu là cái chết tức thì; thứ hai, Andreyew và nhóm của hắn muốn tự bôi đen bản thân bằng mọi giá trước rồi mới tẩy trắng sau.”

“Từ đâu mà ông đoán được những dấu vết này là giả?”

“Hãy nhìn... *Il b...*, trong tâm trí của những người cảnh sát, đề cập đến một đặc điểm ngoại tại của tên sát nhân. Được! Nhưng, tôi hỏi anh, lẽ ra ông Julie phải viết “R” (*Russe* - người Nga) để chỉ Andreyew và viết “D” (*Docteur* - bác sĩ) để chỉ Hyde chứ? Hãy thêm vào đó rằng, khi mới đến nhà trọ vài giờ, khả năng ông ấy biết đến sở thích thù thù kì lạ của Andreyew là rất thấp. Nói tóm lại, nếu thông điệp được coi là thật, thì nó không thể chỉ đến ai

khác ngoài Collins. Nhưng sau khi Collins bị bắt, các vụ án vẫn tiếp tục...”

Ông Crabtree im lặng một lát. Sau đó:

“Tôi muốn các bạn chú ý đến cách khôn khéo, xảo quyệt mà Andreyew, Hyde và Collins tự buộc tội và đổ tội cho nhau, mà không biến thành bằng chứng cuối cùng kết thúc chuỗi án mạng của họ... Hãy xem vụ án mạng của ông Julie. Collins đã cẩn thận bắt đầu từ việc phủ nhận gặp gỡ bác sĩ Hyde, chỉ miễn cưỡng thừa nhận đã có mặt tại bếp, nói dối, cắt lời, giả vờ quên. Tất cả đều là những mâu thuẫn mà cảnh sát xem như dấu hiệu của lương tâm tội phạm mà một luật sư tài giỏi có thể giải thích là do cảm xúc. Và còn câu chuyện về những tờ tiền dính mực tím... Ở đây, Collins có thể đóng vai nạn nhân, khẳng định họ đang cố đổ oan cho mình. Nhưng ông ta đã không làm như vậy, thậm chí cố tình khiến tình huống trở nên phức tạp thêm, sau ba ngày thẩm vấn, bằng cách thú nhận vài câu mà trong đó, mỉa mai thay, có một phần sự thật... Còn đặc biệt hơn nữa, là câu chuyện về loại thuốc ma do bác sĩ Hyde kê cho ông Julie. (Tôi nói *ma* vì khả năng lớn, nó chỉ tồn tại trong tưởng tượng của bác sĩ.) Hyde biết rằng cảnh sát sẽ không thể chỉ tin vào một lời khẳng định đơn giản, họ sẽ cố gắng tìm hiểu cách ông Julie đã uống viên thuốc, tìm dấu vết của nó trong cuộc khám nghiệm tử thi, và dần dần kết luận rằng đó là một lời nói dối. Điều này có vẻ mâu thuẫn? Bị ép buộc bởi tình hình, Hyde có thể đã cho rằng ông hy vọng như vậy để loại bỏ nghi ngờ về mình. Nhưng thực tế là, ông ta chỉ cố tạo ra nghi ngờ... Cuối cùng, Andreyew tự vệ bằng những chứng cứ ngoại phạm yếu đuối,

không thể kiểm chứng, rồi hẹn gặp Ginger Lawson một cách có vẻ khả nghi nhưng cũng có thể giải thích bằng cách tự nhiên. Rồi hẳn tự làm mình bị bắt bằng cách gửi một lá thư nặc danh cho chánh thanh tra Strickland để tự tố cáo mình... Hãy lắng nghe tôi: không có bất kì dấu hiệu nào không phải giả mạo, không có dấu vết nào mà không phục vụ ít nhiều cho mục đích của đám tội phạm!”

“Làm thế quái nào mà ông biết tất cả điều này?” Thiếu tá lẩm bẩm.

“Tôi ấy à, trước tiên tôi tự hỏi tại sao ngài Smith lại ký tên trong các vụ án của mình.Ồ, tôi tự hỏi, đây là một người đàn ông giết nạn nhân của mình trên đường phố, vì vậy, thời gian rất quý báu. Chỉ trễ khoảng một giây cũng có thể trở thành sai lầm chết chóc. Ai sẵn sàng mạo hiểm cuộc sống chỉ để thỏa mãn cái tôi của mình? Chỉ có một nguyên nhân cực kì nghiêm trọng, liên quan đến sinh mạng, mới có thể khiến hẳn hành động như vậy! Sau đó, tôi ngạc nhiên khi ngài Smith dám thách thức đến mức phạm tội dưới mái nhà của mình. Điều này trông giống như hành vi tự sát! Và tại sao hẳn lại từ bỏ phương pháp thông thường của mình, thay đổi hung khí? Bằng cách suy nghĩ về vấn đề này, tôi tìm ra một đáp án mà tôi thấy hài lòng trong một khoảng thời gian, chính xác đến khi vụ án mạng của bà Dunscombe xảy ra. Cướp bóc không phải là động cơ đủ. Nhưng đối với ngài Smith, bị cảnh sát rình rập, lẽ ra hẳn phải nấu mình, không gây án nữa, đổ lỗi cho người khác gánh hết tất cả tội lỗi quá khứ của mình...”

“Tư tưởng lớn gặp nhau!” Cô Pawter hoạt bát nói. “Vào thời điểm đó, tôi cũng nghĩ đến kết luận tương tự. Nhưng vụ án mạng

của bà Dunscombe đã xóa đi mọi thứ.”

Ông Crabtree giơ ngón tay ra dọa cô:

“Tôi sẽ hỏi mọi người câu hỏi nổi tiếng, nền tảng của tất cả cuộc điều tra hình sự. *Cui prodest...* Ai hưởng lợi từ tội ác? Cá nhân tôi, tôi cho rằng cái chết của người phụ nữ trẻ phục vụ trước hết lợi ích của Collins, người được chứng minh “vô tội” trong trường hợp này. Tương tự, vụ án mạng của Ginger Lawson, trừ việc đã mang về một số tiền lớn cho kẻ gây án, đồng thời cũng đã dẫn đến việc bác sĩ Hyde được phóng thích. Nhưng trường hợp của ông Allan Smith mới thực sự là gợi ý rõ ràng nhất... Kẻ đáng thương, nhớ lại đi, chỉ mang theo mình một bảng, vài *shilling* và cũng là trường hợp ngoại lệ bị giết trong thời tiết quang đấng. Rõ ràng kẻ giết ông ta phải có một lý do kỳ bí, làm hấn không đợi được sương mù trở lại... Là lý do gì? Tôi mất khá lâu để tìm ra... Andreyew, sau một tuần bị tổng giam, có lẽ đã bắt đầu trở nên mất kiên nhẫn, thậm chí có thể là mất can đảm. Hyde và Collins sợ rằng theo thời gian trôi qua, hấn sẽ từ bỏ kháng cự dưới các hình thức tra khảo dai dẳng.”

“Thật phi thường!” Một ai đó nói.

“Vậy nên, những nghi ngờ của tôi dần dần trở nên rõ ràng, được chứng minh bằng các quan sát hàng ngày, những sự việc nhỏ bé mà cảnh sát bỏ qua. Ví dụ như, vào buổi tối Collins quay trở lại với chúng ta... hấn thật lòng xúc động khi được chúng ta chào đón trở về. Sau bữa tối, cảm xúc đó trở thành cơn thịnh nộ dữ dội do hối hận. Đó là lý do chúng ta thấy cầm hấn va vào chân Andreyew. Có lẽ Andreyew đã phải sử dụng những lý do thuyết phục để giữ

cho hẳn bình tĩnh. Ví dụ khác... Sau vụ ám sát Lawson, khi cảnh sát đến để tra hỏi chúng tôi - Andreyew, thầy Lalla-Poor, tôi - tôi là nhân chứng của một cảnh tượng khiến bản thân suy nghĩ. Andreyew - do ác quỷ quyền rũ khích lệ hay có thể còn do cảm xúc sợ hãi bất thường - đã tâm sự với bà Hobson, tiết lộ cho bà một ít để khích lệ bà giúp đỡ hẳn. Do đó, bà Hobson tuyên bố sẵn sàng xác nhận rằng họ đã ở bên nhau vào buổi tối hôm trước. Tôi đứng đằng sau cửa. Tuy nhiên, Andreyew từ chối như một người không thể tránh khỏi việc phải ngậm đắng nuốt cay, và tôi cảm nhận rõ ý đồ tạo dựng hoài nghi trong những câu trả lời mơ hồ, vụng về của Hyde và Collins.”

“Nhưng sao ông chắc chắn rằng ông không sai lầm? Làm sao và khi nào ông xác nhận được những điều này?”

“Trong trận bài *bridge* mà ba ngài Smith đã mời tôi tham gia...”

“Chết tiệt!” Thiếu tá gầm lên. “Ông muốn nói cách họ cầm bài hoặc đánh bài đã khiến ông nhận ra bằng chứng phạm tội của họ à?”

“Đúng và không. Khi tôi đồng ý tham gia, tôi đã nghi ngờ họ nhiều rồi. Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy lo lắng về trí tưởng tượng của mình... Và sau đó, điều này đã xảy ra. Ba kẻ sát đá này, đầy tự tin về bản thân mình, đã phạm phải bất cẩn để lộ danh tính vốn có của mình. Bất kể giá trị của quân bài và cơ hội gọi bài của tôi, tôi luôn thua vì lỗi của đồng đội. Hyde, Collins và Andreyew chỉ cần ngồi đối diện tôi là họ đều trở thành người chơi tồi tệ. Ông sẽ kết luận thế nào từ việc đó? Tôi đã kết luận, họ đã hợp tác chống lại tôi để chia sẻ tiền thắng cược... Từ đó, tôi cũng tự hỏi liệu họ có

phải đồng đội trong cuộc sống hàng ngày không...”

Bà Hobson, hình ảnh sống động về nỗi đau khổ, đã rời khỏi phòng mà không nói một lời. Mọi người nghe thấy tiếng bà bật đèn trong căn phòng làm việc nhỏ. Sau đó, khách trọ có mái tóc xám cũng ra ngoài.

“Và còn một số suy luận về tâm lý.” Ông Crabtree kết thúc. “Từ đầu tôi đã tự hỏi ai trong chúng ta có đủ để gan giết người và tôi đã cho rằng chỉ có thể là những người sau: trước hết là Collins cùng tình yêu không kiểm soát của mình với tiền bạc. (Hãy nhớ rằng mọi người thường đùa hăn hà tiện như người Scotland); thứ hai, bác sĩ Hyde, kẻ chán ghét xã hội do cuộc đời bị hủy hoại và có thể là do việc bị bỏ tù oan trái; thứ ba, Andreyew, với thói đồi bại, niềm say mê nguy hiểm và mất cân bằng...”

Cùng với những hồi ức, bóng dáng của ba người mất tích dường như đã lang thang trong căn phòng một lúc: bóng ma lịch lãm của Boris đẹp trai, xác hăn đã biến dạng và được đội cảnh sát sông Thames vớt lên; bóng ma u ám và đau khổ của bác sĩ Hyde, người chết vì uống thuốc độc; cuối cùng, bóng hình nhợt nhạt và lo âu của ông Collins, người con bất hiếu của một mục sư ở Northumberland, cô độc và bơ vơ, sẽ phải chịu trách nhiệm về tội ác của ngài Smith trước công lý.

“Ông không thấy trời đang ngày càng lạnh sao?” Cô Holland hỏi.

“Tôi thích ở đây hơn!” Khách trọ mới nói.

Ông ta chuẩn bị rời khỏi văn phòng nhỏ, dù ông ta dùng những lời ngẫu nhiên, mỗi câu nói dường như mang nặng ẩn ý. Ông ta

đều đều giọng: “Nỗi đau khổ hiện rõ của bà khiến tôi muốn bày tỏ lòng cảm thông. Cuộc đời tôi cũng chẳng vui sướng gì. Nếu ngày nào bà muốn mở lòng với tôi, tôi sẽ cho bà thấy dấu hiệu của niềm tin và sự quý trọng. Chúc ngủ ngon.”

Thầy Lalla-Poor gập lại tờ báo *Daily Chronicle*: “Vừa mới phát hiện xác một người phụ nữ hoàn toàn trần truồng, bị siết cổ bằng tóc của chính mình, tại một chuồng chó bỏ hoang, gần công viên Ruskin... Đương nhiên là đáng tò mò!”

“Vâng, nhưng...” Cô Pawter nói, cảm hứng sáng tạo khẩu hiệu dâng trào từ mọi chủ đề. “Ngài Smith giết người còn khéo hơn!”

Mary thò đầu vào căn phòng nhỏ: “Tôi đi lên ngủ, thưa bà. Chào bà!”

“Chào, Mary.” Bà Hobson suy tư trả lời.

Bà do dự: “À, tiện thể, đừng chạm vào đôi giày của ông Bullet, khách trọ mới... Tôi sẽ tự giặt chúng.”

HẾT

VIVABOOKS | TRINH THAM

Trước ngôi nhà số 15 phố Rackham, bốn người đàn ông vây quanh một khối đen nằm trên vỉa hè. Khối đen đó chính là thi thể của một người đàn ông với hộp sọ nát bấy, chết bất đắc kỳ tử. Hàng loạt những vụ án liên hoàn không tìm ra lời giải. Hung thủ luôn để lại dấu vết và tự xưng là ngài Smith. Người ta đồn rằng, gã đang ẩn náu tại nhà trọ Victoria 21.

Khi Sở cảnh sát tự tin rằng họ đã bắt được hung thủ thì kỳ lạ thay, những cái chết vẫn không ngừng tiếp diễn...


AZ VIETNAM
Công ty TNHH Văn Hóa & Truyền Thông


VIVABOOKS

ISBN: 978-604-40-0005-3

Kẻ sát nhân ở nhà số 21

Giá: 96.000 VNĐ



9 786044 000053



8 935325 016813

Chú Thích

[1] Scotland Yard: Hoán dụ chỉ Sở cảnh sát London. Trước đây, địa chỉ cũ của Sở Cảnh sát London có hai cổng, trong đó, cổng ở Scotland Yard là cổng tiếp dân.

[2] Khu phố nghèo ở London thời bấy giờ.

[3] Cầu Tự sát: Cầu bắc qua sông Thames có tỷ lệ tự sát cao, trong truyện này có thể là cầu Waterloo.

[4] Leo cột mỡ: Một trò chơi dân gian phương Tây.

[5] Thần gió phương Tây trong Thần thoại Hy Lạp.

[6] Cây kim của Cleopatra (Cleopatra's Needle): Một trong hai chiếc đài tháp của Ai Cập thời cổ đại, được đem về London và đặt ở đô Victoria.

[7] Giày đế cao su mềm, đi êm chân, không tiếng động.

[8] Súp borsch: Súp củ cải đỏ truyền thống của dân tộc Slav.

[9] Đôi mắt huyền: Tên một bài hát của Nga

[10] Lazy Bones: Bài hát nổi tiếng năm 1933.

[11] Cơ sở giáo dục và nghiên cứu lớn ở Pháp.

[12] Picadilly Circus: Ngã tư sầm uất, khu phố mua sắm lớn ở trung tâm London.

[13] Nơi cưỡi ngựa của tầng lớp thượng lưu Anh trong thế kỷ XVIII, XIX.

[14] Eo biển Manche: Eo biển ngăn cách Anh và Pháp.

[15] Great Russell: Địa chỉ của Viện bảo tàng Anh quốc.

[16] Percy Bysshe Shelley (1792-1822): Nhà thơ lãng mạn người

Anh.

[17] Một số ngôn ngữ địa phương Ấn Độ.

[18] Một dân tộc ở Nga

[19] Một bang ở Ấn Độ.

[20] Phố Fleet (Fleet Street): Chỉ giới ký giả, giới báo chí tại Anh. Nhiều tòa soạn báo Anh quốc có địa chỉ tại đây.

[21] Mea culpa: Tiếng Latinh, nghĩa là "Lỗi của tôi".

[22] MacTavish (hay McTavish): Một dòng họ Scotland, gia tộc lớn ở Scotland. Cả câu mang hàm ý chế giễu ông Collins hà tiện như người Scotland.

[23] Ấm trà truyền thống của Nga.

[24] Cà nhắc: đi khắp khiêng, động từ tiếng Pháp là boiter. Il Bioter: Anh ta Cà nhắc.

[25] Bài hát thiếu nhi phổ biến ở Anh, được dùng để ca ngợi bạn bè.

[26] Boje moi: từ tiếng Nga, nghĩa là "Ôi Chúa ơi!".

[27] Câu thành ngữ Latinh, ý nghĩa: "Chỉ có thể nói điều tốt lành về người đã khuất".

[28] Từ điển tiếng Pháp.

[29] Choroscho (Xopono) là một từ tiếng Nga có nghĩa là "Được thôi!".

[30] Bộ môn cờ của Bỉ.